

Trần Thu Trang dịch

ĐẢO

MẶT NẠ



# Table of Contents

ĐỘC GIẢ THÂN MẾN

Chương 1 NHỮNG KỶ SĨ TRÊN TẦNG ÁP MÁI

Chương 2 BÁ TƯỚC TRO

Chương 3 THÔNG ĐIỆP CỦA CHUÔNG

Chương 4 CỬA ĐÓNG – CỬA MỞ

Chương 5 CĂN PHÒNG BÍ MẬT

Chương 6 BÀ CÚ GIÀ

Chương 7 NHỮNG DẤU VẾT

Chương 8 KHÚC CA CỦA BIỂN

Chương 9 ĐOÀN LỮ HÀNH

Chương 10 SỰ CHIA CẮT

Chương 11 NHỮNG KẼ ĐỘT NHẬP

Chương 12 NGÔI NHÀ CŨ

Chương 13 NHỮNG NIỀM VUI MỎNG MANH

Chương 14 CĂN PHÒNG CỦA CÔ GÁI

Chương 15 Ở NGỌN HẢI ĐĂNG

Chương 16 PHÍA SAU KHUNG TRANH

Chương 17 CÔNG VIÊN RÙA

Chương 18 CÁI GIẾNG VÀ CHIM BỒ CÂU

Chương 19 CUỐN SÁCH CẨM

Chương 20 THỢ ĐỒNG HỒ BẠC THẦY

Chương 21 VỊ THUYỀN TRƯỞNG

Chương 22 NGƯỜI CHÈO THUYỀN ĐEN

Chương 23 ĐẢO MẶT NẠ

Chương 24 CUỘC GẶP

Chương 25 LỬA PHÙNG PHÙNG

Chương 26 TRỞ VỀ NHÀ

Chương 27 NHỮNG NGƯỜI MẤT NGỦ







# ĐỘC GIẢ THÂN MẾN

---

**S**au nhiều nỗ lực, anh Pierdomenico rốt cuộc đã có thể gửi cho chúng tôi bản dịch bản thảo thứ tư của ngài Ulysses Moore. Khi đọc nó, các bạn sẽ khám phá được rất nhiều điều... Mặc dù vô cùng háo hức theo dõi diễn biến của câu chuyện bí ẩn này, nhưng chúng tôi cũng lo cho người cộng sự của mình: theo như những gì đã viết cho chúng tôi, anh ấy dường như sắp khám phá ra nơi ẩn náu của ngôi làng Kilmore Cove. Tuy vậy, kể từ lúc đó anh ấy không liên lạc gì thêm và điện thoại di động của anh lúc nào cũng tắt. Chúng tôi hy vọng có thể sớm cung cấp cho các bạn thông tin về anh ấy...

Ban biên tập

---

## **Làng Kilmore Cove có tồn tại!!**

Từ: Pierdomenico Baccalario

Tiêu đề: Làng Kilmore Cove có tồn tại!!

Ngày: 03 tháng 2 năm 2006 16:24:01

Tới: Ban biên tập

Các bạn thân mến,

Tôi quả thực lo lắng. Tôi đã thử mọi cách để gửi e-mail kèm bản dịch tập bản thảo thứ tư cho các bạn nhưng lúc nào thư cũng bị gửi trả lại. Nếu lần này nó đến tay các bạn thì xin vui lòng hồi âm ngay cho tôi nhé.

Cuốn bản thảo đầy ắp những điều bất ngờ này sẽ khiến các bạn phải há hốc miệng kinh ngạc... nhưng tôi không có thời gian để kể gì thêm.

Điều tôi trăn trở lúc này là tìm ra Kilmore Cove, ngôi làng ma ấy.

Ngày hôm kia, tôi và ông chủ quán trọ Zennor đã đi tìm nó, ông ấy hiện đang rất hiếu kỳ với toàn bộ sự việc này tới mức nài nỉ được đi cùng tôi.

Manh mối duy nhất của chúng tôi là cuốn sách hướng dẫn du lịch Kilmore Cove mà một người đàn ông bí ẩn (có thể là Ulysses Moore chăng?) đã cố tình để lại trên bàn tôi trong quán cà phê. Tôi đã kiểm tra rồi: nhà xuất bản phát hành cuốn sách đã đóng cửa mười lăm năm nay và dường như không còn bản nào lưu hành trên thị trường, kể cả ở cửa hàng phong phú nhất trong số các tiệm sách cổ của Notting Hill.

Nhưng không sao, bây giờ thì ổn cả... tôi tin chắc đã tìm thấy ngôi làng ma khiến tôi khổ sở mấy tháng nay!

Chúng tôi đến bằng xe hơi những nơi mà cuốn sách hướng dẫn gọi là “khu vực lân cận của Kilmore Cove” và men theo con đường ven biển cho đến một ngã rẽ.

Những biển báo cắm vào chắn ngang trước con đường, và tôi ngờ rằng có lẽ ai đó muốn ngăn cản chúng tôi tới được Kilmore Cove! Thế là tôi bước xuống xe, nhắc mấy tấm biển sang một bên và tiếp tục lái xe dọc bờ biển.

Giá mà chúng tôi đừng đi tiếp! Ở khúc cua đầu tiên, con đường nhựa biến thành miếng phô mai với những cái hố khổng lồ ở khắp nơi. Ông chủ quán trọ bắt đầu sốt ruột và chỉ cho tôi thấy một chiếc xe ủi to kèngh nằm chình ình giữa đường...

Một quý ông lịch lãm ra hiệu cho chúng tôi tấp vào lề đường và hỏi xem liệu chúng tôi có nhìn thấy những tấm biển cấm. Ông ấy mặc bộ đồ lao động liền thân được là lượt phẳng phiu và thơm nức mùi nước hoa oải

hương. Tôi cố hình dung xem ông ấy có phải người mình đã từng chạm mặt ở quán cà phê không... nhưng gương mặt ông bị chiếc mũ bảo hiểm màu vàng che khuất.

Sau đó tôi thấy ông ấy ra hiệu cho người đàn ông đang điều khiển chiếc máy xúc và tôi hiểu rằng đã đến lúc mình phải quay về.

Khi về đến quán trọ, tôi đã cố gửi cho các bạn nội dung của tập bản thảo thứ tư trước khi quay lại tìm con đường bị chặn ngang đó.

À, còn một việc cuối cùng: ông chủ quán trọ nói rằng ông ấy để ý thấy người đàn ông lái máy xúc mang một tấm băng đen trên mắt. Việc này có nói lên điều gì với các bạn không?

Hẹn sớm gặp lại các bạn, ít nhất thì tôi hy vọng là thế...

*Pierdomenico*



## Chương 1

# NHỮNG KỸ SĨ TRÊN TẦNG ÁP MÁI

---

**N**gọn hải đăng của làng Kilmore Cove bật sáng với một tiếng vang bất chợt. Cột sáng hình phễu màu trắng bắt đầu chậm chậm xoay quanh dò xét mặt biển và bờ biển. Nó lan xa, trên những con sóng tối màu, và cắt ngang những mảng sáng của bầu trời đêm. Nó quét qua những mái nhà của ngôi làng, với tới tận những ngọn đồi, quấy rầy lũ thỏ hoang và bọn cú mèo đang đứng bất động khi ánh sáng lướt qua.

Khi đến hàng cây cổ thụ trong khu vườn của Biệt thự Argo, nó len lỏi qua khe chớp cửa sổ bằng gỗ hướng ra biển.

Trong căn phòng áp mái có ba người đang lom khom bên chiếc rương du lịch cũ đóng kín, trên đó đầy vết lõm và tem nhãn bị xé toạc.

“Chỉ có thể là Leonard...” Ông Nestor, người làm vườn, nói.

“Ngọn hải đăng.” Julia bổ sung để cậu em trai rõ.

Jason vẫn chưa được thấy nó hoạt động bao giờ: vì tối hôm trước cậu bé đang ở Xứ Punt tận Ai Cập. Cậu tiến lại gần những cánh cửa sổ bao kín phòng gác mái và nhìn ra ngoài màn đêm tối.



“Chao ôi!” Jason thăm thì, khi ánh sáng phủ lên người cậu lần thứ hai. Bóng cậu bé đồ dài, chạm tới những góc ngách xa nhất của căn phòng, nơi đám đồ đạc được phủ ga trắng và những bức tranh bị bỏ xó. “Tối nào nó cũng hoạt động ạ?”

“Chỉ khi nào Leonard nhớ ra phải bật nó thôi.” Ông Nestor húng hắng ho, trả lời. Trong không khí có mùi keo khô.

Julia mỉm cười. Đã hai tối liên tiếp Leonard nhớ bật ngọn hải đăng. Đêm hôm trước, con mắt hiếu kỳ đó đã bầu bạn với cô bé trong khi cơn bão nổi thịnh nộ, còn Manfred thì tìm cách phá cửa Biệt thự Argo.

Jason trở lại quỳ gối bên chiếc rương. Cậu giúp chị gái mở ổ khóa cuối cùng rồi chộp lấy cái nắp rương. Một chiếc tem rách chia dòng chữ “VENICE, kỷ niệm” thành nhiều mảnh, với nét chữ viết tay góc cạnh của ngài Ulysses Moore, chủ cũ của ngôi nhà.

“Đây rồi!” Jason run run nói. Cậu mở nắp rương, một lớp bụi bay ra.

Ánh sáng ngọn hải đăng nhảy múa trong căn phòng áp mái.

“Tuyệt quá...” Julia vừa nói vừa vuốt ve tấm vải đỏ mềm mại bọc hạt thơm để xoa lũ nhậy và những loài gặm nhấm.

“Cái này có lẽ là một tấm áo choàng.” Jason đánh bạo đoán. Cậu khéo léo nhấc lên tấm vải với họa tiết hoa cỏ màu đỏ tạo nên những ánh sắc kỳ lạ, như thể có những sợi chỉ bạc được dệt trong tấm vải đó.

Chiếc rương có ba ngăn, mỗi ngăn được đánh dấu nhờ một chiếc huy chương cũ và vài chiếc mặt nạ bằng giấy bồi trắng.

“Mặt nạ Venice!” Julia reo to và hết sức nhẹ nhàng cầm lên một chiếc. Cô bé xoay nó giữa các ngón tay: đó là một khuôn mặt với hốc mắt trống rỗng, chiếc mũi nhọn, hai giọt nước mắt bằng vàng và chiếc khăn trùm đầu màu

đen gắn trên trán. Có cả thảy ba chiếc mặt nạ đặt trên ba tấm vải đen như màn đêm: chính là những tấm áo choàng cổ được cài bằng hai chiếc ghim sơn mài.

Hai đứa trẻ im lặng đặt mặt nạ và trái áo choàng thẳng hàng trên sàn phòng áp mái dưới ánh mắt tò mò của ông Nestor.

Chúng còn tìm thấy trong rương vài chiếc khăn tay có thêu chữ U.M. và P.M., một đôi găng tay bằng ren, một chiếc khăn len dài lượt thướt, một chiếc ghim cài hình chó săn, một chiếc ống nhòm một mắt thường dùng ở rạp hát, cây batoong cán đồng và một tấm bản đồ Venice thế kỷ 18 với những dòng chữ đã phai màu. Tấm bản đồ mong manh đến mức Jason suýt làm rách trong lúc cố mở nó ra. Cuối cùng, dưới đáy rương là tập lời thoại của một vở hài kịch và vài tờ giấy mời năm trong phong bì giờ đã ố vàng, trên đó nổi bật lên dòng chữ Rạp hát Thiên Thần.

Bọn trẻ chuyền tay nhau từng món đồ một và cố hình dung xem liệu những thứ đó có thể dùng vào việc gì. Ông Nestor kể lại những điều ít ỏi mà ông biết về các lễ hội và cuộc sống của Venice cổ xưa nhờ những câu chuyện của ông bà Moore. Thế là trong gần một giờ đồng hồ, thay vì ở căn phòng áp mái bụi bặm với đồng hồ đặc phủ vải thì Jason và Julia lại hình dung mình đang ở giữa những bí mật huyền diệu nơi thành phố của các con kênh, nơi những sảnh khiêu vũ náo nhiệt, giữa mặt nạ, âm nhạc và tiếng cười.

Sau đó cơn buồn ngủ bắt đầu làm tan biến giấc mơ và, không biết đã ngáp đến lần thứ bao nhiêu, ông Nestor bế mạc bằng một cơn ho.

“Ta nghĩ đã đến giờ đi ngủ rồi đấy. Ngày mai các cháu còn phải đi học.”

Jason cầm lấy một trong số những chiếc mặt nạ và áp vào mặt mình, rồi cậu đột ngột quay về phía chị gái, gầm lên một tiếng đáng sợ.

“Áaaa!” Julia hét lên. “Dừng lại đi! Chẳng buồn cười chút nào cả!”

## Chương 2

# BÁ TƯỚC TRO

---

**L**àn sương đầy hăm dọa dâng lên từ các con kênh trong thành phố và bông bành trôi khiến những tòa nhà thoát ẩn thoát hiện. Những người lái thuyền gondola đang nằm dài nghỉ ngơi trong lòng chiếc thuyền màu đen, dưới tấm chắn len kéo cao tới tận mũi. Kinh nghiệm đã tạo cho họ thói quen không bận tâm đến bất kỳ tiếng động nào.

Buổi đêm ở Venice chỉ có những chiếc mặt nạ còn qua lại. Một chiếc màu tím, dáng người gày gò và bước đi thận trọng dọc theo các con kênh của khu ổ chuột cũ kỹ. Cô ta đi giày gót rất cao khiến dáng đi thật kỳ cục, như thể một con cò. Những tấm biển đề tên phố bị nấm mốc ăn mòn ngày một thưa thớt, nhưng cô gái không hề đi chậm lại. Cô ta có một cuộc hẹn không thể bỏ lỡ.

Cô ta gắng định hướng giữa những cái tên lạ lùng: “calle” nghĩa là “phố”, cũng như “ruga”, “vicolo”, “fondamenta” hay “palizzata”. Quảng trường được gọi là “campi”, còn những cây cầu mang tên tưởng tượng khác với tên thực. Thành phố này đầy rẫy những tảng đá đặc biệt: đá đục lỗ được sử dụng với mục đích bí ẩn, vỉa hè thì không được giẫm lên vì chúng mang điềm gở, chạm vào những gốc cây vì chúng có phép màu. Còn những tảng đá ở góc đường, được gọi là “cái bấu của kẻ cướp”, có tác dụng ngăn bọn cướp đường trốn trong những góc tối tăm nhất.

Nhưng chiếc mặt nạ tím kia dường như chẳng hề ái ngại những góc tối. Sau khi đi qua cây cầu đang say ngủ thứ bao nhiêu không rõ và rẽ trái, cuối cùng cô ta cũng dừng bước trước một con hẻm chật chội nằm giữa những tòa nhà lụp xụp, ẩm thấp và xiêu vẹo, với những ngọn tháp nhô ra. Lò sưởi các nhà xung quanh đã tắt. Cửa sổ tối om.

Cô đã tới phố Tử Thần.

“Cô tới muộn...” Một giọng nói rít lên từ nơi bóng tối đen đặc nhất.

Đó là giọng của một người đàn ông giấu mình sau chiếc mặt nạ xám với cái mỏ quạ dài và một tấm áo choàng màu khói khiến ông ta trông hết một con chim có bộ lông nham nhở.

“Tôi đã đi nhanh nhất có thể... trên đôi giày này!” Mặt nạ tím than thở.

Cô lê bước tới những bậc thang dẫn lên một cánh cổng nhỏ và ngồi xuống, tìm cách cởi giày. Sau đó cô duỗi đôi chân gày gò bọc trong tấm áo choàng cùng sắc tím với đôi giày và tựa đầu về phía sau, để lộ ra chiếc cổ phụ nữ mảnh khảnh.

“Ngọt ngọt quá...”

“Dừng lại!” Người đeo mặt nạ mỏ chim ra lệnh khi trực giác mách bảo rằng người phụ nữ kia muốn tháo chiếc mặt nạ xuống. “Tôi không cần biết danh tính của cô. Cô cũng không phải biết danh tính của tôi! Cô ổn chứ?”

“Tôi mệt lử.”

“Cô gầy quá. Cô đang bị ốm à?”

Người phụ nữ sau chiếc mặt nạ tím chậm rãi lấy lại nhịp thở trước khi đáp lời.

“Ông không phải người đầu tiên hỏi tôi như vậy. Tôi không ốm. Tôi chỉ mệt mà thôi.”

“Cũng có thể... Nhưng tôi khuyên cô nên đi khám. Trông cô như chân dung của tử thần vậy.”

“Ông mới lịch thiệp làm sao.” Chiếc mặt nạ tím đứng dậy. “Dẫu sao... nếu ông cho phép, ông hãy lo cho thân ông đi. Còn tôi sẽ tự lo cho mình. Nếu tôi không nhầm thì chúng ta ở đây là vì công việc.”

“Vâng, cô đang tìm người có thể tiếp cận với thông tin của Hội đồng Thập viên. Có tôi đây. Cô muốn tìm điều gì?”

“Không phải điều gì, mà là ai. Tôi cần tìm một người đàn ông bị đồn đoán là có phép thuật.”

Chiếc mặt nạ mở chim lê chân trên đá cuội ẩm ướt, tiến lại gần những bậc thang. Những cuộn hơi nước hình xoắn ốc bốc lên từ con kênh gần nhất, đùa giỡn với ánh trăng.

“Tôi nghĩ cô biết rõ những chỉ thị của Hội đồng Thập viên về chuyện phép thuật. Ở Venice, những hành động đó bị cấm giống như trò đánh bạc hay bất kỳ thể loại pháp sư, gian lận, lừa đảo và buôn bán bùa mê thần chú nào.”

“Vì thế tôi mới phải nhờ tới ông.”

“Cô muốn tôi nói qua kho lưu trữ thông tin của Hội ư?”

“Tôi biết Hội đồng Thập viên quản lý báo cáo của nhóm bảo vệ thành phố bí mật.”

“Cô quả rất am tường mọi việc, thưa cô. Và tôi vinh dự là thành viên trong nhóm. Nhưng tôi hoàn toàn không biết danh tính của những người bảo vệ bí



mặt khác. Ngay cả khi tụ họp, chúng tôi cũng luôn đeo mặt nạ như cô thấy. Hãy nói cho tôi biết, rốt cuộc cô đang muốn tìm ai?”

“Ông ta tên là Peter Dedalus.” Chiếc mặt nạ màu tím rít lên.

Người bảo vệ bí mật suy nghĩ hồi lâu trước khi trả lời.

“Tôi e rằng đó là một cái tên mới với chúng tôi. Ông ta làm gì?”

“Ông ta chế tạo máy móc, những món đồ quý quái và đồng hồ.”

“Cô nói đồng hồ ư?”

“Đồng hồ, đúng, to nhỏ đủ loại, với mọi hình dạng và kích cỡ.”

“Vậy có điều gì ma thuật, hay nguy hiểm trong cách cư xử của người đàn ông này?”

Mặt nạ màu tím lấy từ áo choàng ra một túi tiền đầy căng.

“Đó là ai tìm được ông ta sẽ trở nên giàu có bất ngờ. Cực giàu. Hơn hẳn mức lương bảo vệ bình thường...”

Người đàn ông lùi lại hăm vài bước, vì ông thực sự kinh ngạc và phẫn nộ trước lời đề nghị đó.

“Đây là hối lộ. Và hối lộ là điều mà Hội đồng Thập viên buộc phải loại trừ.”

“Ông luôn có cơ hội làm điều này. Nếu ông tìm được Peter Dedalus, số tiền này sẽ là của ông.”

Vài đồng tiền được trao tay chớp nhoáng để khẳng định rõ hơn lời đề nghị.

Sau đó là một khoảng lặng kéo dài.

“Chúng ta hãy gặp lại vào lúc sáu giờ tối mai,” cuối cùng người bảo vệ lên tiếng. “Tại tiệm cà phê ở quảng trường San Marco. Tôi sẽ cho cô biết điều tôi khám phá được về người đàn ông cô cần tìm.”

“Tốt. Làm sao để tôi nhận ra ông?”

“Tôi sẽ ăn vận như thế này.”

“Ông cũng có tên chứ?”

“Cô có thể gọi tôi là Bá Tước Tro.”

“Quyển rũ đó. Vậy hẹn ông lúc sáu giờ tối mai. Nhớ chỉ mang cho tôi tin tốt thôi nhé, Bá Tước Tro.”

Người bảo vệ khuất dần trên phố Tử Thần. Rồi dường như nhớ ra, ông ta quay lại hỏi.

“Còn cô, cô cũng có tên chứ?”

“Ông có thể gọi tôi là Newton,” chiếc mặt nạ tím trả lời. “Giống tên nhà bác học người Anh.”

## Chương 3

# THÔNG ĐIỆP CỦA CHUÔNG

---

**T**iếng chuông ngân vang giữa những bức tường của trường học và tiếng hò reo sung sướng của tụi nhỏ lan khắp tòa nhà.

“Các em, trật tự nào...” Bà giáo Stella cất giọng yếu ớt, tay bà dính đầy phấn. Trong khi đó, một đám đông om sòm đủ lứa tuổi bên ngoài đang lao thẳng xuống cầu thang. Tiếng la hét chỉ giảm bớt trước căn phòng có cánh cửa nhỏ bằng kính mờ màu vàng của thầy hiệu trưởng, đằng sau cánh cửa đó có trời mới biết điều kinh khủng gì có thể diễn ra, rồi bọn trẻ lại huyên náo khi tới được dãy hành lang mái vòm hướng ra quảng trường.

Chỉ trong chốc lát, cả ngôi trường Kilmore Cove trở nên trống trơn.

Hoặc gần như vậy.

Ngay khi vừa tới cửa ra, một cậu bé lao ngược trở lại, leo lên cầu thang hai bước một và đi vào lớp. Cậu lấy chiếc ba lô để quên ở gần bàn học rồi vội quay trở ra.

Nhưng khi ngang qua cánh cửa màu vàng của thầy hiệu trưởng lần thứ hai, một giọng nói trầm trầm đầy uy quyền chặn cậu lại.

“Đứng lại!” Thầy hiệu trưởng quát lớn ngay khi vừa bước ra khỏi văn phòng. “Cậu là ai?”

“Em là Jason Covenant.” Cậu bé miễn cưỡng quay người lại trả lời.

Cậu thấy trước mặt mình là một người đàn ông cao và gầy, giống như chú thiên nga đen xỏ một đôi giày bóng loáng. Vẻ bề ngoài nghiêm nghị của ông bị chiếc nơ bướm chấm bi gắn trên cổ áo sơ mi phá hỏng. Jason bặm môi để khỏi phì cười.

“Covenant à?” Thầy hiệu trưởng phân vân. “Tôi chẳng nhớ ra Covenant nào trong sổ học sinh của trường này.”

“Em rất tiếc, thưa thầy...” Cậu không nhớ tên của thầy hiệu trưởng. “Em và chị gái mới chuyển tới làng được vài ngày và...”

Ông hiệu trưởng bật ngón tay.

“À, dĩ nhiên rồi! Những người London! Hai chị em sinh đôi bé nhỏ ở Biệt thự Argo.”

Jason miễn cưỡng chấp nhận định nghĩa “sinh đôi bé nhỏ”, cậu chỉ mong thoát khỏi cuộc gặp chẳng mấy dễ chịu này càng nhanh càng tốt.

Nhưng có vẻ như ông hiệu trưởng lại không nghĩ vậy.

“Này chàng trai, cậu thấy sống ở một ngôi làng nhỏ như Kilmore Cove thế nào?”

“Rất tuyệt ạ, thưa thầy.”

“Thế còn ở trong ngôi nhà... kỳ lạ đó thì sao?” Ông nhếch miệng cười đầy hàm ý.

“Kỳ lạ ư? Tại sao thầy lại nói vậy ạ?”

Ông hiệu trưởng không trả lời. Ông đặt một tay lên vai Jason và đi cùng cậu bé tới tận lối ra, như thể cậu ta sắp phải thú nhận với ông một điều bí mật

có trời mới biết. Quảng trường nhỏ trước cổng trường lúc này hoàn toàn vắng vẻ, chỉ còn mỗi Julia và Rick. Tiếng cười nói xa xa tản dần vào những con hẻm và ngôi nhà bằng đá.

“Tôi nghĩ kia là chị của cậu.” Ông hiệu trưởng nói.

“Ôi, không. Đó là Rick. Rick Banner. Cậu ấy sống ở đây, đằng sau trường ạ.” Jason trả lời với nụ cười láu cá.

Ông hiệu trưởng im lặng, khá kinh ngạc vì Jason có thể thoát được khỏi tầm tay mình.

“Bây giờ em có thể đi rồi chứ ạ? Em chào thầy!” Và, không chờ câu trả lời, cậu nhanh chân chạy ra chỗ bạn.

“Thầy ấy muốn gì vậy?”

“Mình không biết. Chắc thầy ấy muốn hỏi mình vài câu thôi. Tiếc là lúc đó mình thậm chí chẳng nhớ được thầy ấy tên gì...”

Rick đi phía trước bọn chúng.

“Thầy Marriet. Ursus Marriet. Nhưng các cậu đừng gọi là Ursus vì thầy sẽ nổi khùng lên đấy.”

“Ursus?” Julia lẩm bẩm. “Ở làng này không ai có nổi một cái tên bình thường ư?”

“Mẹ mình có tên bình thường mà.” Rick trả lời và vẫn rảo bước.

“Là gì?”

“Là Mẹ.”

“Thầy ấy nói Biệt thự Argo là một ngôi nhà kỳ lạ.” Jason tiếp lời.



“Nghĩa là sao?”

“Thầy ấy chẳng giải thích gì, nhưng mắt lại bừng sáng... Cậu biết không, như thể thầy ấy muốn nói điều gì đó với mình.”

“Có lẽ vậy, nhưng chắc chỉ là một điều vô ích như mọi khi thôi.” Rick bình luận. “Dù sao... các cậu có phiền không nếu bọn mình hội ý một chút? Bọn mình có một kế hoạch nóng hổi!”

“Úi chà! Mình chẳng thấy có gì đặc biệt.” Jason bông đùa. “Bọn mình chỉ phải du hành thời gian đến Venice, tìm được ông Peter Dedalus trước mộ Oblivia Newton rồi hỏi ông ấy bí mật có thể kiểm soát được tất cả các cánh cửa trong làng.”

“Trước khi bố mẹ mình trở về nữa.” Julia giơ ngón trỏ bàn tay phải lên bổ sung.

Chúng tới chỗ cột đèn nơi khóa hai chiếc xe đạp: một cái đã cũ kỹ và cái còn lại có màu hồng rực.

“Mình nghĩ bọn mình có thể chia tay ở đây.” Rick chỉ con đường dẫn vào làng và chạy lên hướng nhà ga. “Mình sẽ tạt nhanh qua nhà, lấy xe đạp rồi đến gặp các cậu ở Biệt thự Argo.”

“Rất tốt. Mình sẽ qua chỗ cô Calypso để hỏi về cuốn sách hướng dẫn du lịch Kilmore Cove mà mình thấy hôm qua.” Julia đề xuất. “Có lẽ cuốn sách cũ ấy chứa đầy những thông tin thú vị... Giá mà mình kịp đút nó vào túi cùng với tờ giấy mình tìm thấy bên trong! Nhưng cô Calypso đã bắt gặp mình đang mò mẫm và... mình cũng không sẵn sàng cho lắm.”

“Còn mình...” Jason mở lời. Rồi cậu khiếp đảm nhìn chiếc xe đạp hồng và nói thêm. “Mình sẽ trốn trong nhà, trước khi thầy hiệu trưởng nhìn thấy mình đi cái thứ cũ kỹ xiêu vẹo này.”

“VẬY HẸN LÁT NỮA GẶP LẠI CÁC CẬU.” RICK CHÀO HAI NGƯỜI BẠN VÀ XỐC LẠI CHIẾC BA LÔ TRÊN VAI.

## Chương 4

# CỬA ĐÓNG – CỬA MỞ

---

**T**ấm biển Đảo Calypso lười biếng đu đưa trong làn gió nhẹ thổi vào từ cảng. Julia đẩy cửa để bước vào hiệu sách, nhưng nó đã bị khóa.

“Tiếc thật!” Julia thốt lên. Cô bé hy vọng hiệu sách mở cửa để được đặt tay lên cuốn Người lữ hành tò mò, cuốn sách hướng dẫn du lịch về Kilmore Cove và bên trong đó, mới ngày hôm trước, cô bé đã tìm thấy một tờ giấy có những ghi chép kỳ lạ. Ai đó muốn báo rằng đường ray của ngôi làng chẳng dẫn tới đâu cả và ở quảng trường có bức tượng của một vị vua chưa từng tồn tại... Hơn nữa, ông Nestor cũng đã khẳng định điều này là sự thật.

Julia áp mặt vào cửa kính để quan sát bên trong nhưng đột nhiên cô bé giật mình lùi lại. Julia có cảm giác ai đó đang nhìn mình từ phía bên kia cánh cửa. “Ngốc thật!” Cô bé tự nhủ ngay khi trấn tĩnh trở lại.

“Cô Calypso ơ?” Julia cất tiếng gọi.

Sau đó cô bé lùi ra xa, đứng dưới cái nắng chói chang. Bầu trời xanh được điểm xuyết vài đám mây. Tháp chuông nhà thờ ngân lên theo nhịp chậm rãi, khiến bầy chim tung cánh bay đi.

“Phải rồi!” Julia nhìn đồng hồ. Hiệu sách đúng ra vẫn còn mở cửa.

Cô bé cố gắng lần cuối, băng qua quảng trường và bước vào Bưu điện nằm ở phía bên kia. Đúng như cô bé hình dung, cô thủ thư đang bận rộn trong

vai trò thứ hai của mình: người đưa thư. Với tấm vành lưỡi trai màu xanh lá cây trên trán, cô ngồi phía sau quầy bưu phẩm gửi bảo đảm.

“Chào cô Calypso!”

Cô ngẩng đầu khỏi những bức thư mang đầy dấu bưu điện.

“Cô gái trẻ nhà Covenant! Ta có thể giúp gì cho cháu nào?”

“Thực ra, cháu mong gặp được cô ở tiệm sách...”

Người phụ nữ chỉ tay vào những chiếc túi bằng vải bố thô ráp chất đống phía sau như đống gỗ sồi.

“Cô rất tiếc, nhưng... thứ hai nào cô cũng ở đây.”

Cô nhìn chăm chú vào địa chỉ được viết trên một chiếc phong bì, sau khi quyết định rằng bức thư ấy có thể gửi đi cô ném nó vào một trong những tiếc túi sau lưng mình.

“Với những máy móc hiện đại đọc bưu phẩm bằng tia la-ze này, vẫn phải kiểm tra lại tất cả các địa chỉ. Nếu không những cái máy ngớ ngẩn này sẽ loại đi vô ích một đồng thư từ... Ôi, công nghệ! Vài năm trước, cháu có thể viết một tấm bưu thiệp đề ‘Gửi thầy hiệu trưởng trường Kilmore Cove’, và nó vẫn đến tay thầy ấy bình thường. Bởi vì chính người đưa thư phải đọc địa chỉ. Còn bây giờ, nếu cháu không viết mã bưu chính và địa chỉ chính xác của người cháu muốn gửi thì nó sẽ không bao giờ đến được...”

“Mã bưu chính của Kilmore Cove là gì ạ?” Julia bỗng hỏi.

Cô Calypso nâng tấm lưỡi trai lên.

“Cháu thì cần gì mã bưu chính? Cháu đã ở Kilmore Cove rồi mà, còn ở đây đã có cô lo phân loại bưu phẩm. Mã bưu chính chỉ dành cho ai phải viết thư cho người ở Kilmore Cove... từ bên ngoài. Dấu sao thì, nếu không nhầm,”

cô Calypso đột ngột nói tiếp với giọng điệu hối hả. “Tiếng chuông báo hiệu buổi sáng làm việc tại bưu điện của cô đã hết.”

Cô thủ thư đứng dậy khỏi chiếc ghế đẩu, gần như hoàn toàn biến mất phía sau quầy và xuất hiện ở một cánh cửa gỗ nhỏ sau chốc lát.

“Cháu vừa bảo cháu cần một quyển sách phải không? Cháu đã đọc xong cuốn cô đưa chưa?”

“À... ừm...” Julia lắp bắp, thấy có lỗi vì đã lờ tịt việc đọc cuốn *Đồi gió hú*. “Thực ra cháu vẫn chưa đọc xong, nhưng...”

Cô Calypso đóng cánh cửa chớp của Bưu điện với một tiếng động chói tai.

“Vậy cô có thể giúp gì cho cháu nào?”

“Cô có nhớ lần cuối bọn cháu đến chỗ cô để gọi điện thoại không ạ?”

“Vì mới chỉ chiều qua và trí nhớ của cô vẫn hoạt động... nên có. Rồi sao nữa?”

Cô Calypso tra chiếc chìa khóa sáng choang và mông dính vào ổ khóa rồi xoay nó.

“Thế này ạ... Trong lúc đang gọi điện, có vẻ cháu đã nhìn thấy cuốn sách mà cháu rất quan tâm.”

“Có vẻ cháu đã thấy hay đã thực sự thấy?” Cô Calypso hỏi dồn, lần lần căn trước cánh cửa vẫn đang đóng kín.

“Cháu đã thấy nó.”

Trong vài giây, cả hai cô cháu đứng bất động bên ngoài hiệu sách. Từ bên trong phát ra một tiếng rầm, giống như tiếng một chồng sách rơi xuống sàn.



Cô Calypso tỏ vẻ không hề nhận ra.

“Cô có thể biết đó là cuốn sách nào để khỏi phải mất cả đêm ở đây không?”

“Nó dày khoảng chừng này và...”

Cô Calypso khúc khích cười.

“Đó hóa ra là điều đầu tiên người ta để ý tới một cuốn sách. Những thông tin như tiêu đề hay tên tác giả dường như chỉ là thứ yếu...”

“Người lữ hành tò mò ạ,” Julia thở thè. “Một cuốn hướng dẫn du lịch cũ về Kilmore Cove.”

Nếu lúc ấy có con ruồi nào vô tình bay ngang qua mắt của cô Calypso, nó hẳn sẽ bị cháy thành tro. Nhưng chỉ trong chốc lát, cô thủ thư nhỏ bé đã lấy lại ánh nhìn dịu dàng thường ngày của mình.

“Ý cháu là cuốn sách bỏ túi có gáy bằng nhung đỏ?”

“Vâng, là quyển đó ạ!”

“Ôi, tiếc quá! Có lẽ nó đã ở trong cửa hàng ít nhất hai mươi năm rồi, nhưng... ta đã bán nó tối hôm qua, ngay sau khi các cháu ghé qua!”

“Bán rồi ạ?”

“Ừ, cho một ông khách qua đường muốn biết có gì thú vị ở khu vực này. ‘Nếu ông muốn biết ngôi làng này có gì, hãy đi dạo quanh bến cảng với một cuốn sách hay’, ta đã trả lời như vậy. Nhưng ông ấy cứ nài nỉ mãi cho đến khi ta nhớ ra là còn giữ một cuốn sách hướng dẫn. Với những tấm hình đen trắng cũ kỹ, trông cuốn sách cũng chẳng bắt mắt lắm, nhưng ông ấy vẫn ưng nó. Thế là ông ấy đã mua nó.”

“Ông ấy trông như thế nào ạ?”

“Ta phải thừa nhận đó là một người đàn ông đẹp trai,” cô Calypso trả lời, khép hờ cánh cửa hiệu sách. “Ông ấy cao, thanh lịch và có tác phong hào hoa.”

Nhìn khe hở màu đen dẫn lối vào bên trong hiệu sách, Julia cảm thấy một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng.

Lẽ nào việc ai đó tìm thấy cuốn hướng dẫn sau hai mươi năm nằm trên giá sách chỉ đơn thuần là sự trùng hợp? Lại còn ngay sau khi chúng ghé qua? Người đàn ông thanh lịch đã mua nó có thể là ai? Và tại sao lại vào đúng lúc này?

Julia kiểm tra xem bốn chiếc chìa khóa của Cánh cửa Thời gian có còn trong túi không, và đột nhiên cô bé thấy chúng trở nên rất nặng. Cô bé lùi lại vài bước.

“Chúng ta có thể đặt mua một cuốn khác, nếu nhà xuất bản vẫn còn hoạt động...”

Nhưng lúc này Julia chỉ muốn rời xa chỗ đó. Cô bé tới chỗ chiếc xe đạp và lắp bắp.

“Không... không sao đâu, cô Calypso! Cô đừng lo. Chỉ là cháu tò mò thôi mà.”

Rồi cô bé lên xe đạp như bay về nhà.

Rick cũng phóng nhanh về nhà. Cậu chạy lên để chào mẹ, nhưng chỉ dừng lại một lát, rồi lại nhảy xuống bốn bậc thang một chạy nhanh ra khỏi nhà.

Khi ra đến đường cái, cậu bé ngược lên và bắt gặp ánh nhìn lo lắng mơ hồ của mẹ đang chào cậu từ sau khung cửa sổ phòng bếp.

Rick vẫy tay và cẩn thận không để bà thấy vết xước trên cánh tay mình. Đó là kỷ niệm mà chiếc xe mô tô của Manfred để lại cho cậu, và cậu cũng đã trả thù hẳn thật thích đáng. Sau đó Rich xem giờ trên đồng hồ đeo tay và hướng thẳng tới phía nhà thờ.

Nhà thờ Thánh Jacobs là một công trình cao và hẹp với mái dốc. Rick ngả chiếc xe đạp xuống đất, lưỡng lự không biết có nên bước vào hay không: trong sự im lặng huyền ảo của nhà thờ dường như có rất nhiều gai nhỏ nhọn hoắt vô hình đang buộc Rich nghĩ đến những điều mà cậu không hề muốn. Xua đi ký ức về đám tang của cha mình, cậu mở cửa nhà thờ.

“Ôi, cảm ơn con!” Cha Phoenix, cha xứ của làng thốt lên, trên tay ông đang cầm một chiếc gậy cong queo dài ngoẵng, đầu dưới có buộc thêm giẻ lau. Như mọi khi, cha Phoenix rất thẳng thắn và vui tính. “Con tới để giúp ta một tay phải không Banner? Con xách giúp ta cái xô nhé?”

Cái xô ở đây là một thùng lớn chứa đầy nước pha xà phòng. Rick kéo nó ra bên ngoài cùng vị cha xứ đang vui vẻ giải thích cho cậu rằng cha muốn lau chỗ bùn mà trận mưa hai hôm trước để lại trên mặt tiền của nhà thờ.

“Vả lại, ta cũng nên làm việc này nhiều tháng trời rồi...” cha vừa nói vừa nhúng đầu gậy vào nước và nâng nó lên lau dọc mặt tiền.

Rick đứng quan sát đầy ngưỡng mộ: cha Phoenix luôn cố gắng hết sức tất cả những gì mình có và không bao giờ than phiền. Cha luôn tươi cười, biết cứng rắn vừa đủ, nói lời đúng đắn, hoặc luôn có thời gian cho một vài lời khuyên. Và cha thường đoán biết được mọi việc.

“Nói cho ta hết đi, cậu Banner trẻ tuổi,” cha gợi ý trong lúc đang nhón chân đưa cây gậy lên lần thứ năm. “Con cứ yên tâm, ở đây chỉ có con và ta. Mọi người đi ăn cả rồi.”

Rick nhìn quanh, sau đó cậu tiến lại gần lưng áo màu đen của vị cha xứ và thăm thì.

“Đó là về ông Moore ạ.”

Cha Phoenix chống cây gậy xuống đất, bóng của nó đổ dài trên quảng trường giống như một chiếc đồng hồ mặt trời.

“Ông Moore ư? Ông Moore thì có liên quan gì đến con?”

Rick kể cho cha về những người bạn mới và việc bán lại ngôi Biệt thự Argo. Vị cha xứ, hiển nhiên đã biết những việc đó, vẫn hài lòng lắng nghe về tình bạn mới của Rick. Cha vui vì làn gió của những con người mới đã thổi tới làng.

Nhưng cuối cùng, khi Rick đặt cho cha câu hỏi cậu vẫn luôn đau đầu, cha Phoenix suýt thì phì cười.

“Con muốn biết về lễ tang của ông ấy ư?”

“Vâng ạ.” Rick lí nhí trả lời vì đang cảm thấy rất bối rối. Cậu đã không hề chớp mắt, cứ nghĩ mãi về việc vợ chồng ông Moore không ai được chôn cất ở nghĩa trang Kilmore Cove. Và cậu nghĩ cả về những lời Jason nói, mấy ngày nay nó cứ nhắc đi nhắc lại rằng có lẽ người chủ cũ vẫn chưa chết, và ở Biệt thự Argo có ai đó đang ẩn náu...

Rick dốc bầu tâm sự về những điều cậu băn khoăn với cha Phoenix, còn cha rất chăm chú lắng nghe.

“Ta không có mặt lúc việc đó xảy ra,” cha giải thích sau khi Rick nói xong. “Gần như chẳng có ai ở làng dự lễ tang, trừ ông Nestor, Minaxo và cô Calypso.”

“Nhưng tại sao ông ấy không được chôn cất trong nghĩa trang của Kilmore Cove ạ?”

“Nếu là vì điều này thì cả ông bà bố mẹ và vợ của ông ấy cũng vậy.” Vị cha xứ trả lời.

Rick điếng người, quả là vậy thật. Thiếu cả tổ tiên của gia đình, những người có chân dung được treo dọc cầu thang và tên được vẽ trên cây phả hệ ở trần thư viện Biệt thự Argo.

“Lời giải thích rất đơn giản, nhà Moore không được chôn cất trong nghĩa trang bởi dòng họ lâu đời ấy có lăng mộ riêng trên đồi.”

“Lăng mộ? Nghĩa là sao ạ?”

“Đó là kiểu lăng mộ cũ của dòng họ, lối vào nằm ở Công viên Rùa. Đó chính là lý do không ai trong số họ được chôn ở nghĩa trang làng.”

“Vậy là họ được chôn cất... riêng ạ?”

“Cứ coi là như vậy đi, nếu con muốn.”

Rick dường như vẫn còn băn khoăn.

“Nhưng họ mất lúc bao nhiêu tuổi ạ? Và họ mất chính xác vào khi nào ạ, thưa cha?”

“Đừng hỏi một cha xứ già về những con số và ngày tháng, chàng trai,” cha Phoenix đùa. “Ta không phải là người thích hợp.”

“Thế ai là người thích hợp ạ?”

“Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ.” Cha xứ nghĩ một lúc rồi đáp lời.

Rick đã từng thấy Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ và cậu biết người đàn ông ấy được đặt biệt danh như vậy vì mọi người bảo chú dành cả ngày để gà gât bên những trang báo. Nhưng cậu chưa từng nói chuyện với chú Fred và không hay biết chú ấy làm việc ở đâu. Cậu hỏi cha Phoenix, và cha trả lời.

“Con thấy tòa nhà ở phía bên kia quảng trường chứ?”

Đó là một tòa nhà nhỏ bằng đá, có một thảm cỏ xinh xắn nở hoa trước cửa.

“Có ạ.” Rick trả lời.

“Tốt lắm. Có một cánh cửa nhỏ bên hông trái tòa nhà, nó dẫn tới nơi mà ta gọi là văn phòng giấy vụn. Thực ra đó là văn phòng chứng sinh, chứng tử và hộ tịch của làng mình. Ở đó có tên và ngày tháng của tất cả những ai sinh ra và mất đi tại thành phố, những người đã kết hôn và những người không còn muốn biết đến điều đó. Nếu tới nhanh, có lẽ con vẫn gặp được Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ đang đọc tờ báo thể thao.”

“Và con phải hỏi gì chú ấy ạ?”

“Chú ấy là người lo liệu mọi giấy chứng nhận và giấy phép của thành phố.” Cha Phoenix nói tiếp. “Hãy nói với chú ấy rằng con cần giấy tờ của dòng họ Moore. Nếu chú ấy từ chối, con cứ nói rằng chính ta là người hỏi những giấy tờ đó. Có chúng trong tay, con sẽ tìm thấy những thông tin con đang đi tìm.”

Rick gật đầu, cậu cảm ơn cha Phoenix và đi tới cánh cửa cậu vừa được chỉ dẫn. Cậu bé đẩy nó và bước vào.

Vị cha xứ đứng im một lúc trước nhà thờ. Sau đó ông mỉm cười và tiếp tục công việc lau chùi đang dang dở với mặt tiền của nhà thờ.

“Này, anh bạn! Tôi có thể giúp gì cho anh không?” Người đàn ông ngồi trên chiếc xe bán tải màu xám kim loại bóng loáng hỏi khi tấp vào lề đường trong một màn bụi.

Có một phương tiện lạ lùng bị hỏng. Đó là chiếc Bọ Cát, loại ô tô hai chỗ không mui, khung xe lộ ra rõ mồn một, bánh xe to vĩ đại và động cơ nằm ngay sau chỗ ngồi. Nó kéo theo một toa vốn để chở ngựa hờ mui, và giờ

một chiếc xe mô tô thể thao đen và bóng bẩy đang chồm trệ ngự trên đó. Động cơ của chiếc xe kỳ cục đó nhả ra một cột hơi nước đáng sợ.

“Có vấn đề, phải không?”

“Đúng vậy!” Tài xế chiếc Bọ Cát đáp lại và nhìn chiếc xe đang nhả khói của mình đầy phiền muộn. Anh ta mặc một bộ quần áo yếm bằng vải bò và đi đôi ủng cao su giống của ngư dân. Nhưng trông anh ta chẳng có vẻ gì là một ngư dân... mà có khuôn mặt thật đáng e ngại với cặp kính râm quấn băng dính.

Ngược lại, người đàn ông lái chiếc xe bán tải lại khá điển trai trong bộ quần áo bằng vải nhung màu be, dáng người cao ráo, lịch lãm, đầu đội một chiếc mũ đi săn kiểu Scotland.

“Nguy cơ bị lún trên mấy con đường nhỏ này đấy. Xe mô tô đẹp quá, của anh à?”

“Không.” Tay xã hội đen đẩy kính lên và trả lời cộc lốc. Có thể thấy rõ gã đang bực mình, hay đúng hơn là giận dữ. Giọng nói của người lạ mặt kia quá thân thiện so với kiểu của gã.

“Tôi không muốn can dự vào việc của anh, nhưng... chiếc Bọ Cát này có vẻ không đủ khỏe để tải sau mình cái rơ-moóc kia.”

Gã kia khẽ làu bàu điều gì đó.

Người đội mũ Scotland lại nói tiếp, vẫn với vẻ thân thiện.

“Đấy là chưa tính đến cái mô tô ở phía sau cũng bị hư theo.”

“Tôi chẳng còn cách nào khác. Có kẻ đã chọc thủng lốp xe của tôi.”

“Ồ, tiếc thật!”

Tay xã hội đen có một cảm giác kỳ lạ rằng người đàn ông lạ mặt kia đã biết trước sự việc.

“Anh định làm gì?”

“Nhờ ai đó trong làng thay chúng.”

“Kilmore Cove ư? Thật tình cờ, tôi cũng đang đến đó. Anh có muốn đi nhờ không?”

Người đàn ông có vẻ mặt xã hội đen nghĩ ngợi một lúc. Gã cân nhắc giả thiết sẽ cho kẻ kia ăn vài quả dấm và đánh cắp luôn chiếc xe jeep bóng loáng của ông ta, nhưng rồi gã trả lời.

“Ông kéo giúp tôi đến cuối đoạn dốc. Đó là con dốc cuối rồi, sau đó tự tôi sẽ lo được mọi việc.”

“Chiếc Bọ Cát của anh có móc kéo chứ?”

“Chắc hẳn là có.”

“Được rồi, tôi sẽ lấy một cái dây và cho anh đi kè.”

“Cảm ơn ông.” Tay xã hội đen lau bàu.

“Chắc hẳn có chuyện rắc rối đã xảy ra với anh.” Người đàn ông đội mũ Scotland vẫn kiên trì nói, trước khi leo lên chiếc bán xe tải của mình.

“Ông không thể hình dung nổi đâu.” Manfred, gã tài xế của Oblivia Newton đáp lời và trở lại sau vô lăng chiếc Bọ Cát của hẳn.



## Chương 5

# CĂN PHÒNG BÍ MẬT

---

**J**ason ngồi trên sân phủ đầy sỏi của Biệt thự Argo, cậu mở cuốn Cẩm nang những tạo vật đáng sợ và đọc chương Căn phòng bí mật. Trên thực tế, đó là một nghiên cứu rất đơn giản: trong những ngôi nhà cũ, nơi những bóng ma rất thích ẩn náu, hầu như luôn có thêm một căn phòng chỉ có thể tiếp cận thông qua một lối đi bí mật và người ta có thể khám phá ra nó từ bên ngoài bằng cách đếm số cửa sổ của ngôi nhà đó. Tựa lưng vào cây ngô đồng già, Jason lấy một tờ giấy ô ly, áp vào mặt sau cuốn sách và bắt đầu đếm số cửa sổ ở tầng trệt. Bảy. Sau đó là những cửa sổ tầng trên. Tám. Và ba phòng áp mái.

Ông Nestor ló ra từ cửa bếp, tay đang nâng một cái nồi ám màu đen như than.

“Jaaason! Cháu muốn ăn, hay là không nào?”

“Cháu tới đây!” Cậu bé đứng dậy và nói lớn để đáp lại.

Nhưng cậu không nhúc nhích bước nào.

“Nếu ông ở trong một căn phòng bí mật thì cháu sẽ tìm thấy ông...” Cậu bé lẩm bẩm. Rồi cậu di chuyển để đếm cửa sổ ở những mặt khác của ngôi nhà.

“Cháu đã gọi cho mẹ cháu chưa?” Ông Nestor hét lên với cậu dù chẳng mong chờ một câu trả lời.

Ông trở vào bếp và đặt nồi vào chính giữa bàn ăn đã dọn sẵn cho ba người. Có một cái bình màu vàng đựng đầy nước cam, ba chiếc cốc và ba chiếc đĩa bị mẻ.

“Nếu thức ăn nguội thì thật tệ cho chúng...” Người làm vườn càu nhàu, dựa vào bồn rửa bằng đá cẩm thạch.

Bên chiếc bàn, bọn trẻ đã bắt đầu chuẩn bị đồ dùng cần thiết cho chuyến đi của chúng: ba chiếc áo choàng kiểu Venice, ba chiếc đèn pin, một cái ba lô, vài mét dây, một chiếc máy ảnh, một con dao Thụy Sĩ đa năng, một cái la bàn, tấm bản đồ Venice thế kỷ 18 và, dĩ nhiên, cả cuốn sổ cũ ghi chép hành trình.

Ông Nestor định tiến lại gần cuốn sổ thì chuông điện thoại reo.

“Đúng lúc thật.” Ông cắn nhả, bước tập tễnh đến bên cái bàn lộn xộn đầy những đồ vật mang từ nước ngoài về, trong đó có cả chiếc điện thoại.

Đó là bà Covenant, mẹ của cặp sinh đôi.

“Không thưa bà... Tất nhiên là chúng đã đi học! Bây giờ chỉ có mỗi Jason thôi. Tôi không biết tại sao Julia vẫn chưa về, có lẽ cô bé ở lại trong làng để mua ít đồ. Không, tôi cũng không thể chuyển máy cho Jason được vì thằng bé đang bận đếm số cửa sổ của ngôi nhà. Đúng là như vậy. Thằng bé có vẻ rất bận rộn. Vâng. Tất nhiên rồi. Tất nhiên tôi sẽ nói lại với thằng bé, có thể ông bà sẽ trở về vào đêm nay, sáng mai thì chắc chắn. Ôi, tôi rất tiếc về sự chậm trễ trong việc chuyển nhà... Nhưng những chuyện đó vẫn thường xảy ra mà. Chẳng còn ai biết phải làm việc thế nào mới phải. Nhưng bà đừng lo. Bà hãy thử gọi lại sau nhé. Vâng, một lúc nữa.”

Và ông gác máy.

“Một lúc nữa thì bọn cháu đã tới chỗ nào đó ở Venice rồi.” Jason chạy nhanh tới trước mặt ông Nestor. Cậu đếm cửa sổ ở cả hai mặt của căn

phòng rồi biến mất phía trên cầu thang.

“Này cháu!” Người làm vườn hét lên. “Món thịt hầm đã sẵn sàng rồi đấy!”

“Chỉ một lát thôi ạ!” Tiếng Jason vọng lại từ tầng trên.

“Chẳng có căn phòng bí mật nào,” vài phút sau cậu bé lăm bằm trong lúc dùng món thịt hầm. “Tức là chẳng có căn phòng bí mật nào có cửa sổ. Điều đó không có nghĩa là không thể có một cái...” Cậu giở phần mục lục cuốn Cẩm nang những tạo vật đáng sợ tìm mục Căn phòng bí mật bị bịt kín!

Để tìm ra căn phòng bí mật bị bịt kín, trước tiên cần đo diện tích bên ngoài ngôi nhà, sau đó tính diện tích của những căn phòng bên trong. Bằng một phép tính trừ đơn giản...

“Jason,” ông Nestor cắt ngang, “không có căn phòng bí mật nào khác trong ngôi nhà này đâu.”

“Phòng khác là sao ạ?”

“Ngoài căn phòng có Cánh cửa Thời gian ấy.”

“Đó chính là vấn đề.” Jason nhận định, cắm dĩa vào một miếng thịt. “Căn phòng tròn ở phía bên kia Cánh cửa Thời gian còn có bốn lối ra. Một lối dẫn tới Biệt thự Argo. Một lối khác dẫn tới hang có con tàu Metis. Nhưng còn hai lối đi còn lại?”

“Người chủ cũ chưa từng nói với ta về những căn phòng đặc biệt khác.” Người làm vườn nói ngắn gọn.

“Nhưng ông đã bao giờ tới đó chưa?”

“Chưa.”

“Ông thấy chưa? Làm sao chúng ta biết được cơ chứ? Có thể có những căn phòng bí mật dưới Biệt thự Argo, giống chỗ người La Mã cổ đại chôn người chết, chỗ đó gọi là gì nhỉ? Hầm mộ! Nói cho cùng thì đây là một ngôi nhà kiểu La Mã cổ, phải không ạ?”

“Đúng vậy. Trên mũi đất này từng có một tháp canh cổ.”

“Do đó giả thiết của cháu có thể đúng! Có lẽ bí mật của ông Ulysses Moore là một trong những đường hầm đó. Có thể đó chính là nơi ông ấy ẩn náu, và thi thoảng bước ra từ Cánh cửa Thời gian giúp chúng cháu tìm được những chỉ dẫn mà chúng cháu cần... Phải rồi! Tại sao lúc trước cháu lại không nghĩ đến điều đó nhỉ?”

“Ta nghĩ vấn đề đã được khép lại rồi. Ông chủ cũ không thể làm được những điều như cháu nói. Cháu phải chấp nhận thực tế này thôi.”

Jason mím môi, cậu bé không thấy thuyết phục lắm.

“Vâng, nhưng...”

“Nhưng gì?” Ông Nestor gắt lên với cậu. “Cháu vẫn còn chưa tin à?”

Jason tin những gì mà người làm vườn kể cho cậu về ông Ulysses Moore, về những người bạn của ông, về những cánh cửa và về những Kỵ sĩ của Kilmore Cove, nhưng có điều gì đó cậu vẫn chưa nắm bắt được: đó là cảm giác bị kiểm soát và... lần theo những dấu vết do đích thân ông chủ cũ để lại cho chúng.

“Thế nếu ông ấy vẫn chưa chết mà bị giam cầm ở một nơi nào đó thì sao ạ?”

“Ông ấy không bị giam cầm. Jason, làm ơn. Hôm nay các cháu sẽ phải tìm lại ông Peter Dedalus. Và việc này sẽ không dễ đâu.”

“Đúng vậy ạ.” Jason đồng tình, vẻ lưỡng lự. Sau đó cậu bé trở lại vấn đề mà cậu quan tâm. “Vậy thì chỉ còn mỗi giả thiết về bóng ma là hợp lý.”

“Gì cơ?”

“Có lẽ trong ngôi nhà này có một bóng ma muốn giúp đỡ bọn cháu. Bóng ma của ông Ulysses Moore, hoặc là... à đúng rồi! Có thể là của bà Penelope...”

“Ta nghĩ cháu nên ghi chép lại, Jason à,” ông Nestor lầu bầu khuyên cậu. “Nếu không cháu sẽ không bao giờ nhớ hết được những suy nghĩ từ trực giác thiên tài của mình đâu...”

Julia thành linh xuất hiện ở cửa phòng bếp và lên tiếng.

“Biến mất rồi!” Cô bé đầy lo âu hết nhìn người làm vườn rồi lại nhìn cậu em trai. “Biến mất rồi, không còn nữa!”

“Ai biến mất?” Ông Nestor hỏi.

“Cuốn sách hướng dẫn du lịch về Kilmore Cove ạ!” Cô bé thốt lên và ném ba lô xuống đất để ngồi vào bàn ăn.

“Này, này!” Ông Nestor cúi kính đưa cho cô bé một chiếc khăn lau tay.

Trong khi lau tay, Julia kể về những gì đã xảy ra ở chỗ cô Calypso.

“Không thể trùng hợp như vậy được,” cuối cùng Jason kết luận. “Có người muốn ngăn cản chúng ta tìm hiểu sự thật về Kilmore Cove.”

“Có thể là ai nhỉ?”

“Chưa chắc đã là Oblivia Newton...” Ông Nestor lẩm bẩm.

Bọn trẻ nhìn người làm vườn với vẻ mặt đầy thắc mắc và ông giải thích.

“Cô Calypso có nói với cháu một người đàn ông đã mua cuốn sách hướng dẫn du lịch. Và đó là một người lạ mặt.”

“Đúng vậy ạ.”

“Cháu thấy cô ấy có vẻ sợ hãi hay lo lắng không?”

Julia lắc đầu.

“Không ạ. Cô ấy cực kỳ bình thản. Chính cháu mới là người sợ hãi.”

Cô bé cố gắng mô tả cơn rùng mình kỳ lạ mà mình cảm nhận được khi liếc vào phía trong cửa hàng. Cứ như thể có ai đó ở trong hiệu sách.

“Thế người đó là ai?”

“Chị có nói là trong hiệu sách có ai đó đâu,” cô chị chỉ rõ. “Chị nói là cứ như thể có ai đó.”

“Kiểu như một bóng ma?”

“Ôi không, lại quay lại chuyện này rồi!” Ông Nestor thốt lên bức dọc.

Julia dùng món thịt hầm trong khi Jason tóm tắt lại những lý luận mới nhất của mình.

“Chúng không vô lý tới mức đó: tối qua bóng ma đã gợi ý chúng ta đi tìm ở Venice và nó đã gọi chúng ta bằng cách đập đập cửa sổ ở trên tháp...”

Julia vẫn còn nhớ như in. Sau khi nghe thấy tiếng động, cô bé trèo lên để xem và đã tìm thấy ngay chính giữa bàn làm việc mô hình thuyền gondola và một cuốn sổ màu đen. Sau đó cô chạy ra ngoài kiểm tra liệu có ai trên mái nhà hay không, nhưng chẳng nhìn thấy ai cả.

Cuốn sổ màu đen xuất hiện như có phép màu ngay chính giữa ngọn thắp giờ đang nằm trước mặt chúng: những ghi chép về một chuyến đi tới Venice thế kỷ 18 được viết bằng chính nét chữ bé xíu và gần như không thể đọc nổi của ông Ulysses Moore.

“Em đang nghĩ gì vậy Jason?” Julia hỏi.

Cậu bé chìa cuốn Cẩm nang những tạo vật đáng sợ cho cô bé xem.

“Rằng nếu có một bóng ma trong nhà, em có thể thử tóm nó.”

Một người đàn ông bước ra khỏi bóng tối của những giá sách năm cuối tiệm sách và thì thào.

“Tôi xin lỗi về tiếng động.”

“Anh đừng lo,” cô Calypso trả lời. “Julia đi rồi.”

Người đàn ông dựa vào tường, nhìn quảng trường bên ngoài từ cửa kính và thở dài.

“Cô thấy cô bé thế nào, có bình tĩnh không?”

“Không hẳn. Tôi cho là mình đã làm cô bé hơi hoảng sợ một chút. Tôi nói với cô bé những gì anh đã dặn, dù tôi không đồng tình lắm với mấy chuyện kiểu này.”

“Tôi rất tiếc, nhưng không nên làm cho cô bé phân tâm quá. Không phải lúc này...” Người đàn ông lôi ra từ túi quần cuốn sách có tựa đề Người lữ hành tò mò - Sách hướng dẫn du lịch bỏ túi tại Kilmore Cove và khu vực lân cận.

“Có thể là anh có lý,” Calypso mỉm cười, đặt chìa khóa cửa hàng lên quầy, “nhưng theo tôi, anh chỉ làm cho cô bé nghi ngờ thêm.”

“Có một tờ giấy nằm trong cuốn sách lúc trước.”

“Tôi tin là hôm qua Julia đã lấy nó đi rồi, khi cô bé phát hiện ra cuốn sách.”

“Cô có biết nó viết gì không?”

“Có ghi chép của anh. Của anh hoặc... của ai đó trong số đám bạn anh.”

“Đừng gọi tên họ, làm ơn.”

Người phụ nữ khúc khích cười.

“Tại sao chứ? Anh sợ có ai đang nghe lén chúng ta à?”

“Có thể.”

“Anh đang trở nên hoang tưởng rồi đó...”

“Có thể.” Người đàn ông lại nhìn ra bên ngoài. “Cô bé có lẽ đã đi rồi nhỉ?”

Cô Calypso gật đầu, rồi ngó ra phía sau hiệu sách và nói.

“Cô bé đang đập cật lực lên mòm đá. Anh có muốn ăn gì không?”

“Cái mòm đá đó thật là nguy hiểm...” Người đàn ông lầm rầm. Ông ta đút lại cuốn sách hướng dẫn du lịch vào túi. “Không, cảm ơn cô. Đã đến lúc tôi phải đi rồi.”

“Anh đi đâu?”

“Cô tò mò rồi, cô Calypso... Lúc nào cô cũng quá tò mò.”

“Buộc phải thế thôi, anh chẳng bao giờ nói gì với tôi cả! Anh nín lặng và trốn tránh để...”

Khi quay lại phía cửa kính, cô Calypso nhận ra trong hiệu sách chẳng còn ai.



Chiếc chuông gắn trên cửa ra vào thậm chí còn chẳng thềm kêu.

## Chương 6

# BÀ CÚ GIÀ

---

Cánh cửa tòa thị chính mở ra một hành lang dài hơi dốc, phía cuối hắt ánh đèn lờ mờ. Cánh cửa khép lại sau lưng cậu bé nhờ một cánh tay đòn cơ học hiện đại. Những chiếc đèn neon xấu xí kéo kẹt lắc lư trên trần nhà giống như đám côn trùng bị mắc kẹt trong mật ong vậy. Ở cuối hành lang có một bức tranh lớn đóng khung vàng nạm trĩ. Rick đang cố nhìn những đường nét bức chân dung đã bị che mờ bởi bóng tối thời gian thì nghe thấy tiếng gập báo và một giọng nói khàn khàn cất lên.

“Hãy qua chỗ này.”

Cậu bước tới chỗ người đàn ông ngồi trước cái quạt máy bụi với một tờ báo thể thao gấp trên đầu gối, trên bàn có vài tờ giấy trắng đục lỗ. Trên tường trang trí vài bức tranh cũ kỹ và một chiếc tủ chia thành nhiều ngăn kéo nhỏ. Không gian đó được hoàn thiện bằng một chiếc ghế bành da đã sờn và một cánh cửa có gắn tấm biển bằng đồng khắc dòng chữ:

**KHO DỮ LIỆU KILMORE COVE**

**KHÔNG PHẬN SỰ**

**MIỄN VÀO**

Trên tay nắm cửa treo tấm biển thứ hai cảnh báo phải chú ý vì căn phòng chứa những máy móc đang hoạt động.

“Chú có thể giúp gì cho cháu?” Người đàn ông hỏi.

Ông mặc một chiếc quần len xám dài tới mắt cá chân và một chiếc áo sơ mi kẻ hai màu trắng đỏ. Làn gió từ chiếc quạt máy làm hai hàng tóc mai kiểu thủy thủ sấn cá voi của ông bay bay.

Rick tự giới thiệu và chìa tay về phía Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ.

“Cha Phoenix bảo cháu tới đây để hỏi chú...”

Cậu bắt đầu giải thích yêu cầu của mình còn Fred vuốt vuốt tóc mai về hai lòng.

“VẬY Ừ, QUỶ THA MA BẮT. Lần này có vẻ là một cuộc tìm kiếm thú vị đây. Vui lòng ký tên vào tờ giấy này cho chú nào.”

Để với tới mặt bàn, Rick phải kiễng chân.

“Chính xác thì cháu muốn biết điều gì về dòng họ Moore?” Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ hỏi trong khi cầm tờ giấy đã được ký tên và tiến lại gần chiếc tủ ngăn kéo.

Ông lướt qua vài ngăn kéo sau đó mở hai cái, lấy ra một tập giấy đục lỗ và giơ về phía ánh sáng.

“Hoàn hảo. Những tờ này chắc hẳn sẽ hoàn hảo. Cháu thấy sao?”

“Cháu... cháu cũng không rõ lắm. Chú làm đi ạ.”

“Tuyệt vời. Cháu vui lòng chờ một lúc nhé.”

Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ biến mất vào bên trong kho dữ liệu. Rick nghe thấy ông huýt sáo, sau đó tiếng huýt sáo bị át đi bởi tiếng động của loại máy đánh chữ lớn, tiếp đến là những tiếng loảng xoảng như thể một cái máy

nâng hàng đang vận hành. Vài phút trôi qua, tiếng huýt sáo của Fred chuyển thành tiếng khò khè kiệt sức, thi thoảng xen lẫn vài câu chửi thề.

Quá mức tò mò, Rick đi vòng quanh căn phòng và liếc về phía cánh cửa khép hờ của phòng dữ liệu.

Những gì nhìn thấy khiến cậu há hốc miệng kinh ngạc: choán toàn bộ căn phòng là một chiếc máy kim loại đầy cần gạt và nút bấm, ống nối và đường trượt.

Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ nhét tập giấy đục lỗ lấy từ ngăn kéo tủ vào một cái khe, nó ngẫu nhiên nuốt mấy tờ giấy vào trong.

“À, tất nhiên rồi!” Bỗng Fred reo lên và lại tiếp tục huýt sáo. Một dải băng chuyển chuyển những tờ giấy vẫn còn ướt mực ra ngoài.

Rick nhanh chân lùi lại, trong khi Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ quay trở lại chỗ cậu bé.

“Đây rồi!” Người đàn ông hồ hởi reo lên, vẫy những tờ giấy trước quạt máy để chúng ráo mực. “Cháu thấy đồng giấy tờ này chứ? Chưa đầy năm phút mà Bà Cú Già đã nhả ra những thông tin tốt nhất trong kho dữ liệu của chúng ta.”

Ông đặt lại những tờ giấy đục lỗ vào ngăn kéo tủ và giao cho Rick kết quả.

“Thế mà bọn họ dám gọi chú là Nửa Tỉnh Nửa Mơ...”

Rick liếc nhanh những gì mình có trong tay: một danh sách dài về tổ tiên dòng họ Moore từ mấy thế kỷ trước. Cậu bé nín thở, lập tức tìm đọc hai cái tên cậu quan tâm.

## **Tòa thị chính Kilmore Cove**

### **Dữ liệu Hộ tịch, Dữ liệu Hộ khẩu**

## **và các loại Dữ liệu khác**

1) Ulysses Moore, sinh tại Edinburg (Anh). 63 tuổi. Kết hôn với Penelope Sauri, được cho là đã qua đời (vô tình ngã từ mỏm đá Salton Cliff).

2) Penelope Sauri Moore, sinh tại Venice (Ý). 57 tuổi. Kết hôn với Ulysses Moore, được cho là đã qua đời (vô tình ngã từ mỏm đá Salton Cliff).

Tình trạng gia đình: đang chờ chứng tử chính thức

Người thừa kế và những họ hàng khác trong vòng đời thứ sáu: không có

Người làm chứng: Nestor Mac Douglas

Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ liếc nhìn qua vai Rick.

“Thực sự phải cẩn thận với mỏm đá đó, phải không?”

Sau đó ông giải thích tại sao lại ghi “đang chờ chứng tử chính thức”.

“Đó là vì luật quy định: khi chưa tìm được xác thì phải chờ ít nhất mười năm kể từ ngày mất tích mới được chứng tử chính thức.”

“Xác họ vẫn chưa được tìm thấy ạ?”

“Biển cả đã mang họ đi rồi.”

“Như vậy, về mặt lý thuyết... họ có thể chưa chết phải không ạ?”

“Có thể nói kho dữ liệu của chúng ta rất tỉ mỉ nhưng... mỏm Salton Cliff chẳng chừa một ai. Những dòng nước xiết chắc hẳn đã cuốn họ ra xa nên... có lẽ họ đã bị cá rĩa rồi. Đúng là chuyện đáng buồn.”

Rick nghĩ về cha mình, về những dòng chảy xiết của biển, rồi về gã Manfred cũng ngã xuống từ mỏm đá đó nhưng hẳn vẫn sống sót.

“Có thể thi thoảng biển cũng mắc sai lầm.”

“Tất nhiên rồi, làm sao giống với Bà Cú Già! Suốt ba mươi năm chú ở đây nó chưa từng mắc một lỗi nào. Ngoại trừ cách nó in chữ ‘d’. Nhưng thực tế mà nói thì chú nghĩ nó giống một kiểu chữ ký.”

“Nghĩa là sao ạ?”

“Đó là một trong những cái máy cuối cùng do Dedalus sáng chế trước khi ông ấy bỏ đi. Cháu còn nhớ người thợ đồng hồ biển mất vài năm trước không để lại dấu vết gì chứ?”

Rick nín thở mất một lúc.

“Ý chú là trong kho dữ liệu của Kilmore Cove có một cái máy do ông Peter làm ra ư?”

“Đương nhiên, chính là Bà Cú Già đấy! Nó phân loại tất cả tài liệu lưu trữ và tìm lại không sót tờ nào. Một vật báu của ngành cơ khí và ngành in ấn theo lối cũ. Còn hơn cả máy vi tính và những thứ điện tử kỳ quái! Bà Cú được ráp từ những bánh răng và lò xo, và có thể hoạt động cả trong bóng tối, không cần ánh sáng.

Với vẻ trân trọng, Rick ngắm nghía những tờ giấy cậu đang cầm chặt và hỏi:

“Vậy cháu có thể xin chú tìm thêm dữ liệu không?”

Trong văn phòng ngân nga tiếng chuông nhà thờ Thánh Jacobs từ xa vọng tới.

“Hừm... đến thời điểm này lẽ ra bọn chú đã phải đóng cửa rồi, nhưng... chú có thể làm điều ngoại lệ, miễn là không mất thời gian. Cháu muốn tìm gì nào?”

“Peter Dedalus.” Rick mỉm cười đáp.

## Chương 7

# NHỮNG DẤU VẾT

---

“**L**iệu bây giờ có phải lúc để làm việc này không?” Julia nhìn em trai đầy lo ngại. “Một lát nữa chúng ta phải đi rồi.”

“Em sắp xong rồi,” Jason trả lời cực kỳ nghiêm túc. “Em đang làm theo những gì được viết ở trang 65.”

Trong tích tắc, Julia nghĩ tới việc kiểm tra cuốn sách xem liệu có đúng trong đó viết rằng hãy quét lòng trắng trứng lên cửa nhà và rắc bột vào hành lang. Rồi cô bé quyết định thẳng thừng ngăn cậu em trai.

“Mẹ sẽ điên tiết lên đấy.”

“Mẹ sẽ chẳng nhận ra đâu.” Jason lắc đầu. “Dù sao bọn mình sẽ về nhà trước mẹ và có thể xóa những cái bẫy này trước khi mẹ kịp nhận ra chúng.”

“Bẫy dành cho ma”. Julia nhủ thầm. Đó chính là thứ Jason đang rải khắp nhà.

“Còn ông Nestor? Ông ấy sẽ nói gì đây?”

“Chị đừng lo. Ông ấy đồng tình mà.”

Jason đã quét xong cánh cửa phòng tắm, sau đó tiến lại gần chị gái và giật một sợi tóc của cô bé.



“Ái! Em làm cái gì vậy?”

“Em cần tóc dài,” Jason phân trần. Cậu dính sợi tóc của Julia vào rầm cửa trát đầy lông trắng trứng và ngăm nghĩa tác phẩm của mình đầy mãn nguyện. “Hoàn hảo! Một cái bẫy ma hoàn hảo!”

“Jason... chị nghĩ là...”

“Dừng lại! Nếu không chúng ta sẽ không bao giờ lấy được dấu vết của nó đâu!”

Cậu chỉ cho cô bé lớp bột mỏng trên sàn nhà, mà theo cuốn Cẩm nang những tạo vật đáng sợ lớp bột đó chính xác dùng để tóm “dấu vết” của ma.

“Ôi dào! Cứ làm những gì em cho là đúng!” Julia gào lên và nhảy qua lớp bột. “Nhưng xuống ngay nhé. Ngay khi Rick tới, bọn mình sẽ đi luôn.”

“Chị có thể cho em hai sợi tóc nữa được không?”

Vài phút sau đó, Rick tới Biệt thự Argo, cậu tháo chiếc đồng hồ bố tặng khỏi chiếc xe đạp và tới chỗ Julia. Cô bé đang rầu rĩ nhìn chăm chăm vào những bậc thang dẫn xuống biển.

“Mọi chuyện ổn chứ?”

Julia ngoảnh mặt lại, cô thích cách Rick quan tâm tới suy nghĩ của mình.

“Jason đang ở tầng trên chuẩn bị những cái bẫy dành cho ma,” cô bé nói, có đôi chút thờ ơ. “Rốt cuộc bây giờ nó cũng tin là ông chủ cũ đã chết, và chắc chắn trong nhà vẫn còn hồn ma của ông ấy, hoặc của bà Penelope.”

“À... chuyện thú vị đấy.” Rick trả lời.

Julia dẫn cậu bé tới hiên nhà, chúng đi qua bức tượng cô gái đang miệt mài vá tấm lưới đánh cá. Làn hơi ẩm để chịu xuyên qua bức tường kính. Nếu

chúng không phải du hành ngược trở về vài thế kỷ thì hôm ấy sẽ là một ngày lý tưởng để tắm biển ở bãi dưới.

“Không biết thời tiết ở Venice sẽ thế nào...” Rick lẩm nhẩm.

“Không biết bọn mình có đến được đó không, đến Venice ấy.” Julia nói thêm vào.

Ở trong bếp, cô chỉ cho Rick những thứ hai chị em tìm thấy trong chiếc rương và múc vào đĩa của Rick phần thịt hầm của mình.

“Nó hơi ngội một chút, nhưng...”

“Cậu đừng lo, thế là quá ổn rồi. Cháu chào ông Nestor!”

“Chào cháu, Rick.”

“Cháu mới khám phá ra ông tên là Mac Douglas đấy!”

“Tuyệt thật.” Người làm vườn già đi tới chỗ bồn rửa để đổ đầy nước vào bình tưới màu xanh ngọc bích, sau đó ông đi thẳng ra không nói một lời.

“Chuyện gì vậy? Ông ấy tự ái à?”

“Tớ nghĩ ông ấy không hoàn toàn đồng tình với những trò Jason đang làm ở tầng trên,” Julia nhún vai. “Nó dính tóc để đặt bẫy hồn ma, rắc bột than chì lên gương và...”

“Bột than chì á?”

“Theo cuốn sách của Jason, nếu một hồn ma soi mình vào bột than chì, hình ảnh của nó sẽ in lên đó. Thế là nó đập vụn tất cả bút chì trong nhà và rắc bột chì lên cánh cửa gương phòng làm việc của ông Ulysses Moore.”

“Nhân tiện nhắc tới ông Ulysses Moore, tớ đã tìm thấy một vài thứ rất thú vị ở trong làng...” Rick cho Julia xem những tờ giấy cậu lấy được ở chỗ Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ và giải thích làm sao để kiếm được chúng. “Tờ đầu tiên là danh sách tổ tiên của ông ấy. Có lẽ đáng để đối chiếu nó với những bức chân dung treo trên cầu thang. Còn tờ thứ hai là kết quả tìm kiếm về ông Peter Dedalus mà tớ đã nhờ chú Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ.”

“Điều đó có nghĩa là sao?”

“Cả hai chú cháu cũng tự hỏi như vậy.”

Trên tờ giấy về ông Peter Dedalus có viết:

Chúng tôi rất tiếc, nhưng chiếc máy này không được phép cung cấp thông tin về người các bạn đang tìm kiếm. Nếu muốn liên lạc với người đó, các bạn có quyền tự do làm vậy miễn là sử dụng đúng chiếc chìa khóa và các bạn hãy viết: DEDA. Để tránh những hiểu lầm đáng tiếc khác, chúng tôi xin lưu ý rằng chiếc chìa khóa đúng không nằm bên dưới.

“Tớ và chú Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ đã thử viết DEDA thay vì DEDALUS, thế nhưng...” Rick giải thích, “bọn tớ chẳng tìm thêm được gì.”

Chúng lên tầng trên để cập nhật tình hình cho Jason. Rick cũng nói cho hai chị em sinh đôi biết về lăng mộ trên đồi, nơi chôn cất tất cả những người trong dòng họ Moore.

“Mình muốn đi kiểm tra xem khu lăng mộ đó có thực sự tồn tại không, nhưng...”

“Nhiệm vụ ở Venice gấp gáp hơn mà,” Julia nói nốt hộ cậu và ném ánh nhìn đầy hăm dọa về phía em trai mình. “Và không còn thời gian để sao lăng thêm nữa.”

Ba đưa xuống chào ông Nestor, lấy những vật dụng đã chuẩn bị ở trong bếp và kiểm tra xem liệu mọi thứ đã sẵn sàng để lên đường chưa.

Julia lấy từ túi quần bốn chiếc chìa khóa của Cánh cửa Thời gian và tuyên bố đồng dục:

“Nhân danh những Hiệp sĩ của Kilmore Cove... tất cả những gì chúng ta cần làm là lên đường!”

Cạch. Cạch. Cạch. Cạch.

Bốn chiếc chìa khóa bật mở những ổ khóa của Cánh cửa Thời gian trầy xước cháy đen.

Phía bên kia ngưỡng cửa, không khí lành lạnh.

Jason đi đầu. Lần này, thay vì những mẫu nến, cậu bé bật đèn pin và chiếu sáng lối đi dẫn tới căn phòng hình tròn.

“Liệu có bao giờ ánh sáng lọt được vào đây không nhỉ?” Rick tự hỏi và theo sau Jason cùng chiếc ba lô và sợi dây.

Julia đi cuối cùng, không nói lời nào. Cô ngoảnh mặt lại để chào ông Nestor, ông nở một nụ cười động viên.

“Hứa là các cháu phải cẩn thận nhé?”

“Vâng ạ.” Cô trả lời.

“Nếu các cháu không tìm thấy Peter thì hãy quên việc đó đi và quay về ngay nhé!”

“Cháu hiểu rồi ạ.”

Jason dừng lại ở chính giữa căn phòng, từ đó tỏa ra bốn hành lang. Một dẫn tới Biệt thự Argo. Một dẫn xuống phía dưới. Hai cái còn lại, theo bài thơ có vần điệu trên cuộn giấy da mà chúng tìm thấy cùng bốn chiếc chìa khóa, dẫn tới cái chết.

“Trong bộ bốn, hai dẫn đến cái chết. Và một trong bốn dẫn xuống bên dưới...” Jason nhắc lại, một cơn rùng mình nhẹ nhàng chạy dọc sống lưng cậu.

Ánh đèn pin xua tan bóng tối, phơi bày những cột dầm bằng đá được chạm khắc những con cá, đom đóm, bò tót, và phía trên lối ra dẫn tới Biệt thự Argo là những chú chim hải âu lớn.

Sau lưng ba người bạn, ông Nestor đứng ở cánh cửa gọi với theo chúng lần cuối:

“Âm nhạc, các cháu! Hãy nhớ rằng Peter phát cuồng vì âm nhạc! Nó có thể có ích... Các cháu? Có nghe thấy ta không?”

Nhưng Rick, Jason và Julia không thể trả lời ông. Một luồng gió mạnh từ cầu thang Biệt thự Argo thổi xuống cuốn lấy Nestor khiến ông suýt trượt chân. Người làm vườn đành bỏ cuộc để khỏi bị ngã.

Rồi, rầm một cái, Cánh cửa Thời gian khép lại.

## Chương 8

# KHÚC CA CỦA BIỂN

---

**J**ason đột ngột khựng lại.  
“Chị nói gì cơ?” Cậu hỏi chị gái.

“Chị có nói gì đâu.”

“Tớ cũng vậy.”

Cậu bé nhún vai và đi tiếp.

Julia, Jason và Rick phải đương đầu với lần xuống hang thứ hai, cả đám gần như hoàn toàn im lặng. Đứa nào cũng nhớ như in những gì đã xảy ra hai ngày trước dọc theo những bậc thang, khi những cây nến chúng mang theo bên mình dọa tắt và bỏ chúng lại mãi mãi trong bóng tối. Chúng bước xuống cầu thang trơn tuồn tuột, trượt đi dưới những tảng đá vỡ vụn và nhảy qua được lỗ cống, nơi Jason từng làm rơi đất đèn. Thế rồi chúng cũng tới được phòng trượt.

Trong khi nghĩ lại những gì đã xảy ra lần trước, Rick hỏi:

“Bọn mình có mang theo nó không các cậu?”

“Tất nhiên rồi.” Julia cho cậu thấy cuốn Từ điển những ngôn ngữ bị lãng quên méo mó. Sau đó cô tiến lại gần miệng hố trượt và giống như lần trước, là người trượt đầu tiên, theo sau là em trai cô và Rick.

Chỉ một lát cả ba đứa đã ở trong hang dưới lòng đất.

Ban ngày, khi không có hàng nghìn con đom đóm chiếu sáng, cái hang có diện mạo khác hẳn so với lần đầu chúng ở đó. Những tia sáng từ trần xuyên xuống vẽ thành các vòng tròn lấp lánh trên bãi biển và tạo nên vô số những chiếc cột nhỏ như đang chống đỡ cả khung vòm hang. Những bức tường đá uốn cong phía trên như thể một cái chậu úp ngược, Jason chiếu đèn pin tạo nên những cột sáng hình nón ngang dọc.

Bọn trẻ nghe thấy âm thanh của một tảng đá đang lăn ở phía sau, rồi sự im lặng lại bao trùm.

“Nó còn đẹp hơn so với những gì mình nhớ...” Julia thì thào, tim cô bé đập mạnh.

Con tàu Metis đã trở lại nơi mặt biển phẳng lặng như gương và bình thản neo đậu bên bến thuyền gỗ. Con tàu duyêndáng, với đường nét tinh xảo và cổ điển, đang dập dềnh trên mặt nước.

Bọn trẻ lại gần cầu tàu. Trên cột buồm vẫn treo lơ lửng những sợi dây thừng mà Rick từng dùng hết sức bám vào để không bị văng khỏi khoang tàu, mái chèo cũng ở đúng nơi chụ và Julia để chúng lại.

Julia chạm tay lên những ký tự Hy Lạp xếp thành tên con tàu, rồi nhìn các bạn.

“Thế nào các cậu? Chúng ta lên tàu chứ?”

Chúng quăng ba lô lên tàu rồi nhảy vào trong. Giống như lần trước, bộ ba hướng thẳng tới khoang tàu duy nhất và tìm thấy những bộ quần áo cũ của chúng.

Rick cúi xuống sờ chỗ quần áo. Chúng khô cong. Bọn trẻ quyết định cất chúng vào một trong hai chiếc rương và xếp ba lô ở gần đó.

Trên chiếc bàn trong khoang có một cuốn sổ đang gấp.

“Nhật ký hành trình do vị thuyền trưởng cuối cùng để lại...” Rick thì thầm trong khi ngắm nghía cuốn sổ bọc da màu đen.

“Chắc cậu muốn nói là vị thuyền trưởng áp chót?” Jason đùa.

Cậu lấy một cái bút từ trong ba lô ra và viết tên mình lên trang trắng đầu tiên của cuốn nhật ký. Tôi, Jason Covenant, cùng chị gái Julia và Rick Banner bạn tôi, là chủ nhân mới của tàu Metis. Đã đến lúc chinh phục biển cả. Đã đến lúc tiếp nối cuộc phiêu lưu.

Bọn trẻ tới chỗ cáp tời và bắt đầu từ từ cuốn dây xích mở neo.

Tàu Metis rời cầu tàu, rồi đứng bất động trên biển cả thời gian, chờ được biết đích đến của mình.

Phía bên kia mặt nước lờ mờ cánh cửa với cột dầm bằng đá phủ đầy rong rêu và vỏ sò.

“Bây giờ mình làm gì, Jason?” Chị cậu hỏi. “Bọn mình sẽ phải chèo à?”

“Em nghĩ là không...” Vị thuyền trưởng nhỏ lấm bầm. Cậu rút từ túi quần ra cuốn sổ của ông Ulysses Moore, rồi mở một trang bất kỳ và đọc, “... Giống như những tòa nhà khác, nó được xây dựng trên hàng nghìn chiếc cột gỗ sồi cắm sâu trong bùn. Bùn bảo vệ những chiếc cột khỏi tác động của nước và mối mọt. Trong khu chợ còn có một ‘gù đá’ may mắn. Từ đó có thể nhìn thấy những con thuyền lướt đi trên kênh Lớn. Các quý bà dạo phố trong những bộ váy lông phồng với bộ khung làm từ tấm sừng hàm cá voi...” Sau đó, Jason hít một hơi thật sâu, nhét cuốn sổ lại vào túi, đặt tay lên bánh lái và đồng dục nói. “Venice, thế kỷ 18.”

Rồi cậu nhắm mắt lại.



Một lát sau Jason mở mắt, hoặc tin rằng mình đã làm vậy, khi gió bắt đầu vùn vủ quanh con tàu. Metis đã di chuyển và hướng mũi tàu về phía bờ bên kia.

“Jason!” Julia hét lớn khi gió mỗi lúc một mạnh hơn.

Đèn pin của bọn trẻ nhấp nháy, sau đó lóe lên rồi tắt ngóm cả. Gió càng lúc càng lớn, cuộn tung nước biển. Chiếc máy ảnh nổ tung thành trăm mảnh.

“Jason!” Chị gái cậu lại hét lên khi đang náu mình trong vòng tay Rick.

Jason say sưa ngắm nhìn cảnh vật trong hang hòa quyện vào nhau như trong một bức họa: những cột sáng biến thành những dòng chất lỏng, nước biển tung từng dải như gió, trong khi gió lại đang cuốn dữ dội và đánh cứng như đá.

Mũi tàu Metis chồm lên, rồi lại ngụp xuống rẽ mặt biển làm đôi.

“Tiến lên!” Rick hét lớn và ngoảnh lại nhìn Jason.

Nhưng Jason chỉ đắm chìm vào biển... Không phải mặt nước chật hẹp trong hang nữa, mà trải dài vô tận, bầu trời dày đặc những đám mây bão xám xịt. Một vùng biển nơi mặt trời mọc và lặn trong cùng một khoảnh khắc, nơi những sắc màu liên tục biến đổi, nơi các sinh vật tìm kiếm những điều bí ẩn ở dưới đáy đại dương. Biển cả đang hát ca.

Jason siết lấy bánh lái và hiểu rằng mình cũng là một phần trong khúc ca ấy. Khúc ca đã hòa vào nước rồi chảy vào từng sinh vật sống, như một tiếng gọi khiến chúng nhận ra theo bản năng. Tiếng gọi của biển.

Rồi cậu thấy những con tàu khác chạy ngang qua hành trình của mình và cả những người đứng trên cầu tàu đang trịnh trọng vẫy chào cậu.

Sau đó, những con tàu mà cậu nhìn thấy, hoặc cậu cho là đã thấy, lướt ra khơi xa bằng những cú lao mình lóng lánh ánh bạc, và khi Jason mở mắt, cậu đã tới được phía bên kia.

Cứ chiều thứ hai hàng tuần, cửa tiệm của cô thợ làm tóc làng Kilmore Cove lại đông vui náo nhiệt. Hai tấm biển hiệu của Gwendaline Mainoff kêu cồng cộc trong làn gió hiu hiu, một vài quý bà trong làng đang ngồi trên những chiếc ghế bành êm ái và chuyện trò vui vẻ.

“Các chị đã hay tin chưa?” Đang thư giãn trong bàn tay của người thợ uốn tóc, bà Biggles bỗng thốt lên. “Người ta nói rằng có vài người mới tới làng đấy!”

“Thật vậy sao?” Gwendaline đáp lại. Hiểu ý bà khách đang muốn tán chuyện nên cô giảm nấc máy sãy. “Bác muốn nói về gia đình người London kia ư?”

“Ồ không! Những người đó đến từ tuần trước rồi. Hôm nay là một người đàn ông kia, họ nói với tôi như vậy.”

“Sao lại là hôm nay?” Vị khách thứ hai của tiệm uốn tóc cố nói át tiếng ù ù của chiếc máy ủ tóc. Đó là bà Bowen, người vợ kỹ tính của vị bác sĩ của làng. “Ai đã tới thế?”

“Ai mà biết được!” Bà Biggles làu bàu và nhướn mắt nhìn lên trần. “Thực là các chị chưa nghe tin gì sao?”

“Thú thực, cháu đã nghe thấy vài tin...” Cô Gwendaline vừa nói vừa chỉnh lại tư thế của bà Biggles trước gương. “Có lẽ nào người đó đang nghỉ trọ tại Quán Gió không?”

“Trong cái khách sạn cũ kỹ hôi hám đó sao?” Bà Edna Bowen quàng quạc, nhắc phần chàm đầu khiến bà trông như phi hành gia lên. “Thế thì thật tội nghiệp! Ông ta sẽ ba chân bốn cẳng chuồn khỏi đó thôi.”

“Tôi nghe nói đó là một người đàn ông điển trai. Cao, thanh lịch, và đội mũ Scotland.”

“Hy vọng ông ấy còn trẻ nữa!” Cô Gwendaline bông đùa khiến hai người phụ nữ còn lại phá lên cười.

Nhưng chủ đề ấy hóa ra lại quá thú vị, không thể khép lại chỉ bằng một câu nói. Ba người phụ nữ chia sẻ với nhau những điều họ biết về sự kiện mới mẻ này, lấp đầy những chỗ trống bằng một chút suy luận và trí tưởng tượng của mình. Sau mười lăm phút chuyện trò, họ đã xác định được rằng người mới đến bí ẩn này tới làng bằng một chiếc xe hơi rất lớn, thậm chí có thể là một chiếc xe bán tải của Mỹ.

“VẬY sao?” Bà Bowen thốt lên vẻ mỉa mai, vì cho rằng bà Biggles còn chẳng biết xe hơi kiểu Mỹ là như thế nào. “Tôi thực sự không tin, tôi chưa từng thấy xe bán tải nào trong làng. Cô thì sao, Gwendaline?”

Hai đêm trước, cô thợ uốn tóc đã thấy một chiếc ô tô thể thao màu đen cỡ lớn đậu ngay trước nhà bà Biggles.

Bà Cleopatra Biggles cười giòn.

“À đúng, có thể đấy! Có lẽ là xe của tài xế cô Newton khi cô ấy tới tìm tôi...”

“VẬY ư? Tại sao cô Newton lại tới tìm chị vậy?”

“Các cô có biết là tôi không nhớ được chuyện đó không?” Bà Biggles trả lời đầy vô tư. “Lúc đó khuya lắm rồi, và... sau đó thì trời đổ mưa, Marco Aurelio đã rất hoảng sợ. Tội nghiệp, nó không chịu được sấm sét!”

Cả ba người lại ríu ra ríu rít, cho đến khi vị khách thứ ba bước vào cửa hàng.

“Chao ôi, cả một sáng bận rộn với bọn trẻ! Cô làm tóc cho tôi được chứ Gwen?” Bà giáo Stella hỏi.

Gwendaline liếc đồng hồ và thở dài. Với các quý bà đang hào hứng trò chuyện thế này, chắc chắn ngày hôm nay cô sẽ không được nghỉ ngơi.

“Tất nhiên rồi, bà Stella, mời bà ngồi đây.”

“Tuyệt vời.”

“Cô nói gì đi, Stella. Cô đã nghe nói về quý ông mới tới Kilmore Cove chưa?” Bà Bowen nhanh miệng hỏi bà giáo trước khi những người khác cướp lời.

Bà giáo ngồi xuống bên cạnh bà.

“Chưa, là ai vậy?”

Bà Biggles xen vào rất nhanh.

“Nghe nói ông ta có một chiếc ô tô bọc nhung khiếp.”

## Chương 9

# ĐOÀN LỮ HÀNH

---

**R**ick, Jason và Julia rời tàu Metis và bước lên chiếc cầu thang dẫn tới cánh cửa ngụy trên ba chú rùa. Chúng đẩy cửa và thấy mình đang ở trong một khoảnh sân yên tĩnh với một cái giếng nhỏ hình lục giác ở chính giữa. Trông ra sân là một cầu thang bằng đá không tay vịn dẫn tới dãy hành lang mái vòm nhỏ.

“Liệu bọn mình đã tới được Venice chưa?” Julia hỏi.

“Theo mình thì... rồi.” Rick khẽ nói.

Bọn trẻ nán lại một lúc trước Cánh cửa Thời gian, để kiểm tra xem có ai trong sân không. Nhưng chúng không thấy một sinh vật sống nào.

Cánh cửa Thời gian sau lưng chúng hoàn toàn bình thường, được che khuất bởi một cổng vòm bằng đá có treo một tấm mề đay đã vỡ hỏng, trông như thể một cánh cửa tầng hầm hoặc nhà kho. Rick đưa tay thử đẩy, không có gì thứ gì chặn cánh cửa lại.

“Bọn mình có thể quay về...” Cậu nhận định.

Bọn trẻ đi vài bước về phía cái giếng và liếc qua tấm lưới bằng kim loại đập trên miệng giếng. Một lát sau, khi đã quen với môi trường mới, chúng bắt đầu nghe thấy những tiếng động từ bên ngoài vọng vào: tiếng la hét văng vẳng của ai đó và âm thanh du dương của sóng biển đang vỗ bờ.

Chúng quyết định lên cầu thang tới dãy hành lang mái vòm. Từ trên đó, chúng thấy những lớp mái nhà trải dài ra tới cửa biển.

Đường như ngôi nhà này đã lâu không có ai ở.

Bước tới ban công nhỏ ở phía cuối hành lang, Julia phóng tầm mắt ra bên ngoài và khẽ thốt lên vì kinh ngạc. Cô đang đứng trước một con kênh lớn, nơi các con thuyền gondola màu đen và thuyền đóng bằng gỗ bóng với những cánh buồm lớn mang đủ màu sắc đang rẽ nước ngược xuôi. Hàng dãy tay chèo nhịp nhàng nâng mái chèo gỗ lên rồi lại hạ chúng xuống chìm sâu trong nước. Trên hòn đảo phủ một màu xanh lá nằm phía bên kia con kênh sừng sững những mái vòm và tháp chuông. Dưới ban công là một con đê đắp đá trắng trải dài về cả hai hướng, nơi tập trung rất nhiều người. Cách ngôi nhà bọn trẻ đang đứng không xa, có một chú chó nhảy múa theo tiếng sáo piffero<sup>1</sup> của hai người ăn xin.

<sup>1</sup>. Một loại sáo sáu lỗ của Ý, có âm thanh giống tiếng kèn ô-boa.

“Thật ngoạn mục!” Rick thốt lên.

“Tiếc là máy ảnh của bọn mình không sống sót được qua chuyến đi.” Julia trầm ngâm.

Jason mỉm cười hài lòng. Cậu đã lái được Metis đến đúng nơi mình muốn.

“Việc cần làm bây giờ là tìm hiểu xem bọn mình đang ở góc nào của Venice...” Rick nói.

Bọn trẻ mặc áo choàng và đi xuống sân. Chúng nhắc những thanh ngang chặn phía bên trong cánh cổng lớn rồi bước ra ngoài. Dù trời nắng nhưng không khí se lạnh và bầu trời được tô điểm bởi những đám mây ươm vàng.

Chúng ngoảnh mặt lại, nhìn từ bên ngoài, ngôi nhà không hoàn toàn giống như bị bỏ hoang. Một lá cờ Anh đã sờn được ghim trên cánh cổng.

“Nhà của dòng họ Caboto, những nhà thám hiểm...” Jason đọc được trong cuốn sổ của ông Ulysses Moore. “Giovanni và con trai Sebastiano đã du hành nhân danh đức vua nước Anh để tìm đường tới Trung Quốc...”

“Đây chính là điều lý giải cho lá cờ.” Julia nói với Rick.

“Hai người đã khám phá ra đảo Terranova và nước Canada. Người ta đã mất dấu Giovanni trong một chuyến thám hiểm tới đảo Labrador. Không biết ông đã biến mất ở đâu...”

“Theo mình, đây đúng là phong cách của ông Ulysses Moore.”

“Và bởi mọi việc cũng không khá hơn với Sebastiano, mọi người bắt đầu cho rằng dòng họ này mang lại điềm gở.”

“Đây chính là điều lý giải cho việc ngôi nhà bị bỏ hoang.”

“Bọn trẻ cũng nhận ra những người dạo bộ qua Ngôi nhà Caboto đều đang cố tránh nó càng xa càng tốt.

Bờ kênh vẫn rất đông đúc. Những người đàn ông đang tập nập chuyển những chiếc giỏ liễu gai đầy ắp cá, hoa quả và gừng. Có cả những người buôn gà và chim các loại. Đàn ông và phụ nữ đeo mặt nạ, khoác trên mình trang phục kết ren và đăng ten trắng muốt, đi lại cứng đờ như những cây chổi.

Jason trải tấm bản đồ Venice trên bờ kênh rải đá cuội trắng và cố gắng tìm hiểu xem chúng đang ở chỗ nào của thành phố. Chúng định vị Ngôi nhà Caboto dọc kênh Castello, cách Xưởng tàu, công trường khổng lồ nơi đóng các con tàu, không xa. Vậy thì phía bên tay phải của bọn trẻ là quảng trường chính của thành phố, Quảng trường San Marco nơi chúng thấy sừng sững những mái vòm và tháp chuông. Còn phía tay trái, là bến tàu của Venice, cũng là cửa biển.

“Nếu trung tâm thành phố này có thật... thì nó ở phía bên kia.” Jason quả quyết.

“Có chắc đó là nơi tốt nhất để tìm một người thợ làm đồng hồ không?”

“Bọn mình nên hỏi ai đó trong số những người qua đường này, hoặc hai người ăn xin với chú chó đằng kia xem sao.” Julia đề nghị.

“Bọn mình phải hỏi gì đây? Ông Peter Dedalus sống ở đâu à?”

“Trước tiên,” Julia đáp, “bọn mình sẽ hỏi xem trong thành phố có thợ làm đồng hồ không đã.”

“Ồ!” Rick reo lên trong lúc lôi chiếc đồng hồ của cậu ra khỏi ba lô. “Nó vẫn chạy này!”

“Sao lại thế được? Cái của mình chết y như lần trước.” Julia thắc mắc.

“Rõ ràng là những chiếc đồng hồ của ông Peter được làm ra để có thể du hành xuyên thời gian!” Rick lý giải, ngắm nghía đầy ngưỡng mộ những chiếc kim thon dài đang chuyển động trên mặt đồng hồ chia làm tư với hình con cú màu trắng ở chính giữa.

“Ừ... sao lại không chứ!” Jason nói, giọng mỉa mai. “Và ông ấy đã cố tình bán nó cho cậu.”

“Ồ, đẹp quá!” Đúng lúc ấy, một giọng nói vang lên sau lưng khiến chúng giật bắn. “Rất, rất đẹp ấy!”

Đó là một trong hai người ăn xin với chú chó, một gã trai cao lớn có đôi mắt xanh da trời nhạt màu đến độ ngả sang sắc trắng, mái tóc dài giấu trong chiếc khăn nhiều màu, quần áo gã nát bươm, đầy những miếng vá và túi xộc xệch.



“Quả là một món đồ rất đẹp và quý giá!” Gã khen không ngớt lời, chường ra một nụ cười thiếu vài cái răng.

Rick nhanh tay cất chiếc đồng hồ vào ba lô, trong khi đó Julia hỏi gã trai kia:

“Bọn em có thể hỏi anh một việc được không?”

Gã ăn xin lùi lại một bước và nhún gối cúi chào một cách hài hước.

“Dĩ nhiên rồi, quý cô bé nhỏ! Don Diego Valente sẵn lòng trả lời cô bất cứ điều gì.”

“Tuyệt! Bọn em đang tìm... ừm... một người thợ làm đồng hồ.”

“Gì cơ?”

“Thợ làm đồng hồ, những người chế tạo ra đồng hồ ấy, anh biết không?” Jason chen ngang. “Giống cái rất rất đẹp mà anh thấy lúc nãy ấy. Giờ. Phút. Tích tắc.”

“Ồ, tích tắc, hiển nhiên rồi!” Gã ăn xin thốt lên. “Đồng hồ, máy thời gian. Tốt rồi, anh bạn. Venice này đầy những cỗ máy thời gian.”

“Bọn em có thể tìm những cái máy đó ở đâu?”

“Đi theo anh!” Gã ăn xin ra lệnh và tiến đến chỗ cô bạn mình với chú chó biết nhảy múa. “Dieguita!” Gã gọi to, nói với cô ta điều gì đó bằng thứ tiếng hoàn toàn xa lạ.

Dieguita là một cô gái cao to khỏe mạnh, những đường nét của cô ta bị bụi bẩn lấm lem che lấp và cũng chẳng được tôn lên với những món đồ rách rưới mà cô khoác trên mình. Ngoài ra, cô ta còn bốc mùi khủng khiếp.

Khi cô ta dừng thối sáo piffero, chú chó con kêu ăng ẳng vì hạnh phúc. Đó là một chú chó lai nhỏ nhắn, lông màu nâu lốm chớm, những kẻ ăn xin đã buộc cho nó mấy cái chuông nhỏ và một chiếc mũ vải màu đỏ, rõ ràng khiến con vật cực kỳ then thừng.

“Nghe này, Dieguita! Những người bạn này đang tìm một cửa hàng bán máy thời gian. Em hiểu không?”

Dieguita không chỉ hiểu, mà dường như cô ta còn cảm thấy bị xúc phạm vì lòng tin ít ỏi mà gã bạn trai dành cho mình. Giữa hai người bắt đầu một cuộc cãi vã nảy lửa, đến khi kết thúc họ chỉ ra hướng bờ kênh dẫn tới quảng trường San Marco.

“Đầu tiên, các em hãy đi thẳng,” Dieguita giải thích. “Sau đó ngang qua gần chỗ những cái cột, nhưng tuyệt đối không đi ở giữa vì chỗ đó mang lại rất nhiều điềm gở, rồi các em đến quảng trường San Marco. Ở đó các em sẽ thấy ngọn tháp, có một cỗ máy thời gian vĩ đại và rất mới. Chị chắc chắn các em sẽ thích nó!”

“Nhưng Dieguita, tình yêu của anh, chúng đang tìm những cửa hàng cơ mà!”

Lần thứ hai, cô ta lại tức điên lên:

“Thế thì sao? Trong khi tìm kiếm những cửa hàng, chúng cũng sẽ trông thấy cỗ máy thời gian vĩ đại!”

“Chúng không tìm cỗ máy thời gian vĩ đại!” Gã bạn trai lại hét lớn.

Hai người lại bắt đầu tranh cãi, sau đó Don Diego tuyên bố:

“Từ quảng trường San Marco, các em hãy hỏi đường tới cầu Rialto và thương phố của những người thợ làm đồng hồ. Ở đó các em sẽ tìm thấy tất cả những máy móc thời gian mà các em muốn.”

“Tuyệt quá!” Julia nói. Chú chó con đã tiến lại gần và cô bé bắt đầu vuốt ve đầu chú. “Cảm ơn anh vì thông tin này.”

“Diogo! Hãy lại đây ngay!”

Bọn trẻ bước được vài bước.

“Thấy chưa?” Julia nói với cậu em trai. “Giờ thì bọn mình đã biết phải đi đâu.”

“Và chính xác là nơi mà em muốn tới.”

“Hãy rửa tay ngay khi cậu có thể.” Rick khuyên cô bé. “Con chó đó chắc phải mang ít nhất ba trăm loại bệnh.”

Hàng nghìn con tàu chen chúc trong vòng tay biển cả rồi lặn ngụp ở kênh Lớn, một con rãnh nước khổng lồ chảy ngang qua toàn bộ thành phố. Tới kênh Tana, Jason, Julia và Rick leo lên một cây cầu di động và say sưa ngắm một chiếc thuyền gondola đang nhẹ nhàng lướt qua chỗ chúng và rướn mình hướng về một con kênh phía trong. Mặt trời rọi lên những lớp men sứ, những hàng cột và những lớp mạ vàng, đem lại cho nơi đây một bầu không khí mơ màng.

“Không biết ở thời đại của bọn mình, khung cảnh nơi này có còn được như vậy không...” Rick nói khi ngắm nghía cảnh vật xung quanh.

Mỗi đứa đều chìm trong những nghĩ suy riêng, Rick và Julia bước xuống phía bên kia cầu, trong khi Jason vẫn ở lại phía sau.

“Jason? Em không lại đây à?”

“Họ biến mất rồi!” Cậu hét lên, đột ngột cảm thấy lo lắng. “Những người ăn xin biến mất rồi!”

Julia quay lại nhịp cầu.

“Thế thì sao? Chắc họ đã đi đâu đó.”

“Em đã đóng cổng chưa nhỉ?” Jason hỏi. “Em đi ra sau cùng. Em đã đóng cổng rồi phải không?”

“Ôi, chết tiệt.”

“Không, mình không nghĩ vậy, nhưng... Cậu muốn nói là...” Rick trợn tròn mắt lấp bấp.

Không nói thêm lời nào, ba đưa chạy thẳng về Ngôi nhà Caboto. Chúng tới cánh cổng có lá cờ Anh và bước vào trong sân.

“Mình không tin...” Jason lặc giọng. Chú chó Diogo ngoe nguẩy đuôi chạy về phía cậu bé.

“Hãy nói với mình rằng họ vẫn còn ở đây...” Cậu thì thào. “Rằng họ đang ở trên gác...”

Julia cúi xuống vuốt ve chú chó biết nhảy múa.

“Chủ của mày đâu rồi, hả? Họ đang ở đâu?”

“Họ không có ở đây!” Rick thốt lên sau khi đi nhanh một vòng quanh sân.

Chú chó nhỏ nhảy khỏi vòng tay của cô bé và quả quyết hướng về phía cổng vòm giấu Cánh cửa Thời gian.

“Không. Không. Đừng nói với mình điều đó...” Jason lẩm bẫm.

“Họ đã tới Kilmore Cove rồi!”

# Chương 10

## SỰ CHIA CẮT

---

Cùng một lúc, Nestor cảm thấy vừa mệt vừa lo lắng. Ông lên cầu thang và dừng lại trước cánh cửa phủ kín bụi và những vết trầy xước của ngọn tháp. Một chiếc bóng phản chiếu trong gương.

“Bọn trẻ đi rồi, đúng là vậy...” người làm vườn lẩm bẩm, khép hờ cánh cửa. “Chúng chỉ là những đứa trẻ, nhưng... chúng rất giỏi và có thể xoay sở để tìm ra Peter. Nói cho cùng, chúng đã mở được cánh cửa ở cửa hàng ông ấy, nơi chẳng một ai trong số chúng ta có thể vào... Trước khi ả ta phá sập bức tường phía sau, tất nhiên rồi. Trong mọi trường hợp, chẳng có ai khác cả. Tất cả mọi người đều đã chết, biến mất hoặc bỏ đi.”

Ông Nestor húng hắng ho.

“Có thể là mình nhầm... Có thể việc đi tìm Peter chẳng có nghĩa lý gì,” ông lắc đầu và ho khù khụ. “Bí mật mà ông ta không muốn tiết lộ cho Oblivia có thể là gì? Vẫn chuyện cũ về chiếc chìa khóa đầu tiên ư? Đó chỉ là truyền thuyết không hơn. Tuy nhiên, điều bí mật gì lại quan trọng đến mức khiến ông ta bỏ trốn mà không cầm theo chiếc chìa khóa sử tử nhỉ?”

Người làm vườn già nghĩ về ngày chiếc chìa khóa sử tử được giao đến Bưu điện trong một chiếc hộp nhỏ.

Ông gãi cằm, trầm ngâm suy nghĩ.

“Tuy nhiên, có một điều lẽ ra mình có thể nói với chúng... Ngôi Nhà Cũ của...”

Đúng lúc ấy ở tầng dưới có một âm thanh vang lên, giống tiếng sập cửa.

“Chuyện gì vậy, Dieguita?” Một giọng nói xa lạ vang lên từ phía cuối cầu thang.

Ông Nestor cứng đờ. Một luồng gió bao quanh mắt cá chân ông. Cửa sổ phòng tháp thành linh mở toang.

“Diego? Chúng ta đang mơ sao?” Giọng một người phụ nữ vang lên.

Ông Nestor bị cơn sợ hãi bủa vây, cố tìm vật gì đó để tựa vào. Ông chộp lấy một cây gậy ba-toong thò ra từ một cái bình nằm trong góc và bắt đầu tập tễnh bước xuống cầu thang.

Ông bước xuống. Rồi bước xuống nữa.

(...)

“Trước tiên, bọn mình cần suy nghĩ đã.” Rick ra lệnh cho hai đứa kia. “Hết lên chẳng giúp ích được việc gì.”

“AI ĐANG HẾT CHÚ!” Jason gào to, bước những bước dài quanh sân.

“Cậu bảo phải làm sao đây, Rick?” Julia hỏi khi tháo những chiếc chuông khỏi cổ chú chó.

“Ba người chúng ta tới Venice. Trong khi có hai người họ quay lại Kilmore Cove thôi. Phải không?”

“Đúng vậy.”

“Điều này nghĩa là Cánh cửa Thời gian ở đầu bên kia vẫn chờ một người du hành quay về...”

“Giống như khi mình quay về từ Ai Cập trước. Phía bên kia, cánh cửa vẫn đóng chùng nào các cậu chưa về.” Julia gật gù.

“MỘT NGƯỜI DU HÀNH!” Jason hét lớn. “CHỈ MỘT MÀ THÔI! Tiếc là bọn mình lại có ba người. Làm thế nào mà bọn mình lại ngu xuẩn thế chứ?”

Diogo gặm gừ với Jason, nó bị tiếng hét của cậu làm cho hoảng sợ.

Rick và Julia nhìn nhau.

“Vậy bọn mình phải làm gì đây?” Cô lí nhí.

“Chỉ còn một cách. Một trong số chúng ta phải quay về cùng bốn chiếc chìa khóa.” Cậu bé tóc đỏ nói. “Tóm hai người kia và... đưa họ trở lại chỗ này. Để tất cả bọn mình có thể cùng quay về Kilmore Cove.”

“Dĩ nhiên là vậy rồi!” Jason thốt lên. “Chúng ta hãy quay về Biệt thự Argo, thuyết phục họ trượt vào một đường hầm, lên tàu Metis và đi xuyên qua cơn bão thời gian để trở lại thế kỷ này rồi tiếp tục ăn xin ở Venice! Quá dễ!”

“Bọn mình phải giúp ông Nestor.” Rick nói.

“Rick nói có lý, chúng ta phải chia nhau ra.” Julia lôi từ trong túi ra bốn chiếc chìa khóa và hỏi. “Ai sẽ trở lại?”

“Em đi,” Jason đề nghị. “Việc này xảy ra do lỗi của em, nên đúng thôi khi em phải đưa mọi thứ trở lại vị trí của nó.”

Julia ngập ngừng trước khi giao bốn chiếc chìa khóa cho cậu em trai.

“Thế nhờ em không làm được thì sao?”

Rick vươn tay để nhận lấy chúng.

“Mình sẽ đi. Mình là người duy nhất hiểu rõ Kilmore Cove và mình cũng là người... khoẻ nhất. Nếu phải... chiến đấu...”

“Không, mình sẽ đi.” Julia lắc đầu. “Bọn mình không được quên lý do đến đây: đó là đi tìm ông Peter Dedalus. Và các cậu giỏi giải mã các thông điệp bí mật hơn mình. Đây là chưa tính đến việc mình đã từng một lần bảo vệ Biệt thự Argo cùng ông Nestor...”

“Bọn mình hãy rút thăm đi.” Jason đề nghị.

“Như thế nào?”

“Hãy đặt những chiếc chìa khóa vào giữa... như thế...”

Julia đặt những chiếc chìa khóa xuống đất và Jason nhanh tay chộp lấy chúng. Sau đó cậu tự tin bước về phía Cánh cửa Thời gian.

“Tốt rồi. Số phận đã quyết định rằng lần này đến lượt em.”

“Jason!”

“Đừng lo lắng. Mình sẽ trở lại đón mọi người. Hẹn gặp lại vào lúc hoàng hôn, tại đúng chỗ này.”

“Jason, quay lại đây ngay!”

“Đồng hồ của cậu vẫn chạy, Rick. Hẹn đến lúc hoàng hôn.”

“Jason, dừng lại!” Rick hét lên.

Nhưng Jason không hề dừng lại. Cậu đẩy Cánh cửa Thời gian và biến mất vào phía trong.

Rick đứng ngây ra ở giữa sân.



“Một cách giải quyết hiệu quả đó, xin chúc mừng! Hẹn gặp lại vào lúc hoàng hôn... Bây giờ thì thế nào?”

Rick và Julia đơn độc trong một thành phố xa lạ, vào đầu buổi chiều của một ngày ở thế kỷ 18. Mất một lúc lâu, hai đứa trẻ chìm trong bầu không khí im lặng đầy bối rối. Rồi chính Julia là người phá vỡ sự im lặng.

“Bọn mình hãy đến cầu Rialto để tìm ông Dedalus, rồi quay về đây sớm nhất có thể. Hy vọng trong khi đó em trai mình có thể làm được gì đó ở đầu bên kia...”

“Đồng ý.” Rick trả lời.

Sự vắng mặt của Jason và việc ở một mình với Julia khiến mọi chuyện bỗng trở nên khó khăn hơn với cậu.

Cậu và Julia. Cậu biết cô bé mới được hai ngày. Một cô gái. Và cô ấy lại dễ thương khủng khiếp.

“Chuyện gì xảy ra với cậu vậy?” Cô bé hỏi.

“Tớ... không biết, tớ rất tiếc...” Rick lắp ba lắp bắp xin lỗi vô cớ, rồi nói thêm. “Đi thôi nào. Bọn mình đang để mất nhiều thời gian đó.”

Julia không thích giọng điệu hối thúc của cậu bạn chút nào. Cô bé thấy Rick đột nhiên trở nên ưu tư, bồn chồn... khác hẳn với cậu bạn vốn hay che chở người khác mà cô vẫn biết.

“Mình rất tiếc phải trở thành gánh nặng của cậu, nhưng việc ở lại một mình với cậu ở Venice không phải là lựa chọn của mình!”

“Mình không thấy phiền đâu,” cậu bé nhanh miệng nói. “Thật đấy. Chỉ là...” Ánh nắng khiến mái tóc đỏ của cậu sáng rực. “Chỉ là mình chưa quen với việc này. Ý mình là với phái nữ.”

“Cậu bối rối vì mình là con gái à?” Julia phì cười.

“Mình không bối rối vì cậu là con gái.” Cậu vặn lại, nuốt nước miếng một cách khó khăn. “Mình bối rối vì chính cậu.”

Julia chẳng có mấy kinh nghiệm về những kẻ tán tỉnh, nhưng cô nghĩ rằng câu nói đó chính là lời khen có khả năng khiến một cô gái rung động.

Và đúng là Julia rung động thật.

Cô bé theo Rick ra khỏi Ngôi nhà Caboto, tới chỗ cây cầu rồi sang bờ kênh bên kia, hướng về phía quảng trường San Marco, cùng với chú chó Diogo lon ton quanh chân, rốt cuộc đã được giải thoát khỏi những chiếc chuông.

“Trong tất cả những cuộc hẹn, mình có thể chắc chắn rằng đây là cuộc hẹn độc đáo nhất.”

Mặt Rick đỏ rần như một trái ớt chuông, trong khi chân cậu vẫn vịn vào vàng rảo bước.

## Chương 11

# NHỮNG KẺ ĐỘT NHẬP

---

**K**hi Jason bước ra từ Cánh cửa Thời gian và xuất hiện ở Biệt thự Argo, chẳng còn ai trong căn phòng khách nhỏ có mái vòm bằng đá. Cậu nấp sau chiếc tủ và nhìn quanh quất, sau đó cậu nghe được giọng nói của gã ăn xin vọng vào từ hiên:

“Này ông già, làm ơn dừng lại! Đứng im đó, trật tự nào! Rất tốt. Nào, ngôi nhà này tên là gì?”

Đáp lại gã là một tiếng thều thào nghèn nghẹt, sau đó là giọng the thé của Dieguita:

“Nếu anh không gỡ miếng giẻ đó khỏi miệng ông ta thì làm sao ông ta trả lời được?”

“Im đi, Dieguita! Tốt rồi. Bây giờ tôi sẽ lấy miếng giẻ ra, nhưng ông phải hứa sẽ không hét lên như lúc này. Xong rồi. Tôi vừa nói, ngôi nhà này tên là gì?”

Jason kinh hãi nhận ra ông Nestor đang khó nhọc để có thể nói rành mạch.

“Biệt thự Argo, khốn khổ...”

“Biệt thự Argo Khốn Khổ.” Don Diego Valente nhắc lại.

“Nó đẹp đấy.” Dieguita tấm tắc. “Một ngôi nhà rất đẹp.”

Jason cởi tấm áo choàng và rón rén từng bước nhỏ về phía chiếu nghỉ cầu thang. Cậu thấy tất cả đồ đạc đã bị di chuyển, như thể ai đó đã kéo ra hút bụi và quên mất phải đặt chúng trở lại vị trí cũ. Hoặc như thể đã xảy ra một cuộc ẩu đả dữ dội...

“Ta khuyên các người không nên động vào bất cứ thứ gì!” Giọng ông Nestor hăm dọa.

Sau khi đến được cầu thang, Jason liếc qua cánh cửa bên hàng hiên. Những gì nhìn thấy khiến máu cậu đông đặc lại: hai kẻ ăn xin đã trói ông Nestor chặt cứng trên ghế đi-văng trước lò sưởi bằng một tấm rèm cửa. Ông Nestor tóc tai bù xù và yếu ớt trong khi Don Diego, đứng trước mặt ông, đã đánh mất chiếc khăn, chứ chất giọng Tây Ban Nha kinh khủng của gã thì không.

“Ngôi nhà này của ông à?”

“Không!” Người làm vườn trả lời.

Dieguita đang ngấm bức tượng cô gái đánh cá.

“Còn đây là phu nhân của ông à?”

“Không!” Nestor gắt lại cộc lốc, ngọ nguậy trên chiếc đi-văng.

“Ngoan nào, ông nội!” Don Diego ra lệnh. “Chúng tôi không muốn làm ông đau một chút nào. Chính ông đã tấn công chúng tôi bằng cây gậy đấy chứ! Nhưng nếu đây không phải nhà của ông thì tại sao ông ở đây?”

“Tôi làm vườn.” Ông Nestor phản bác lại đầy hung dữ.

“Thế ông chủ của ông đâu?”

“Ông ấy đang trên đường về.”

“Tốt! Vậy thì chẳng vấn đề gì nếu chúng tôi ở đây chờ ông ấy một lúc...”  
Don Diego cười khẩy.

“Các người là bọn quái quỷ nào thế?”

“Nghệ sĩ đường phố.” Gã trai trả lời. “Nhưng ở trong nhà tốt hơn nhiều so với ở ngoài đường!”

“Đây là chỗ nào của Venice?” Dieguita hỏi khi nhìn ra ngoài cửa kính.

“Đây không phải là Venice!” Ông Nestor lớn tiếng. “Chúng ta đang ở Anh!”

“Anh? Nó là một phần của Venice à?”

“Ôi trời ơi!” Ông Nestor gầm gừ giận dữ.

“Chậc chậc... Quý ông đây toàn nói những điều thật không thể hiểu nổi. Thậm chí tôi vẫn chưa hiểu được chúng tôi đã đến đây bằng cách nào. Và tại sao cánh cửa mà chúng tôi bước ra lại không mở được nữa.”

Cả hai người cố giải thích cho ông Nestor những gì xảy ra với bọn họ, rồi kết luận là dù sao thì họ cũng đã gặp may.

“Một ngôi nhà đẹp và đầy những đồ vật quý giá...” Don Diego nói. “Quá nhiều đối với một ông già!”

“Mày muốn làm gì hả thằng côn đồ kia?”

“Ngó qua ngôi nhà một chút thôi. Chúng ta đi chứ, Dieguita?”

Jason vội núp vào góc tối của những bậc thang trong phút chốc trước khi hai kẻ ăn xin đi tới. Chúng dừng lại tranh luận sôi nổi một lát, rồi đi thẳng lên lầu trên. Vừa đi vừa bình luận về những bức tranh treo dọc cầu thang,

chúng bước vào thư viện mà vẫn luôn mồm nói không ngừng nghỉ dù chỉ một giây.

Thật cẩn thận để không gây ra tiếng động, Jason bước tới chỗ hàng hiên. Ông Nestor trợn tròn mắt.

“Cháu làm gì ở đây vậy? Còn hai tên kia...?”

“Có một vấn đề ạ.” Cậu bé lắp bắp.

“Ta vốn đã hình dung ra việc này!” Người làm vườn vịn mình trên ghế đi-văng. “Xem xem cháu có thể giải thoát cho ta khỏi thứ này không...”

Nhưng tấm rèm bị buộc rất chặt.

“Ông chờ chút nhé, cháu vào bếp lấy dao!”

“Áaa!” Dieguita rú lên từ tầng trên.

Ngay sau đó là tiếng náo loạn.

“Bột rắc trên sàn ư? Nhưng để...”

Bất chấp hoàn cảnh của mình, người làm vườn vẫn bật cười.

“Ta tin là hai tên kia đã thấy những cái bẫy ma của cháu.”

“Chúng ta đi khỏi đây thôi, nhanh lên ông...” Jason thì thầm và giúp ông Nestor đứng dậy.

“Không!” Ông phản đối. “Chúng ta không thể để ngôi nhà rơi vào tay chúng!”

“Ông muốn làm gì ạ?”

“Ta vẫn chưa biết, có lẽ là gọi điện cho... À không, cháu hãy chạy tới ngọn hải đăng và gọi Leonard Minaxo!” Người làm vườn lệnh cho cậu.

Jason vội vã gật đầu.

“Hãy giải thích với ông ấy chuyện gì đã xảy ra.” Ông Nestor nói tiếp. “Cháu không phải e ngại đâu, cứ nói hết với ông ấy. Ông ấy biết. Ông ấy là người của phe ta.”

“Ông ấy biết cái gì ạ?”

Trên gác lại có tiếng ầm ầm.

“Jason, làm ơn... hãy chạy đi! Ngay bây giờ!”

Jason tiến đến cánh cửa bên hàng hiên và trước khi mở ra, cậu quay lại nhìn phía sau.

“Còn ông sẽ làm gì?”

“Ta sẽ cố đánh lạc hướng và dẫn chúng đi xa khỏi đây. Chúng ta sẽ thử kế hoạch chim bồ câu trong giếng... Cháu hãy nói với Leonard, ông ấy sẽ giải thích cho cháu đó nghĩa là gì.”

Jason mở cửa và lẩm nhẩm lại.

“Chim bồ câu trong giếng, cháu hiểu rồi.”

“Đi đi, nhanh lên!” Ông Nestor thì thào, nghe thấy tiếng mấy tên ăn xin đang di chuyển xuống cầu thang.

Jason chạy quanh ngôi nhà với trái tim đập dữ dội và bốn chiếc chìa khóa của Cánh cửa Thời gian trong túi quần đang ép chặt vào người cậu.

Nép mình sát theo bức tường để không bị phát hiện, Jason thoáng thấy chiếc xe đạp của Rick tựa vào một bồn hoa.

Bên trong Biệt thự Argo tiếp tục vọng ra những tiếng âm ì. Đám cây cối trong vườn lại cứ như thể bị hóa đá, chúng im lặng và bất động.

Cậu không được để mình bị phát hiện, tất cả chỉ có vậy. Jason lom khom lại gần lối ra của phòng bếp và ước lượng khoảng cách giữa cậu và chiếc xe đạp của Rick.

Trong một thoáng, cậu suy tính mình sẽ lấy chiếc xe đạp, nhảy lên xe và đạp trên nền sân sỏi cho đến cánh cổng... Liệu cậu có thể làm được mà không bị phát hiện không?

Đúng lúc đó, Jason nghe thấy tiếng hét chói tai của Dieguita. Cậu tranh thủ tình huống đó để hành động thật nhanh: nhảy ba bước tới chỗ chiếc xe đạp, quành nó lại rồi nhảy lên xe, cùng lúc đó gạt chân chống bằng một cú đá dứt khoát. Sau đó cậu nhấn pê-đan. Chiếc xe đạp của Rick nặng như một tảng đá, nhưng may mắn thay, cậu cũng làm nó tiến được về phía trước.

Jason lao vun vút trên con đường nhỏ ở lối vào mà không có vấn đề gì xảy ra và đã tới được cánh cổng đang say giấc. Cậu vọt qua những cột đá hoa cương trắng và lao xuống con đường ở vách đá. Cậu nhìn thấy ngọn hải đăng nằm ở phía bên kia vịnh, như ngón tay trở màu trắng và xanh dương được biển cả bao quanh.

Và cậu hiểu rằng mình phải hành động thật khẩn trương.

Sau khi người lạ mặt kia để hẵn lại trên đỉnh dốc, Manfred lao chiếc Bọ Cát xuống dốc và phanh vừa đủ ở những khúc cua. Phần lớn khi vào cua, gã đều nghiêng xe về một bên giống như lượn thuyền buồm, đồng thời nguyên rửa tất cả những thứ gã có thể nguyên rửa, bao gồm cả chính gã, rồi rướn mình ra ngoài buồng lái để tìm cách lấy lại thăng bằng cho chiếc xe.



Khi tới được làng, gã thở phào nhẹ nhõm và tiến thẳng ra quán rượu trên bờ biển.

Một lát sau, gã dừng chiếc Bọ Cát lại và chửi thề. Gã đã chửi thề liên tục kể từ hôm trước, lúc gã phát hiện ra lớp xe mô tô bị cửa lủng ở Ngôi nhà Gương. Gã đã phải đi bộ qua những cánh đồng để tới nhà của Oblivia Newton, để rồi phát hiện ra mình đã không mang theo chìa khóa nhà, mà chỉ có chìa khóa ga-ra.

Lúc này, bãi đỗ xe của ả Newton rất hiu quạnh: chiếc xe ô tô thể thao đã biến mất vì rơi khỏi mỏm đá vào đêm thứ Bảy, chiếc mô tô thể thao phải dắt bộ hôm chủ nhật, giờ chỉ còn lại mỗi chiếc Bọ Cát và xe kéo cho ngựa được Oblivia mua về trong một khoảnh khắc đam mê bộc phát dành cho môn đua ngựa, nhưng niềm đam mê đó cũng tan biến rất nhanh.

Manfred đã phải ngủ trong ga-ra, rồi mất khá nhiều thời gian của buổi sáng để tìm cách móc chiếc Bọ Cát và xe kéo ngựa với nhau, rồi gã ra khỏi nhà. Nhưng bởi cũng chẳng có chìa khóa cổng nên gã buộc phải rời trang trại của Oblivia Newton bằng cách đi qua một loạt những con đường nhỏ trên cánh đồng, mất cả nửa buổi sáng gã mới tới được Ngôi nhà Gương.

Thật may, Oblivia vẫn chưa trở về từ chuyến du hành qua Cánh cửa Thời gian của ả.

Chiếc xe ủi của Công ty phá dỡ nhà Độc Nhãn vẫn nằm ngả về phía trước đầy dử tợn. Chiếc xe mô tô thể thao của Oblivia nằm cách đó không xa, lớp xe hoàn toàn lép xẹp. Manfred nhấc nó đặt vào chỗ lề ra của mấy con ngựa và chẳng buộc thật cẩn thận, rồi gã lái thẳng tới Kilmore Cove để tìm một người thợ sửa xe.

Một hàng bậc thang bằng gỗ vương đầy cát dẫn tới cổng vào của Salt Walker, quán rượu của ngôi làng. Lối vào tối tăm như thể đang ở trong bụng một con cá voi. Manfred tìm một cái bàn nhỏ ở góc khuất và ngồi

xuống xem giờ. Quá một giờ trưa một chút. Trong quán chỉ có hai vị khách và mấy đứa trẻ tụ tập trước chiếc máy chơi điện tử duy nhất nằm ở phía bên kia quán rượu.

Manfred rất ghét trẻ con, chúng làm gã nghĩ tới lũ trẻ xác lác của Biệt thự Argo, lũ trẻ mà gã sẵn sàng ném xuống từ mỏm đá.

“Anh từ đâu đến vậy?” Chủ quán hỏi gã. Ông ta phúi cái bàn bằng một chiếc khăn ẩm, vờ như đang chuyên chú lau một vết bẩn đã bám dính lấy mặt bàn từ nhiều năm.

“Từ bên ngoài.” Manfred trả lời và chưng ra cặp kính râm được gắn bằng băng dính.

“Anh có biết vì sao băng dính lại được gọi là scotch không? Vì khi được đưa ra thị trường lần đầu tiên vào năm 1929, nó có bao bì giống một cái váy xếp nếp của Scotland. Người ta đã gọi nó là băng dính Scotland vào thời bấy giờ.”

“Nhưng giờ thì người ta gọi nó là gắn kính hồng.”

Hiểu rằng không phải lúc để cố kéo dài cuộc trò chuyện, người chủ quán hỏi:

“Tôi có thể phục vụ gì cho anh?”

“Xúc xích nướng và nước táo không đá.”

“Tuyệt.” Ông vắt khăn lau lên vai. “Cốc cỡ nhỏ hay cỡ vừa?”

“Cỡ lớn.”

Ông chủ quán đi vòng qua quầy rượu và biến mất trong nhà bếp, một lát sau món xúc xích bắt đầu kêu lè xèo tỏa ra mùi thơm đầy hấp dẫn.

Manfred vừa cắn miếng đầu tiên thì một người đàn ông mặc áo sơ mi kẻ trắng đỏ, quần len xám và hai hàng tóc mai kiểu thợ săn cá voi bước vào trong quán rồi thốt lên:

“Thứ đồ nát xiêu vẹo trước cửa là của ai vậy?”

Manfred cảm thấy cơn giận đột nhiên bùng lên và, với cái miệng đầy nước táo cùng xúc xích, gã gầm gừ:

“Của tao.”

“Ôi, xin thứ lỗi cho tôi,” người kia đổi giọng. “Tôi cứ nghĩ là của bọn trẻ con.”

Manfred cố ép mình bình tĩnh và hỏi:

“Có thể tìm được một gã thay lốp xe ở đâu trong cái làng này?”

“Anh cần làm gì?”

“Thay bánh xe mô tô.”

“Xe mô tô nào?” Người đàn ông đi ra để kiểm tra và quay trở vào ngay sau đó. “Quý tha ma bắt, cái xe oách thật! Nếu anh để tôi ăn no nê, tôi sẽ dẫn anh tới chỗ anh họ tôi. Anh ấy là thợ đóng giầy, nhưng lại chuyên về máy móc.”

“Đồng ý.” Manfred vừa nói vừa nuốt miếng xúc xích thứ hai.

Người đàn ông kia gọi một món ăn và với tay sang từ bàn bên cạnh.

“Hân hạnh, Fred Có Khiếu Thẩm Mỹ. Nhưng trong làng mọi người gọi tôi là Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ.”

Manfred trả lời bằng một cái bắt tay.

“Manfred. Nhưng trong làng chẳng ai gọi tôi là gì cả.”

“Ê, cái này hay đấy!” Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ bật cười. “Anh từ đâu đến?”

“Từ khiếu hài hước bẩm sinh của tôi.” Manfred trả lời và gọi thêm một cốc nước táo thứ hai. Cỡ lớn.

## Chương 12

# NGÔI NHÀ CŨ

---

**R**ick và Julia đi bộ nhanh dọc theo bờ kênh, tới bến tàu San Zaccaria kín đặc thuyền gondola và các loại tàu bè. Diogo hãnh diện lon ton chạy theo chúng.

Bọn trẻ chiêm ngưỡng hai chiếc cột đá giống như cột tháp đánh dấu lối vào quảng trường. Trên đỉnh của một trong hai chiếc cột nhô lên bức tượng Sư tử của San Marco, biểu tượng của thành phố.

Quảng trường đông nghịt người, bao quanh là những hành lang có mái vòm màu trắng. Dòng người qua lại vận đồ lòn lẹt, đội tóc giả và mang tất trắng, đeo mặt nạ sắc sỡ và đi những đôi giày cao ngất ngưỡng.

Một tháp chuông cao chót vót, tựa quả tên lửa bằng đá hoa cương đỏ, dường như chuẩn bị cất cánh từ vị trí trung tâm quảng trường.

Rick và Julia bám chặt lấy nhau len lỏi trong biển người huyền ảo. Có mùi cá rán, mùi gia vị sực nức, cả mùi bánh vòng rắc đường và hoa quả ướp đường.

“Cây cầu Rialto ở đâu nhỉ?” Julia hỏi.

“Mình không biết,” Rick trả lời, “nhưng chắc bọn mình sẽ đi về hướng nhà thờ.”

San Marco tựa một tòa nhà không có góc cạnh và uyển chuyển như một sinh vật biển: mặt tiền có năm cổng vòm lớn với một rừng cột lớn cột nhỏ màu trắng bao quanh, bên trên là những mái che đầu nhọn, những mái vòm nối tiếp xen kẽ nhau và một cỗ xe tứ mã mạ vàng.

Trong khi tiến lại gần, Rick nhận ra bên cạnh nhà thờ có một công trình với một chiếc đồng hồ cơ đồ sộ.

“Đây chính là cỗ máy thời gian khổng lồ!” Cậu châm chọc.

Chiếc đồng hồ đó thực vĩ đại, có mặt màu vàng, trắng và xanh dương, được đặt trên một bức tượng đồng, trên đỉnh là một chiếc chuông lớn.

“Khiếp thật!” Julia bình luận. “Nó lớn đến mức mình suýt không nhìn ra. Cậu có nghĩ đó là tác phẩm của ông Peter không?”

“Lạ quá, mình không thấy hình cú mèo...” Cậu bé trả lời trong lúc ngẫm nghĩa nó.

Rick và Julia băng qua phía dưới chiếc đồng hồ và tìm thấy chỉ dẫn ra cầu Rialto. Con đường biến thành một mê trận những con hẻm đông người và dày đặc cửa hàng trông ra những con kênh.

Nếu ngược nhìn lên sẽ thấy những ngôi nhà như thể đang tựa vào nhau: mái vòm và tháp cầu tạo thành một mê cung của những lối đi và cầu ván trên cao, nơi những bông hoa, những tấm thảm và phù hiệu sặc sỡ rủ mình.

Đi theo dòng người, Rick và Julia tới một quảng trường nhỏ. Rồi chẳng biết từ lúc nào, chúng đã bắt đầu bước lên những bậc thang dẫn tới một cây cầu lớn màu trắng với cổng vòm, duyên dáng bắc qua con kênh.

Chúng đã tới cầu Rialto.

Dưới nhịp cầu, những con thuyền gondola đang lướt nhanh, những dinh thự bằng vàng soi mình xuống dòng kênh. Bên kia bờ là một khu chợ lớn huyên náo và một con đường đang mở lối tới đúng nơi chúng muốn đến: thương phố của những người thợ làm đồng hồ.

Rick và Julia lang thang hết cửa hàng này sang cửa hàng khác để hỏi về ông Peter Dedalus, nhưng chẳng tìm được manh mối nào. Chúng buồn bã quay lại khu chợ, nơi những người thợ đang chạm khắc đá khiến những lớp bụi lóng lánh bay ra, những người da đen lực lưỡng đang vác trên lưng các bao hồ tiêu và những thương gia quý tộc đang mở cửa hàng.

Chúng ngồi cạnh bức tượng thẳng gù, mà theo những ghi chép của Ulysses Moore, chắc chắn sẽ đem lại may mắn.

“Vô ích thôi! Thành phố này quá lớn!” Julia nói khẽ khi lơ đãng vuốt ve chú chó nhỏ đã theo chân chúng không chút nản lòng. Cô bé chán nản quan sát mê cung những con kênh, cây cầu, phố xá, cửa hàng và những sắc màu rực rỡ. “Cậu có ý tưởng gì không?”

Rick đã bắt đầu lật giở cuốn sổ ghi chép của ông Ulysses Moore hòng tìm kiếm thêm được điều gì đó.

“Lúc này thì chưa.” Cậu bé đọc một lúc, rồi chợt nói. “Ông chủ cũ đã dán và bôi đậm một ô ghi chú chỗ này.”

“Ghi chú ư? Trên đó viết gì vậy?”

“Ở Venice có ba nơi thần kỳ bị ẩn giấu: một ở phố Tình Bạn; nơi thứ hai gần cầu Tuyệt Diệu; nơi thứ ba ở phố Người Cục Mịch nằm gần nhà thờ San Geremia ở Khu Ổ Chuột. Khi người Venice chán nản về chính quyền, họ tới ba chỗ bí mật này và, bằng cách mở những cánh cửa nằm ở cuối sân, họ bỏ đi mãi mãi tới những câu chuyện khác, tới những nơi đẹp tuyệt vời.”

“Mình nghĩ rằng bóng thoại này nói về chính những cánh cửa của bọn mình!”

“Đúng vậy.” Rick đồng tình. “Nhưng bọn mình chẳng xuất hiện ở chỗ nào trong ba nơi đó cả.”

“Điều này nghĩa là có ít nhất bốn nơi thần kỳ...”

Diogo kêu lên ăng ăng.

“Chính xác.” Rick chuyển cuốn sổ tay cho Julia và bắt đầu tìm trên tấm bản đồ những cái tên được nói đến trong bóng thoại.”

“Vấn đề là... Ồ, mình tìm thấy nhà thờ San Geremia ở Khu Ổ Chuột rồi. Và cả cây cầu Tuyệt Diệu nữa. Tuy nhiên chúng không gần nhau chút nào. Còn Tình Bạn thì... mình không tìm thấy.”

“Chắc hẳn nó là cái chúng ta cần.” Julia giễu cợt. Cô bé lật giở những trang tiếp theo. “Này, Rick! Nhìn xem ông ấy ghi chú gì ở đây này, cạnh bức ảnh ấy!”

Bức ảnh khắc họa một ngôi nhà Venice cũ với cửa sổ và khung vòm kiểu kiến trúc Gô-tích nằm bên bờ một con kênh.

“Ngôi nhà Cũ của Santa Marina.” Rick đọc to lên. “Thế nghĩa là thế nào?”

“Thế nào là thế nào? Chẳng phải cậu đã nói bà Penelope là người Venice hay sao?”

Rick nhìn lại bức ảnh. Một cái cây lớn ngả bóng che lối vào chính của ngôi nhà, phía trên có phù hiệu vẽ một con thằn lằn uốn mình theo hình chữ “s”.

“Sauri...” Rick lẩm bẫm. “Ôi trời... Chẳng có lẽ?”

“Santa Marina nằm ở đâu?”



“Nếu là một con kênh, nó sẽ không cách đây quá xa.” Rick kiểm tra bản đồ.  
“Cần đi qua cầu Rialto lần nữa và sau đó rẽ trái.”

So với bức ảnh, ngôi nhà đã được sơn lại hoàn toàn bằng màu vàng rực và phù hiệu hình thằn lằn nằm trên cánh cửa được thay thế bằng một chiếc phù hiệu khác có hình chữ “C” được trang trí bằng hoạ tiết cây cỏ.

“Bọn mình làm gì đây, nhấn chuông nhé?”

“Mình không nghĩ là có chuông cửa ở thế kỷ 18 đâu...”

“Chắc phải có thứ gì đó tương tự chứ.” Rick lại gần cánh cổng và chỉ vào cái gỗ cửa bằng đồng.

“Rồi bọn mình làm gì?”

“Tùy cơ ứng biến nhé?” Rick đề nghị.

Và cậu bé kéo cái gỗ cửa thật mạnh. Một âm thanh đanh chắc và inh tai vang lên.

Julia ra hiệu cho Diogo bình tĩnh, nhưng chú chó nép vào chân cô bé và liếc nhìn cánh cổng đầy sợ sệt.

Rick phải gõ đến lần thứ hai, cánh cổng mới mở ra và một quý ông trung niên đóng bộ com-plê nhung màu nâu bảnh bao xuất hiện. Ông ta có đôi mắt tròn vẻ cảnh giác, hai hàng ria mép dài được chăm chút cẩn thận và đội một bộ tóc giả ngắn màu trắng. Chiếc quần được bó ở đầu gối nhờ một đôi tất trắng, giày đen có chốt mạ vàng, áo gi-lê da và áo vét có viền gấu bằng lông thú sẫm màu.

“Các vị cần gì?” Ông ta cất tiếng hỏi, rồi khi nhận ra những vị khách chỉ là hai đứa trẻ, ông vội tiếp lời. “À không, ta xin lỗi, ta chẳng có gì cho các cháu cả...”

Khi ông sắp sửa đóng cổng lại thì Rick nhanh miệng nói:

“Xin bác thứ lỗi, chúng cháu không muốn làm phiền đâu, nhưng... bác có tình cờ biết...”

“Ta rất tiếc, các cháu. Ta nghĩ các cháu đã gõ nhầm cửa rồi.”

“... ông Ulysses và bà Penelope Moore không ạ?” Julia nói nốt.

Đôi lông mày của quý ông nọ nhướng lên kinh ngạc.

“Ôi, những cái tên đó!” Ông ta nói, mặt đanh lại. “Thế nào mà... hai đứa trẻ như các cháu thì liên quan gì đến... ông bà Moore?”

Cánh cửa lại mở ra khe khẽ.

“Chuyện dài lắm, thưa bác.” Julia nói tiếp. “Và cũng chẳng rõ ràng lắm. Là thế này ạ, chúng cháu sống trong nhà của ông Ulysses Moore và... có lẽ... nhờ ông ấy, chúng cháu đã tới được Venice bằng một cách hơi khác thường một chút. Không biết cháu nói thế có rõ không...”

“Thành thực mà nói là không, quý cô ạ... Nhưng ta phải nói rằng thông tin đó không làm ta bất ngờ, bởi vì... theo một nghĩa nào đó, chính chúng ta cũng sống trong nhà của Ulysses Moore. Chính xác hơn là, ngôi nhà của người vợ cao quý của ông ấy. Nhưng các cháu từ đâu đến?”

“Từ Cornovaglia, thưa ông.” Rick trả lời. “Ở nước Anh ạ.”

Khuôn mặt của người chủ nhà lộ vẻ kinh ngạc.

“Quý tha ma bắt, cái này thì đúng là tin mới!”

“Chuyện gì vậy, anh Alberto?” Một giọng nói cất lên. Chẳng cần chờ câu trả lời, ở cửa xuất hiện một quý bà trẻ tuổi hơn với những lọn tóc đen, đôi má ửng đỏ được phấn che bớt và đôi mắt vui tươi lạnh lợi.

“Xin chào!” Bà thốt lên khi trông thấy Rick và Julia. “Các cháu là ai vậy?”

Diogo thoát khỏi chân Julia và lao bổ vào người phụ nữ, bà đón lấy nó bằng một tiếng reo hạnh phúc.

“Ôi chao! Còn chú mày là ai hả bé cưng?”

Người đàn ông lạnh lùng nhìn chú chó có bộ lông lờm chờm đang chơi đùa với quý bà, sau đó ông giới thiệu.

“Đây là vợ ta, Rossella Caller. Ta là Alberto. Và ta nghĩ chúng ta có thể tiếp tục cuộc trò chuyện ở bên trong. Ta chỉ yêu cầu các cháu vui lòng để người bạn dễ thương của các cháu ở ngoài...”

“Ừ! Ừ!” Bà Rossella hoan hỉ nói với chú chó đang được bà ôm chặt. “Tất nhiên là chú mày cũng được vào trong rồi! Tất nhiên rồi!”

Nội thất của nhà Sauri-Caller thật xa hoa đáng kinh ngạc. Hai đứa trẻ đi qua một lối vào màu xanh ngọc bích, men theo một cầu thang dẫn tới tầng trên. Đồng hành với chúng, dọc theo hành lang hẹp và dài được bọc nhung đỏ là những bức tranh và đồ nội thất sáng bóng. Sau đó chúng băng qua một phòng ăn với chiếc bàn làm bằng kính rồi bước vào sân trong phủ đầy những dây leo thường xuân và cây cối duyên dáng cao vút lên trời. Chúng ngồi dưới một ngôi nhà lều màu kem, trong khi Diogo bắt đầu một cuộc khám phá tỉ mỉ.

Trước khi ngồi, ông Alberto Caller đặt vài chiếc gối lên ghế của mình, phủ một tấm vải lên những cuốn sách ông đang tra cứu và chờ bà Rossella đang rất vui vẻ và hăng hái, phục vụ mọi người món nước chanh mát lạnh. Bà Rossella rất thanh lịch, bà vận một chiếc áo choàng lụa màu xanh da trời, quần quanh eo hai dải lụa sáng màu hơn, và một tấm vải mút-xơ-lin sặc sỡ quàng trên vai.

“Các cô cậu này nói rằng họ đến từ nước Anh và là khách trong nhà của Ulysses Moore.” Ông Alberto giải thích.

“Thật vậy ư? Trùng hợp làm sao! Căn nhà này trước kia là của ông bà Sauri, gia đình Penelope. Đã lâu lắm rồi chúng ta không còn gặp họ nữa! Hãy nói cho bác nghe nào các cháu, họ có khoẻ không?”

Rick và Julia trao nhau một cái nhìn bối rối.

“Thực tế là... không khoẻ lắm ạ. Họ đã, nói thế nào nhỉ... cả hai người...”

Khuôn mặt hai người nhà Caller tối sầm lại.

“Ôi, ta rất tiếc.”

“Bác không phải tiếc cho bọn cháu đâu ạ!” Julia nhanh miệng nói thêm.  
“Thật ra bọn cháu chưa từng quen biết họ.”

“Vậy thì các cháu có thể giải thích cho ta bằng cách nào các cháu có liên hệ với họ? Và mục đích của chuyến viếng thăm của các cháu là gì?”

“Alberto, anh hãy lịch sự với bọn trẻ nào!” Người phụ nữ nhẹ nhàng trách ông.

“Anh vẫn vậy mà, Rossella. Anh chỉ đang cố tìm hiểu vì cái quái gì mà lũ trẻ lại tới đây. Em biết rõ là mình rất hiếm khi cho người vào nhà. Và mình làm vậy là có lý do.”

“Ôi, Alberto, lại những điều nghi ngờ này! Anh không thấy bọn trẻ là con nhà gia giáo ư? Các cháu có phải anh em ruột không?”

“À, không hẳn là vậy ạ.”

Mặt Rick đỏ lựng, trong khi Julia mỉm cười giải thích:

“Anh em họ ạ. Chúng cháu là anh em họ.”

“Các cháu có họ hàng thân thích gì với ông bà Moore không?” Ông Alberto gắng hỏi.

Bà Rossella ngả người ra sau ghế và giải thích:

“Ông ấy là một người cuồng tín về quan hệ họ hàng.”

“Gia phả của dòng họ Moore hẳn sẽ làm bác ấy thích thú.” Rick nói.

“Có rất nhiều điều không rõ ràng về dòng họ đó. Nói thế nào nhỉ... nó hơi mơ hồ một chút.” Ông Alberto nhếch mép cười.

“Bác còn phải nói!” Julia thốt lên. “Dù sao, thưa bác Caller, chúng cháu không có quan hệ họ hàng với ông bà Moore. Sau khi họ mất, cha mẹ cháu đã mua lại ngôi nhà của họ ở Anh và, sau khi chuyển tới đó, chúng cháu tìm thấy rất nhiều thứ liên quan đến họ, bao gồm cả cuốn sổ tay này...”

Cô bé chìa cho ông bà Caller xem cuốn nhật ký hành trình của ông Ulysses. Khi nhìn thấy nó, ánh mắt của cả hai người sáng lên đầy cảm xúc.

“Ta vẫn còn nhớ về những cuốn sổ cũ kỹ này! Ông ấy hay mua chúng ở đâu nhỉ?”

“Cửa hàng của Zafon, nằm ở góc phố Forno.”

“Vậy là hai bác quen ông Ulysses Moore sao ạ?” Rick hỏi. “Bằng xương bằng thịt ấy?”

“À, ừ.” Ông Alberto âm ừ trả lời.

“Ông ấy là người thế nào ạ? Ý cháu muốn nói... về mặt hình thức ạ.”

“Cao, thanh lịch và oai vệ, ta có thể nói như vậy.” Bà Rossella Caller trả lời.

“Bình thường mà, Rossella...” Ông Alberto trách cứ với sự ương ngạnh.  
“Anh thực sự không cho là ông ấy oai vệ.”

“Xem ai đang nói kìa! Oai vệ hơn anh là cái chắc.”

“Ừ, dĩ nhiên, nhưng ông ấy không oai vệ theo nghĩa của từ oai vệ và chấm hết. Ông ấy...”

“Oai vệ.” Rossella cắt ngang. “Một người đàn ông đáng tin cậy và lịch thiệp, luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người. Và ông ấy cũng thường dừng bước để vượt ve bất kỳ chú chó nào mà ông ấy gặp ngoài đường.” Bà bổ sung thêm.

“Điều này thì đúng! Đi dạo với ông ấy có thể rất mệt mỏi.” Ông Alberto cắn nhả.

“Thế còn bà Penelope ạ?”

“Penelope là người phụ nữ vô cùng dịu dàng, thông minh và tinh tế. Khi còn sống ở ngôi nhà này, trước khi chuyển sang nước ngoài, bà ấy thường tổ chức những bữa tiệc linh đình. Một lời mời tới nhà Sauri là điều cao quý nhất có thể đến với cháu ở Venice. Và bà ấy, ừm... bà ấy cùng một lúc vừa giản đơn vừa phức tạp, vừa khiêm tốn vừa kiêu kỳ.”

“Bà ấy tuyệt đẹp!” Ông Alberto nói thêm.

“Ái chà!” Bà Rossella bắt bẻ ông.

“Em thừa biết là anh đang đưa ra một đánh giá thẩm mỹ đơn thuần.”

Bà Rossella mỉm cười vẻ dễ mến, cúi xuống chỗ Julia và khẽ nói với cô bé.

“Cháu thấy đàn ông họ thế nào chưa? Nếu chúng ta khen một người đàn ông là oai vệ thì họ trách chúng ta, còn ở vị trí của họ thì đó chỉ là ‘một đánh giá thẩm mỹ đơn thuần’ thôi.”

Julia bật cười và ngạc nhiên bởi sự thân thiết mà người phụ nữ đó đang thể hiện với mình.

Ông Alberto thì lại tập trung vào Rick, cậu được ông giải thích cặn kẽ về các mối quan hệ họ hàng của nhà Sauri với phong thái quý tộc Venice điển hình.

“Trong khi các anh nói về những chủ đề đàn ông này,” bà Rossella xen ngang, “cánh phụ nữ chúng tôi sẽ rút đi một lát. Lại đây nào, bác cho cháu xem một thứ.”

## Chương 13

# NHỮNG NIỀM VUI MỎNG MANH

---

**A**nh mặt trời chậm rãi len lỏi qua những tấm rèm cửa Venice. Khi ánh nắng chạm tới chiếc giường gấm thêu kim tuyến, Oblivia Newton chớp chớp mắt, vui mình dưới lớp chăn. ả thích thú trong trạng thái nửa tỉnh nửa mơ giữa tiếng sóng vỗ xa xa và tiếng la hét từ những con phố vang vọng không gian.

“Ôi, thật là thiên đường!” ả thốt lên khi cuối cùng cũng tỉnh giấc, đón ánh nắng ban ngày.

ả duỗi dài người theo những động tác Ayurveda đã học và úp đôi chân trần lên sàn.

Oblivia ngáp dài, nhào một chân về phía chiếc ba lô bị quăng ở góc phòng, nhưng không với tới. Ánh mắt ả dừng trên cẳng chân dài khăng khiu nhờ tập gym và bỗng trở nên suy tư. Oblivia thấy mình thật tuyệt vời và mảnh mai, ấy vậy mà Bá Tước Tro, và cả những người đàn ông trước ông ta, đều hỏi liệu ả có cảm thấy ổn không. Có lẽ nào trông ả giống người bệnh đến thế?

Bực mình bởi những ý nghĩ đó, Oblivia đứng dậy, tìm giữa đồng hồ lật vạt mà ả vẫn chưa đem để đổi tiền, lấy ra tấm bảng ép plastic, trên đó ghi lại



những bài tập hàng ngày.

Ả dò bộ móng tay dài sơn tím trên bảng tính chiều cao và tuổi của mình rồi đọc cân nặng tương ứng.

“Mình biết mà, mình thật hoàn hảo!” Oblivia thốt lên.

Không có lấy một gam mỡ trên vòng eo. Cơ tay phát triển nhờ tạ, còn chân săn chắc nhờ những bài tập đi bộ. Mấy người Venice đó làm nhảm gì về bệnh tật vậy?

“Quý tha ma bắt!” Ả lẩm rầm, ném tấm bảng vào ba lô.

Oblivia rửa mặt bằng nước lạnh và liếc nhìn ra bên ngoài cửa sổ. Mấy giờ rồi nhỉ? Phải chăng đã là giữa trưa? Ả có toàn bộ thời gian rảnh cho đến sáu giờ. Và sau sáu giờ ả sẽ tìm lại được Peter, nhờ sự hợp tác của Bá Tước Tro.

Khi Oblivia mở cửa phòng, hai cô hầu gái cúi người chào buổi sáng và tới giúp ả mặc quần áo.

“Nói thật đi, các cô có thấy tôi gầy không?” Oblivia hỏi người phụ nữ đang thắt dây áo nịt ngực.

Cô này cười khúc khích và sau những lời vòng vo dài dòng, cùng sự đồng tình của cô kia, cô bèn thừa nhận rằng không chỉ thấy ả gầy mà còn gầy khủng khiếp. Hai người hầu gái nói nếu được, họ chắc chắn sẽ tặng cho ả khoảng mười lăm cân.

Oblivia nhìn họ sững sờ.

Sau khi suy nghĩ một chút về chuyện đó ả lại mỉm cười hài lòng, và trong lúc xuống cầu thang để dùng bữa sáng trong bộ váy trắng và vàng lộng lẫy cùng một chiếc mặt nạ nhỏ bỏ vừa túi, ả nghĩ tới mục quảng cáo tạo cơ hội

cho tất cả những phụ nữ béo của thế kỷ 21: Thừa cân ư? Hãy trở thành ngôi sao ở Venice của thế kỷ 18!

Đó mới chỉ là một trong vô vàn công dụng mà những cánh cửa thời gian có thể cho ả một khi ả tìm được cách để kiểm soát chúng. ả đã nhận ra tất cả các cánh cửa trên tấm bản đồ tìm thấy ở Ai Cập, bây giờ chỉ việc mở chúng ra là xong. Vì thế ả đang đi tìm Peter.

Oblivia đã tới phòng ăn sáng, nơi các thực khách đang trò chuyện sôi nổi. ả chọn một chiếc bàn nhỏ yên tĩnh, người phục vụ mang tới một tách đồ uống sẫm màu với những chú bồ câu bằng sữa, thì ra đó chính là cà phê pha với kem tươi kiểu Venice.

“Các quý ông đang tranh luận về việc gì vậy?” ả hỏi người phục vụ.

“Về những người bảo vệ bí mật của thành phố. Có vẻ hôm qua họ đã khai ra và đóng cửa hai xưởng in sách cấm trái phép.”

“Loại sách cấm nào vậy?”

Người đàn ông cúi xuống thì thầm:

“Tôi tin rằng chúng có liên quan đến thứ mới đến từ Pháp, gọi là chủ nghĩa ánh sáng. Nhưng chắc chắn đó chỉ là một thứ mới thoáng qua...”

## Chương 14

# CĂN PHÒNG CỦA CÔ GÁI

---

**T**rong sân nhà Sauri, Julia đưa mắt nhìn Rick trong lúc cậu đang chăm chú lắng nghe dòng thông tin của ông Alberto, sau đó cô đi theo bà Rossella vào một căn bếp cũ ộp đá cẩm thạch.

“Câu chuyện đó, ông ấy có thể nói về nó cả ngày,” bà Rossella vừa băng qua căn phòng vừa giải thích. “Nếu cháu không nhìn thấy người hầu nào, đó là bởi sau trải nghiệm tồi tệ với Dante, người hầu nam cuối cùng của chúng ta, Alberto không muốn để ai vào nhà nữa. Và ông ấy cũng không hoàn toàn vô lý, thành phố này lan truyền quá nhiều chuyện ngòi lê đôi mách rồi...”

Julia thấy giờ không phải lúc thích hợp để hỏi về nội dung của những câu chuyện ngòi lê đôi mách đó, cô đi theo bà Rossella lên cầu thang. Họ tới một căn phòng có lẽ đã bị khóa từ khá lâu dựa vào việc bà Rossella phải rất khó nhọc mới mở được nó.

“Cháu chờ ở đây một lát nhé...” Người phụ nữ thềm thì rồi biến mất vào bên trong căn phòng để mở cửa sổ. Một thác ánh sáng tràn vào và bà Rossella reo lên:

“Xong rồi, cháu tới đây nào!”

Đó là một căn phòng ngủ, sàn lát gạch bàn cờ đen trắng. Một chiếc giường phủ ga màu xanh lá kê sát tường, một chiếc bàn tròn nhỏ xếp rất nhiều hộp

đựng trang sức, một chiếc gương, một chậu chứa nước và một chậu rửa được trang trí hình hoa.

“Đây từng là phòng của bà Penelope...” Bà Rossella giải thích. “Khi Alberto và bác chuyển tới sống ở đây, chúng ta quyết định giữ nguyên nó như vậy mà không động tới thứ gì.”

Julia bước vài bước trong căn phòng từng thuộc về bà Penelope, cô bé hít hà mùi bức bí, ẩm ướt nhưng lại nhận được một làn hương dịu nhẹ, không hề khó chịu chút nào. Sau đó cô bé dừng lại trước một bức tranh lớn.

“Là bà ấy ạ?” Cô bé hỏi với giọng yếu ớt.

“Ừ. Bà ấy rất đẹp, phải không?” Bà Rossella trả lời cô bé và tiến lại gần.

“Rất đẹp ạ...” Julia thì thầm.

Bức tranh họa hình một cô gái có mái tóc dài sáng màu, được cột bằng một dải ruy băng màu xanh da trời. Cô gái đứng bên khung cửa sổ đang mở. Chính trong căn phòng mà họ đang đứng.

“Bà ấy đã vẽ bức tranh này ạ?” Julia hỏi, đắm chìm vào ánh mắt của Penelope.

“Ồ, không phải. Bức tranh đó do ông Ulysses tặng khi ông tới hỏi cưới bà ấy làm vợ. Nó là của một họa sĩ bậc thầy người vùng Flemish mà bác không nhớ tên.”

Julia không sao rời mắt khỏi bức tranh.

“Cháu rất giống bà ấy, cháu biết chứ?” Bà Rossella nói. “Vì thế bác mới muốn cho cháu xem nó.”

Từ dưới sân vọng lên giọng ông Alberto, phá vỡ bầu không khí trong phòng:

“Thế nào, hai quý cô! Các cô định bỏ rơi chúng tôi à?”

“Bác nghĩ chúng ta nên trở lại chỗ ông già hay cần nhân đó thôi.” Bà Rossella cười lớn và đóng những cánh cửa chớp lại.

Ngay lúc ấy, Julia chợt hiểu ra có một sự sai lệch nào đó.

Trong sân, Rick vẽ đầu khổ đang ngồi thụp trong chiếc ghế. Ông Alberto đứng dậy để mời bà Rossella và Julia ngồi xuống, sau đó ông tiếp tục câu chuyện của mình.

“VẬY là, như ta đã nói với cháu, chúng ta đồng ý mua lại ngôi nhà của gia đình Sauri, và đây chính là lý do mà các cháu đã gặp chúng ta.”

Rick tóm tắt nhanh cho Julia những chi tiết trước đó:

“Gia đình Sauri đã tuyệt tự khi bà Penelope lấy người họ Moore.”

“Ôi, khi thật!” Julia thầm nghĩ.

“Khắp thành phố người ta bàn tán rôm rả khi biết rằng Penny bé nhỏ phải lòng một người nước ngoài. Hơn nữa lại là người phương Bắc.”

“Đúng là vậy.” Ông Alberto xen ngang. “Ta không nói đó là một vụ tai tiếng nhưng... cũng gần như thế.”

Julia nhìn Rick. Cậu bé bình thản gật đầu, hiển nhiên cậu không hề nhận ra điều chúng vừa khám phá được.

Trở lại chủ đề ban đầu, ông Caller vuốt ria mép và hỏi:

“Các cháu vẫn chưa giải thích cho chúng ta vì sao các cháu lại ở Venice này. Từ Anh quốc sang thì hẳn là một chuyến đi dài...”

“Bọn cháu đang tìm một người,” Rick trả lời. “Và vì người đó là bạn của ông Ulysses Moore, nên bọn cháu nghĩ ông ấy cũng là bạn của các bác. Ông ấy từng là, à không, ông ấy tên là Peter Dedalus.”

Cái tên của người thợ đồng hồ lơ lửng trong không khí như một làn khói, thời gian cứ dần trôi mà từ phía ông bà Caller chẳng có chút dấu hiệu lạc quan nào.

“Các cháu nói Dedalus ư?” Ông Alberto lưỡng lự lắm nhấm. “Đó là một cái tên mới với ta. Em thì sao, Rossella?”

Cả bà ấy cũng lắc đầu.

“Ông ấy từng là bạn của Ulysses theo kiểu nào?”

“À, ừm...” Rick tìm kiếm sự trợ giúp từ Julia, nhưng cô bé dường như hoàn toàn đứng ngoài cuộc trò chuyện mà chìm đắm trong suy nghĩ của riêng mình. “Julia?”

Khi nghe có người gọi mình, cô bé ngẩng đầu lên và nói:

“Thực ra bọn cháu cũng không biết ạ.”

Ngay sau đó cô bé nhìn lên phía ô cửa sổ đóng kín nơi căn phòng của bà Penelope Moore.

“Ôi, khi thật!” Cô bé lại nghĩ.

“Ông Peter là một người thợ thủ công lành nghề... nói chính xác là một thợ chế tác đồng hồ.” Rick giải thích. Sau đó cậu bé cúi xuống để lục tìm trong chiếc ba lô. “Đây ạ, chính ông ấy đã làm ra chiếc đồng hồ đeo tay này.”

Ông Alberto Caller cầm nó trong tay với vẻ hồ nghi.

“Cháu nói là đồng hồ đeo tay à? Thế... nó là cái gì?” Ông xoay nó giữa các ngón tay, kinh ngạc vì những thiết kế tinh vi của nó. “Ta tự nhận mình là người mê đồng hồ, nhưng ta chưa từng nhìn thấy thứ gì tương tự...”

“Chúng rất đặc biệt ạ...” Rick giải thích. “Bác có thấy con cú này không? Trông nó hơi giống chữ ký của ông ấy.”

“À, tất nhiên rồi!” Bà Rossella thốt lên khi quan sát chiếc đồng hồ trước ánh sáng. “Con cú! Mình có vật nho nhỏ đó với con cú khắc ở trên, không phải sao anh Alberto?”

“Nhưng nó không phải một chiếc đồng hồ, em yêu.”

“Không, nhưng... nó là của Penelope...”

Trong đầu Rick văng lại những lời cuối cùng ông Nestor nói trước khi Cánh cửa Thời gian đóng lại sau lưng chúng: Âm nhạc! Các cháu hãy nhớ rằng Peter phát cuồng vì âm nhạc!

“Ông Peter rất mê âm nhạc.” Cậu bé nói.

“Phải rồi!” Rossella thốt lên với vẻ rạng rỡ. “Anh thấy em có lý chưa, chàng khờ?”

Ông Alberto nhăn trán, trong khi hai đứa trẻ nhìn người phụ nữ với vẻ băn khoăn.

“Cái hộp nhạc mà mình có trên chiếc tủ ngăn kéo ấy!” Bà Rossella Caller thốt lên. “Các cháu có muốn xem nó không nào?”

“Vâng ạ, có thể nó có ích cho bọn cháu.” Rick trả lời.

Sau đó, cả bốn người cùng đứng dậy.

“Julia? Cậu bị sao vậy?” Rick đi chậm lại, thăm thì với cô bạn. “Cậu rất lạ kể từ lúc đi từ tầng trên xuống.”

“Làm sao bình thường cho được! Rick, cậu không nhận ra điều gì à?” Cô bé khẽ trả lời.

“Nhận ra gì cơ?”

“Về bà Penelope.”

“Bà Penelope làm sao?”

“Bà ấy là người thừa kế cuối cùng của gia đình đã tuyệt tự vào năm 1751...”

Julia bỏ lửng câu nói và Rick phải suy nghĩ một chút trước khi hiểu được mọi điều.

Suýt chút nữa thì cậu bé có thể ngắt đi được. Rõ là vậy rồi, bởi nếu gia đình bà Penelope Sauri tuyệt tự vào năm 1751, thì bà Penelope chắc chắn phải sinh ra vào thế kỷ 18.

Vậy là ông Ulysses Moore đã du hành qua thời gian để cưới bà ấy.

(...)

Một đoàn diễu hành gồm bốn quý bà vui vẻ đang rảo bước trên những con phố của Kilmore Cove.

“Ôi, cô ấy quả là xinh xắn!” Bà Biggles nói trong khi đưa những quý bà kia về nhà mình. “Lại còn rất đáng yêu. Chị gái tôi dành rất nhiều lời hay ý đẹp cho cô ấy... Dẫu sao tôi sẽ cho các cô xem tất cả những bức ảnh...”

Bước phía sau bà Biggles, bà Bowen đang cố bảo vệ kiểu tóc mới của mình khỏi những cơn gió. Bà giáo Stella thì tìm ô cửa kính hoặc những tấm gương chiếu hậu để kiểm tra liệu những lọn tóc nhuộm sáng của mình có



phải là một quyết định quá liều lĩnh hay không. Cô Gwendaline vui vẻ trò chuyện với cả ba người.

“Hy vọng không ai trong số các cô dị ứng với mèo...” Bà Biggles khúc khích cười và mở cánh cửa ngôi nhà nhỏ bằng đá. “Khi người chị gái tội nghiệp của tôi còn sống, chị ấy ho không dứt. Mời các cô vào, cứ tự nhiên nhé!”

Bà Bowen vô thức phủi chân váy dài quá đầu gối của mình và lẩm bẩm:

“Chắc lông lá ở khắp nơi.”

Hai mươi chú mèo cả thảy của bà Cleopatra Biggles đang xếp hàng trên cầu thang dẫn lên lầu trên. Bà chào chúng bằng thứ giọng ngân vang rồi quay lại nói với những vị khách:

“Các cô cứ tự nhiên như ở nhà nhé! Tôi lên trên lấy ảnh.”

Trong khi bà giáo Stella và cô Gwendaline bình luận về cánh cửa thì bà Bowen làm một cuộc dò xét nhanh ngôi nhà. Y như bà đã hình dung, lông mèo bám trên đi-văng, trên tất cả ghế bành, nhiều đến mức khiến mọi nỗ lực tự nhiên như ở nhà của bà đều trở thành không thể. Hơn nữa, còn có một lớp cát mỏng vương khắp sàn nhà, đấy là chưa nói đến việc ở chính giữa hành lang có hẳn một đống cát lớn!

“Marco Aurelio, để ta qua nào!” Tiếng bà chủ nhà vang lên ở tầng trên.

“Theo các bác, mình có đang làm phiền bà ấy không?” Cô Gwendaline đánh liều hỏi khi nghe thấy bà Biggles mở ra rồi đóng vào rất nhiều ngăn kéo.

“Chính bà ấy đã nài nỉ mà.” Bà Bowen nhún vai.

“Tôi thì thực sự rất vui,” bà Stella xem giờ và nói. “Các chị không thấy việc xem lại những bức ảnh cũ thật thú vị sao?”

Thực tế là, hơn cả chuyện những bức ảnh cũ, bà Biggles đã thuyết phục họ về nhà bằng việc nói rằng bà có vô số ảnh của cô Newton thời trẻ. Và bởi nữ triệu phú đó hoàn toàn nằm trong bức màn bí ẩn với người làng, nên việc cô ta có giao du với bà Biggles đã dẫn lối tới những tưởng tượng vô cùng hấp dẫn, do đó cả ba quý bà đều thấy lời mời ấy quả thực không thể cưỡng nổi.

“Chúng đây rồi!” Bà Cleopatra Biggles vui vẻ reo lên và bước xuống cầu thang cùng bốn cuốn album ảnh to tướng.

Bước cẩn thận qua lũ mèo, bà đề nghị những bà bạn hãy tới ngồi trong bếp để có thể trải rộng album ảnh trên chiếc bàn giữa bọn họ. Một phút sau, ấm pha trà được đặt lên bếp và cả bốn bắt đầu tò mò ngắm nghía các bức ảnh đen trắng.

Bà Biggles gợi lại ký ức chung qua các bức ảnh vì chúng khắc họa những thời điểm lịch sử đã qua của Kilmore Cove:

“Bức ảnh này chụp khi tuyến đường sắt vẫn đang còn hoạt động và ông già Núi Lửa Đen vẫn còn ở đó. Đó là một mùa hè bội thu cá ngừ. Còn đây là mùa đông của ba mươi năm trước, khi những người săn cá voi tấn công một con cá voi đang hấp hối ở ngoài khơi... Đây là chị tôi trong chuyến đi tới Ý: Florence, Rome, Venice. Đây là chị ấy trên thuyền gondola!”

Rồi họ quay lại với Kilmore Cove, xem ảnh lễ ban thánh thể của các cô cậu sinh năm 74 và bữa trưa trên bãi biển. Một trong số rất nhiều lễ cưới ở Công viên Rùa và lễ hoa đăng lớn với đám rước tới tận nhà thờ Sant’Elmo. Kế đến là lễ bầu cử thị trưởng và đón tiếp thầy hiệu trưởng tới làng, bà giáo Stella tâm sự rằng thầy ấy có hơi thở kinh khủng khiến đám học sinh khiếp đảm.

“Thời ấy trong làng có nhiều trẻ con hơn!” Bà Bowen bình luận và nhớ lại cảnh phòng khám của chồng mình đầy ắp bọn nhóc xây xước đầu gối.

Và cứ thế: kia là Leonard, người gác ngọn hải đăng, khi anh ta còn trẻ và cả hai mắt còn sáng. Ở trang tiếp theo có bức ảnh mà người ta không thể nhận ra đó là cha Phoenix khi cha năm dài sưỡi nắng với một chiếc khăn mùi soa trên đầu...

“Người đàn ông sau lưng này là ai, người đứng cuối cầu tàu với chiếc mũ thợ săn ấy?” Cô thợ làm tóc trẻ tuổi thắc mắc.

Những người phụ nữ chuyền tay nhau và nheo mắt nhìn thật chăm chú bức ảnh.

“Các cô biết là ai không? Là ông Moore, chủ Biệt thự Argo đó!” Bà Biggles cuối cùng cũng công bố.

Bức ảnh lại đi một vòng nữa quanh chiếc bàn. Bà Cleopatra Biggles có thể có lý, nhưng khó mà chắc chắn được vì người đàn ông ấy đứng quá xa để nhận rõ mặt ông.

Đúng lúc ấy bà Biggles thấy một bức ảnh màu ló ra từ cuốn album và bà nhanh tay chớp lấy nó: đó là Oblivia Newton đeo một chiếc vòng cổ lấp lánh đá quý, chụp cùng một chú chó săn cao đến ngang hông.

“Nó đây rồi!” Bà reo lên, thu hút sự chú ý của các bà bạn. “Cô triệu phú bí ẩn của chúng ta đây rồi.”

Gwendaline cầm trên tay bức ảnh cũ có hình ông Ulysses Moore ở phía sau.

“Tôi có thể giữ tấm này chứ?” Cô thật thà hỏi.

Rồi cô vờ như nó tình cờ rơi vào trong túi mình.

## Chương 15

# Ở NGỌN HẢI ĐĂNG

---

**J**ason băng qua ngôi làng nhanh như chớp và đạp ngược lên con đường nằm phía đối diện với vịnh. Cậu bỏ lại sau lưng con đường lớn và đi vào lối mòn nhỏ dẫn tới ngọn hải đăng. Mũi đất dài và hẹp giữa những mỏm đá với xoáy nước hun hút, sóng biển cuộn cuộn dội vào từ cả hai phía. Ngọn hải đăng mọc lên ở đúng cuối mũi đất, nơi bãi cỏ chuyển mình thành mặt đường rải đá dốc dần về phía biển với những tảng vuông vức to bự. Gió quẩn từ mọi hướng và lũ mòng biển dường như đang lơ lửng bất động trên trời.

Jason kéo khóa và cài mọi chiếc cúc áo cậu có thể lần được để ngăn luồng khí lạnh chạm tới da thịt, nhưng vô ích. Chiếc áo bay phần phật như một lá cờ và thỉnh thoảng lại bị nước biển và bọt sóng bắn vào.

Chống chọi với cơn gió, cậu bé tiến lại gần ngọn hải đăng. Nhìn gần, cậu thấy nó cao thật là cao, ít nhất cũng phải cao gấp ba lần ngọn tháp của Biệt thự Argo. Ngọn hải đăng sơn trắng và không có cửa sổ, chỉ có một cánh cửa nằm ở chân tháp nhỏ đến nực cười. Jason cũng chẳng buồn thử mở ra vì nó được khóa bởi một ổ khóa nặng trĩu. Ngược nhìn lên cao, cậu xem xét bề đồ tròn và hẹp nằm ngay dưới ngọn đèn. Sau đó cậu lấy tay che mắt và nhìn ra xung quanh.

Chẳng có ai cả.

Jason đi quanh và lại gần ngôi nhà của người gác hải đăng, một căn nhà hai tầng đơn sơ, hầu hết cửa chớp đều đã đóng. Cậu nhìn thấy còn có một ngôi nhà nữa nhỏ và thấp hơn, cách đó không xa.

“Ông Minaxo ơ!” Cậu gọi toáng lên. “Ông Minaxo ơ!”

Jason tới chỗ cửa ra vào và gọi lần nữa. Rồi cậu thử gõ cửa, nhưng vẫn không có ai đáp lại.

Một trong những ô cửa sổ nằm về phía bên phải lối vào đang mở cánh chớp. Jason liếc vào bên trong qua tấm lưới sắt bảo vệ, cậu thấy một chiếc bàn với một con dao đặt ở trên, một bồn rửa và một chiếc lò sưởi đốt củi kiểu cũ. Còn ông Minaxo thì chẳng thấy bóng dáng đâu.

Cậu bé co ro, sợ hãi vì tiếng gió đang vùn vũ không ngớt xung quanh. Rồi, như thể được gió đưa tới, cậu thấy một cái bóng to lớn từ từ bao trùm lên mình.

Jason ngoảnh mặt lại, cậu nheo mắt và thấy một người đàn ông có mái tóc dài, đứng chắn mặt trời, cầm trong tay một vật nhọn hoắt bằng kim loại.

“Cậu là ai?” Người đó hỏi.

Jason cảm thấy họng thắt lại và nghẹt thở.

Người đàn ông nắm chặt trong tay một cây lao móc. Gió thổi phồng chiếc áo sơ mi của ông ta khiến nó căng ra như một tấm buồm rách rưới.

Cậu bé tranh đấu trước sự cám dỗ của đôi chân muốn lùi lại một bước, hai bước rồi mười bước và chuồn thật lẹ. Nhưng chính ông Nestor đã cử cậu tới mà...

“Ông là Leonard phải không ạ?” Cuối cùng cậu cũng lên tiếng được.

Lúc trước người đàn ông còn đứng trước mặt Jason. Lúc sau ông ta đã quỳ một gối xuống, cách cậu chỉ vài xăng-ti-mét. Một tấm băng đen vắt chéo qua mặt che mắt phải của ông ta. Con mắt còn lại sáng một màu xanh thiên thanh băng giá. Mũi nhọn. Đôi vai rộng. Và ông ta có một chiếc răng cá mập đeo trên cổ.

“Tôi hỏi cậu trước.” Người đàn ông lơ dềnh dựng cây lao móc trước mặt mình. Lưỡi lao đâm xuyên vào lớp cỏ tựa như một con dao xuyên qua miếng bơ.

“Cháu là Jason Covenant,” cậu trả lời. “Và cháu tới để tìm ông Leonard Minaxo.”

“Jason Covenant...” Mái tóc của người đàn ông rối bời trong gió. “Vì sao cậu tới đây tìm Leonard?”

“Vì ông Nestor nói với cháu rằng ông ấy ở phe chúng cháu.”

“Cậu giải thích đi.” Người đàn ông duỗi thẳng lưng.

Jason hít thật sâu.

“Cháu không thể, nếu ông không phải là Leonard.”

Người gác ngọn hải đăng cân nhắc về cậu bé đang run lên vì lạnh giá và sợ hãi, về cây lao móc sẵn cá nù trong tay mình và về khoảng cách giữa họ với người dân làng gần đó nhất.

“Có gan đấy nhóc.” Ông nói, đoạn bước qua Jason và mở cửa ngôi nhà. “Ta là Leonard đây. Vào trong đi.”

Bên trong ngôi nhà lạnh như thể tường và sàn nhà chưa từng được một ngọn lửa nào sưởi ấm. Ông Leonard Minaxo ra hiệu cho Jason ngồi xuống chiếc ghế đầu bằng gỗ đẽo từ một cây đại thụ. Ông đặt cây lao lên bàn cạnh

con dao, cởi áo sơ mi rồi mở vòi nước. Trong lúc rửa mặt bằng nước lạnh như băng, ông hỏi:

“Tại sao ông Nestor lại cử cháu tới đây?”

Jason muốn kể hết với ông mọi việc, nhưng cậu quyết định phải thật thận trọng:

“Ông ấy nói hai người là bạn.”

“Ta không nghĩ ông ấy dùng từ đó.” Leonard vãi nước lạnh buốt lên hai cánh tay lực lưỡng. “Chúng ta từng là bạn. Nhưng... nói một cách văn vẻ thì thế này: nó là cảm giác thanh xuân khi anh già cỗi, là máu nóng khi mạch anh đã lạnh giá.”

“Cháu không hiểu...”

“Shakespeare nhóc ạ. Nhiều khi cháu nhớ tới bạn bè bởi cháu nhớ tới thời cháu còn trẻ. Cháu đọc Shakespeare bao giờ chưa? Không, ta không nghĩ vậy... Cháu đọc những gì?”

“Thuyền trưởng Mesmero.” Jason trả lời, rồi giải thích thêm. “Đó là một cuốn truyện tranh ạ.”

“Cháu có hiểu tại sao Trái đất lại bị hủy hoại không?”

“Ông Nestor đang gặp nguy hiểm ạ.” Jason trả lời, cậu thấy tự ái bởi lời bình luận đầy khinh miệt. “Và ông ấy nói chỉ ông mới cứu được.”

“Sao, gặp nguy hiểm ư?” Leonard Minaxo khóa vòi nước lại.

“Ông ấy nói ông phải thử kế hoạch... chim bồ câu trong giếng.”

Leonard nghiêng đầu sang một bên.

“Thật là ông ấy đã nói về chim bồ câu trong giếng sao? Khi nào?”

“Mười phút trước ạ. Trước khi hai người đó trở lại thăm vấn ông ấy.”

“Hai người đó là ai cơ?”

“Cháu không biết, hai kẻ ăn xin... Đại loại là... hai tên trộm. Chúng lên vào Biệt thự Argo và trói ông Nestor trên đi-văng.”

Người gác ngọn hải đăng chửi thề, sau đó ông xỏ lại chiếc áo sơ mi qua cánh tay vẫn còn ướt nước.

“Tại sao ông ta lại nghĩ đến kế hoạch chim bồ câu nhỉ?”

“Cháu không biết. Nhưng ông ấy bảo sẽ cố gắng đưa chúng ra xa ngôi nhà.”

“Vậy không còn thời gian đâu.” Người gác hải đăng chộp lấy cây lao trên bàn và ném con dao về phía Jason. “Cấm lấy. Cháu biết dùng dao chứ?”

Jason tóm lấy con dao trên không và kinh ngạc về ánh phản chiếu của nó.

“Cháu nghĩ là có...”

“Dễ ợt.” Leonard mỉm cười hài lòng. “Nếu cháu kê lưỡi dao lên bất kỳ vật nào và ấn xuống... con dao sẽ cắt phăng vật đó.”

“Kế hoạch bồ câu trong giếng là gì ạ?” Jason hét trong gió trong khi chạy theo sau Leonard Minaxo.

“Cái giếng nằm ở Công viên Rùa,” ông trả lời và chạy về hướng ngôi nhà gần đó. “Chính là công viên của Kilmore Cove.”

Jason lắc đầu. Cậu không hề biết rằng trong làng có một công viên và cũng chẳng biết nó nằm ở đâu.



Ông Leonard lại gần cánh cửa ngôi nhà và bắt đầu kéo những thanh chốt trượt ra. Cậu bé nhận ra mùi của chuồng ngựa.

“Ngày xưa, dưới chân đồi công viên có những cái hang. Trong suốt chiến dịch nước Anh, người La Mã đã sử dụng chúng làm nhà tù để thẩm vấn những người Celt nổi loạn, các tu sĩ và điệp viên.”

Jason gật gù, dù cậu chẳng hiểu lấy một từ. Ông Leonard mở toang cửa chuồng ngựa và bước vào trong.

“Tiến lên nào, bé xinh! Ra đây!”

Jason đứng im ở cửa. Chuồng ngựa nhìn ra biển này đang che chở một chú ngựa đẹp tuyệt có bộ lông sẫm màu và chiếc bờm trắng. Ông Leonard vuốt ve mõm nó theo cái cách đầy cục mịch, sau đó hỏi Jason:

“Cháu xoay xử thế nào với loài ngựa?”

“Cháu... cháu chưa bao giờ cưỡi chúng.”

“Tuyệt. Việc nào chẳng có lần đầu.”

“Thực sự là cháu có xe đạp, ở ngay ngoài này.”

“Còn ta thì không. Lại đây nào!”

Jason ngập ngừng bước vào chuồng ngựa. Chú ngựa lúc lắc chiếc bờm như thể hiểu rằng mình phải chuẩn bị ra ngoài.

“Đây là Ariadne.” Ông Leonard nói. “Ariadne, cậu nhóc này là... Jason Covenant.”

Ông chờ Jason vuốt ve mõm ngựa, rồi cầm bàn tay cậu bé miết vào bộ lông của Ariadne.

“Giờ các cháu là bạn.” Ông tuyên bố.

Sau đó ông chỉ vào chiếc yên ngựa treo trên móc và ra lệnh:

“Cháu hãy thắng yên ngựa đi.”

Jason cố phản kháng bằng cách giải thích rằng cậu chưa từng thắng yên ngựa lần nào trong đời, nhưng mọi lý lẽ đều vô ích.

“Hơn nữa cháu còn chẳng với tới nó! Yên ngựa quá cao!” Cậu bé gào lên.

“Thế thì nhảy lên.” Đó là từ cuối cùng của người gác ngọn hải đăng trước khi ra khỏi chuồng ngựa.

“Ra là các người muốn ăn cắp đồ của ta...” Ông Nestor nói và khó nhọc bước theo tên ăn xin vào phòng bếp. “Tóm lại, mấy người là quân trộm cắp.”

Bị thu hút bởi những bóng đèn trong tủ lạnh, Don Diego Valente thực sự đã dọn sạch chiếc tủ trong nỗ lực tìm hiểu xem nó hoạt động như thế nào. Cùng lúc đó, Dieguita đang ngó nghiêng tất cả những món đồ trang trí trong nhà, ngay khi tìm thấy thứ gì có vẻ quý giá, cô ta lập tức mang nó ra ngoài.

Bỏ qua vấn đề tìm hiểu mình đang ở đâu, hai tên ăn xin đã lên kế hoạch đơn giản là khoắng sạch Biệt thự Argo.

“Trộm, trộm!” Don Diego khoa chân múa tay rồi đứng chống nạnh nhìn chăm chăm bóng đèn điện tủ lạnh. “Ông đừng vội cho chúng tôi là trộm! Tôi hỏi ông, ai mà chưa từng trộm vặt cơ chứ?” Và trước khi ông Nestor có thể trả lời, hắn nói thêm. “Ông chưa từng đánh cắp trái tim của một cô gái trẻ nào sao? Hay thời gian của người khác? Hoặc là... Ôi, cái thứ ba là gì nhỉ?”

Don Diego gãi gãi mũi, cố nhớ ra ví dụ thứ ba như thế hẳn đã từng cố học thuộc lòng chúng.

Thấy hẳn bí, ông Nestor khục khặc cười:

“Ta không nghĩ anh lại triết lý thế... Dẫu sao, ta không cho rằng việc lấy tất cả đồ đạc trong nhà và mang chúng ra ngoài như cô bạn anh đang làm là ý hay!”

“Đồng ý với ông thế này đúng là ăn trộm.” Tên ăn xin đồng tình và bước ra khu vườn, tới chỗ những bậc thang đá. “Lấy đồ của người khác. Đúng thôi. Nhưng nếu vậy thì cả Hội đồng Thập viên cũng là quân trộm cướp... vì họ bắt tất cả những người ăn xin phải nộp tiền! Dù sao thì cuộc sống chính là vậy. Tốt hơn là ông già hãy nói cho tôi biết, biển này tên là gì?”

“Đại Tây Dương.”

Ánh mắt của gã thanh niên sáng lên. Hẳn ta đan tay sau gáy và hít thật sâu làn không khí mặn mòi.

“Rõ ràng rồi! Vậy là tôi không hề lầm! Tôi đã nhận ra mùi của nó mà.”

“Anh từ đâu tới? Có phải anh là người Tây Ban Nha?” Ông Nestor hỏi hẳn.

“Mẹ tôi là người Valencia. Cha tôi thì... ai mà biết? Ông ấy mất trước khi cho tôi biết sự thật. Vì bị ho lao. Thế là lo rằng cả mình cũng sẽ chết, tôi đã lên tàu năm mười hai tuổi. Tôi đã nhìn thấy những hòn đảo Đại Tây Dương thuộc Capo Verde, và cả Marseille, Genoa, trước khi con tàu bị đánh chìm. Tôi thề sẽ không bao giờ đặt chân lên một con tàu nào nữa. Sau đó tôi quen Dieguita và chúng tôi cùng tới Venice để làm thuê cho những nhà buôn gia vị, cho đến khi họ không cần bọn tôi nữa. Sau đó... chúng tôi phải tự thu xếp.”

Dieguita bước ra từ Biệt thự Argo với vẻ đắc thắng, tay nâng một cây đèn có thân dát vàng.

“Nhìn xem, anh yêu. Cái này bằng vàng cả đấy!”

Ông Nestor giận dữ nhận ra cây đèn nằm gần chiếc bàn nhỏ để điện thoại. Ông phải xoay xở để đưa hai tên trộm kia tránh xa khỏi Biệt thự Argo trước khi chúng phá tan tành nơi này.

“Nghe này... Các người nghĩ sẽ đi khỏi đây như thế nào?”

“Sao cơ?”

“Các người nghĩ làm thế nào để mang hết tất cả đồng đồ kia đi? Nếu mấy người đi bộ thì ông chủ của tôi sẽ tìm thấy các người ngay.”

Chỉ đến lúc đó Don Diego dường như mới để ý đến số lượng đồ vật và những thứ lặt vặt mạ vàng mà Dieguita đang mang ra ngoài.

“Ừ nhỉ. Chúng tôi cần một con ngựa. Chuồng ngựa ở đâu?”

“Không có chuồng ngựa nào ở Biệt thự Argo hết.”

Don Diego khựng lại.

“Thế các người di chuyển như thế nào ở làng này?”

“Đi bộ, hoặc đi tàu.”

“Đừng có nói với tôi về tàu bè gì cả! Tôi đã thề không lên tàu rồi!”

“Trong trường hợp này, các người đành phải kiếm một con ngựa ở khu chuồng gần nhất...” Ông Nestor vờ như đứng đưng bình luận.

“Nó ở đâu?”

“Ta sẽ không bao giờ nói cho các người.”

“Tôi lại tin rằng ông sẽ nói cho chúng tôi đấy...”

“Sẽ mất một chút thời gian nếu đi bộ.”

“Phải rồi, ông già thật ranh mãnh!” Don Diego cười. “Và trong khi chúng tôi đi tìm ngựa, chủ của ông quay lại đây thì sao?”

“Nếu được thì các người có thể mang hết theo mình.” Ông Nestor gợi ý.

Don Diego cân nhắc lời nói của người làm vườn, sau đó đưa mắt đến đám đồ đạc chất đống trên sỏi.

“Dieguita!” Gã gọi lớn.

Cô ả xuất hiện ở cửa với một chiếc khay bằng bạc trong tay nói về ngưỡng mộ:

“Anh nhìn này! Bằng bạc đấy! Có thể soi gương nữa...”

“Dừng lại! Dừng lại!” Don Diego ra lệnh cho cô ta. “Có một vấn đề nhỏ...”

## Chương 16

# PHÍA SAU KHUNG TRANH

---

**B**à Rossella và ông Alberto Caller dẫn Julia và Rick tới trước một cái tủ ngăn kéo chật ních hình khảm, trên đó bày hai bức tượng nhỏ đời Minh từ Trung Quốc, một con dao Toledo và một chiếc hộp đựng trang sức Smirne.

“Cháu không thấy hộp nhạc nào cả.” Julia nói trong lúc hiếu kỳ nhìn quanh.

“Tất nhiên rồi. Bởi vì nó hơi đặc biệt một chút...” Ông Alberto lau bầu và lấy một chiếc ghế. Ông cởi giày rồi bước lên ghế, gỡ xuống một bức tranh treo tường nhỏ phía trên tủ ngăn kéo.

“Rick!” Julia thốt lên khi nhận ra ngôi nhà và khu vườn trong bức tranh. “Đó chẳng phải là Biệt thự Argo sao?”

“Cháu nói gì cơ?” Ông Alberto hỏi.

“Đó là ngôi nhà nơi tụi cháu sống!” Julia giải thích. “Đây là công viên, vách đá... và ở đây có cánh cổng.”

“Thật sao?” Bà Rossella nói. “Cho tụi nhỏ xem khung tranh đi anh Roberto!”

Ông quay bức tranh lại, cho bọn trẻ xem một cái tay quay gắn vào khung tranh vàng. Trên miếng trụ nhỏ bằng kim loại có khắc hình một con cú, biểu

tượng của ông Peter. Miếng trụ nối với tay quay thông qua một bánh răng nhỏ và trên đó nhô lên những đầu kim loại bé tí ti.

“Bây giờ ta sẽ cho các cháu nghe...” Ông Alberto lẩm bẩm và quay tay quay.

Những đầu kim loại bắt đầu chạm vào một dây thanh kim loại cũng bé tí ti, phát ra một giai điệu vô cùng ngọt ngào.

Lắng nghe những nốt nhạc đó, bỗng Rick thấy như mình được trở về tuổi thơ. Đó chính là điệu nhạc cậu từng được nghe vào một ngày nhiều năm về trước, ngày cha đưa cậu bước vào cửa hàng của ông Peter Dedalus để mua chiếc đồng hồ cho cậu. Không may may nghi ngờ gì, giai điệu đó đã khắc sâu vào trí nhớ cậu chẳng khác nào tên của bản thân mình.

“Cháu ổn chứ, cậu bé?” Bà Rossella hỏi cậu.

Rick đột nhiên bừng tỉnh khỏi miền ký ức, cậu nhận ra chiếc máy phát nhạc đã ngừng kêu còn Julia và ông bà Caller đang chăm chú nhìn mình.

“Sao cơ ạ...”

Mắt cậu cay xè và má ửng đỏ. Chuyện này vẫn thường xảy ra mỗi khi cậu nghĩ về cha mình.

“Rick... cậu ổn chứ?” Julia nắm lấy tay cậu.

“Là của ông ấy!” Cậu bé tóc đỏ chỉ vào cái máy hát và tuyên bố. “Là của ông Peter. Mình đã nhận ra nó.”

“Chắc chắn đó là một bí ẩn lớn.” Ông Alberto Caller nhận xét khi đặt bức tranh xuống đất. “Ta không biết phải bắt đầu từ đâu. Tìm người ở một thành phố như Venice thật không dễ dàng gì, vả lại, chúng ta có ít thông tin quá.”

“Các cháu đã thử nói chuyện với những chủ tiệm ở thương phố của thợ làm đồng hồ chưa?” Bà Rossella hỏi.

“Rồi ạ, nhưng không ai trong số họ biết cả.”

“Các cháu chắc chắn là ông Peter không có biệt danh, hay gì đó đại loại thế chứ?” Ông Alberto đặt ra giả thiết.

“Thực ra ông ấy có thể sử dụng một cái tên khác, để được yên thân...”

“Vậy là người đàn ông này không muốn bị tìm thấy sao?”

“Theo một nghĩa nào đó thì... ông ấy đã bỏ trốn ạ.” Julia thừa nhận.

“Ông ấy đã để lại cho bọn cháu một lời thú nhận, ông ấy xin lỗi vì một lỗi lầm mắc phải trong quá khứ và nói rằng sẽ xây dựng cuộc sống mới ở đây, rời xa tất cả mọi người.”

“Thế thì tại sao các cháu không tôn trọng mong muốn này của ông ấy?”

“Bởi vì bọn cháu tin rằng ông Peter đã mang theo mình một bí mật thuộc về ông Ulysses Moore. Và bọn cháu... muốn khám phá ra nó.”

“Thật là tuyệt vời, anh Alberto! Cứ như trò đi tìm kho báu vậy!”

“Tất cả những gì chúng ta có về ông ấy là cái máy phát nhạc này.” Ông Caller vuốt ria mép suy tư.

Rick im lặng một lát, sau đó cậu nói:

“Bọn cháu còn tìm được bàn cờ của ông ấy và... một tờ giấy, trên đó viết rằng, để liên lạc với ông ấy chúng ta phải sử dụng chiếc chìa khóa đúng và viết DEDA.”

“Đó là gì vậy, một loại câu đố à?” Ông Alberto hỏi.



“Vâng, nhưng hoàn toàn không thể hiểu nổi ạ. Hơn nữa, thông điệp này lại tới từ chính một phát minh của ông ấy.” Rick nói rõ hơn. “Một loại máy lưu trữ dữ liệu. Trong lúc bọn cháu tìm tên ông ấy thì câu đó hiện ra.”

“Kỳ quặc, đúng là kỳ quặc. Một nhà phát minh kiêm thợ kim hoàn ẩn dật ở Venice, đam mê chơi cờ và âm nhạc, để lại một thông điệp có vẻ vô nghĩa. Ta cho rằng chỉ có thể làm được một việc...”

“Chồng bác luôn có giải pháp cho mọi vấn đề!” Bà Rossella tán dương.

“Miễn là các cháu muốn cho bọn ta cùng tham gia vào cuộc tìm kiếm...” Ông Caller nói thêm.

“Đương nhiên rồi ạ, chúng cháu sẽ rất biết ơn hai bác!” Julia thốt lên.

“Tốt. Thế thì... chúng ta hãy lấy áo choàng và sửa soạn để ra ngoài! Ta sẽ tìm cách gói bức tranh này lại và mang theo cùng.”

“Chúng ta đi đâu ạ?”

“Tới Bệnh viện Santa Maria della Pietà.” Ông Alberto Caller trả lời.

Nhóm người mau chóng rời khỏi nhà. Ông Caller đóng cổng bằng một chiếc chìa khóa lớn khá tinh xảo, sau đó ông đeo vào cổ để nó trượt vào dưới áo gi-lê rồi giao bức tranh cho vợ, còn ông cầm một món đồ khác được bọc kín trong một tấm vải.

Họ đi trên con đường dọc bờ kênh, sau đó băng qua kênh để tới phố Erbe. Trên đường đi, ông Caller giải thích về kế hoạch của mình.

“Ở gần Bệnh viện Santa Maria della Pietà có một trong bốn học viện âm nhạc lớn nhất thành phố,” ông nói. “Cho đến vài năm trước, Antonio Vivaldi vẫn dạy ở đó.”

“Người sáng tác bản Bốn Mùa ạ?” Julia hỏi.

“Chính là ông ấy.” Ông Alberto Caller xác nhận. “Nếu chiếc máy phát nhạc này là dấu vết duy nhất chúng ta có, thì ta tin rằng điều đầu tiên cần khám phá là nó chơi điệu nhạc nào. Và ai có thể cho chúng ta biết điều đó nếu không phải những giáo viên của trường nhạc bậc nhất thành phố?”

“Và hiển nhiên việc này chỉ hai chúng ta mới làm được thôi.” Bà Rossella nói với Julia.

“Tại sao ạ?”

“Ngôi trường này chỉ dành cho nữ sinh, lúc nào họ cũng giấu mình sau một tấm mạng che mặt trước con mắt của công chúng.”

“Đúng là một sự ám ảnh, việc phải giấu mình ấy ạ!” Rick lẩm bẩm. “Hết mạng che mặt, bí mật, đến mặt nạ! Không có việc gì mọi người có thể làm dưới ánh sáng mặt trời sao?”

Alberto Caller không trả lời ngay. Ông chỉnh lại ngay ngắn cái bọc nằm dưới cánh tay mà ông mang theo từ nhà, như thể sợ nó tuột mất.

“Thực tế là rất ít...” Alberto nói nhỏ.

“Ít ra hai bác không đi đi lại lại với mặt nạ như những người Venice khác.” Julia nhận xét.

“Mặt nạ chỉ che được khuôn mặt. Cần rất khéo léo mới che giấu được cảm xúc của trái tim.” Ông Alberto trầm ngâm nói. “Đến nơi rồi, hai người đi hỏi thăm xem có khám phá được điều gì về cái máy phát nhạc này không.”

Rick và ông Alberto ở bên ngoài. Trong lúc họ chờ đợi, một cậu bé bán báo dạo đứng dưới chân một bức tượng lớn hình ngựa bắt đầu rao:

“Những chuyện ngời lê đôi mách của đàn bà đây! Tối nay mọi người hãy tới Rạp hát Thiên Thần để xem vở hài kịch của Goldoni! Những chuyện

ngồi lê đôi mách của đàn bà đây!”

“Cuối cùng cũng có tin tốt.” Ông Alberto Caller mỉm cười. “Nó ắt phải rất buồn cười. Cháu đã bao giờ đến rạp hát chưa?”

Rick lắc đầu.

“Chúng ta có thể cùng tới đó, nếu các cháu thích. Các cháu định ở Venice bao lâu?”

Chỉ khi ấy Rick mới nhận ra thời gian đang trôi nhanh thế nào. Vậy mà chúng vẫn chưa khám phá được gì, mặt trời đã xuống tới đường chân trời và những đám mây đang ngả màu vàng óng. Ý tưởng tìm ông Peter chỉ trong một buổi chiều của chúng quả thực khá lạc quan.

“Cháu nghĩ chỉ hôm nay thôi ạ.” Cậu trả lời.

“Tiếc thật. Lẽ ra chúng ta sẽ được cùng cười với nhau.”

Rick nghĩ lại cuộc hẹn với Jason và cảm thấy ngạt thở. Không biết chuyện gì đang diễn ra ở Kilmore Cove và liệu chúng có thể quay về nhà được không... Cậu chờ Julia và bà Rossella trong hy vọng, nhưng nhìn vẻ mặt của họ khi bước ra khỏi trường nhạc cậu đã linh cảm họ không khám phá được thêm gì mới.

“Bí ẩn lắm.” Julia quay sang Rick kể lại. “Chẳng có giáo viên nào đã từng nghe nó. Mình chắc rằng nó là âm nhạc sau này.”

“Sau này?” Ông Alberto hỏi. “Nghĩa là sao?”

“Không có gì ạ... cháu chỉ nói vậy thôi...”

Nhưng Rick thì hiểu rất rõ rằng giai điệu của máy phát nhạc có lẽ được sáng tác sau thế kỷ 18.

“VẬY là chúng ta đã thất bại ư?” Ông Alberto thở dài.

“Chưa hẳn đâu.” Bà Rossella trả lời và chìa ra một tờ giấy. “Thầy dạy vĩ cầm đã cho bọn em địa chỉ của một người thợ làm khung tranh có thể đã đóng chiếc khung này và gắn thêm máy phát nhạc.”

“Chúng ta chẳng còn cách nào khác, đành thử vậy.” Ông Alberto nói.

Họ đi qua các con phố và ngõ hẻm chẳng chịt để tới quảng trường San Marco lần thứ hai, nơi một vài quý bà mặc váy phồng rộng phải đến ba mét bắt đầu ra ngoài đi dạo.

Ông Alberto dẫn bọn trẻ tới một quán cà phê nằm dưới hàng cổng vòm bao quanh quảng trường.

“Mỗi lần đi qua đây,” ông giải thích, “hai bác đều thưởng thức một chiếc bánh sô-cô-la va-ni.”

Tấm biển của quán khắc dòng chữ: Vì Venice Chiến Thắng. Nhưng ông Alberto nói nhỏ với chúng rằng mọi người vẫn thường gọi quán này là Cà phê Florian, bởi lẽ quý ông với bộ ria mép lớn chuyên phục vụ món kem trứng nóng trong chiếc vạc đồng tên là Floreano.

Lựa chọn đồ uống ở đây thật đáng kinh ngạc: có nước thơm chiết xuất từ các loại hoa, nước chanh, kem tuyết mềm, kem cứng và, như đã đề cập, những chiếc bánh ngọt hương sô-cô-la va-ni. Ông Alberto trả tiền cho bốn chiếc bánh ngọt nóng hồi bọc trong gói giấy hình nón.

Vừa rời khỏi quán cà phê, gương mặt ông Caller đột nhiên tối sầm lại.

“Bá Tước Tro.” Ông lẩm bẩm, vẫn đứng ở cửa. Ông đưa ánh mắt lo lắng nhìn bà Rossella cũng đang sững sờ hệt như ông.

“Có lẽ hẳn không nhìn thấy chúng ta đâu.” Bà nói.

Ông bà Caller quay phắt lại, hướng lưng về phía quảng trường và đối diện với hai đứa trẻ.

“Có chuyện gì vậy ạ?”

“Một cuộc chạm trán không mấy hay ho, ta e là vậy.” Ông Alberto bồn chồn vuốt ve cái bọc trong tay.

“Bác hãy đưa nó cho cháu.” Rick hiểu ra sự việc.

Ông Alberto nhìn bà Rossella, bà gật đầu.

“Cháu làm ơn giúp bác... Có vẻ nhân vật này... đang săn lùng ta.”

“Không vấn đề gì ạ.”

“VẬY thế này nhé, các cháu đi qua hàng cổng vòm và tiếp tục đi thẳng, tới một nhà thờ tên là San Moisè. Trong lúc đó bọn ta sẽ tìm cách thoát khỏi người đàn ông này và tới chỗ các cháu.”

Rick không để ông phải nhắc lại lần nữa. Cậu túm lấy cái bọc và thấy nó nhẹ hơn so với cậu tưởng. Sau đó, cùng với Julia chạy bên cạnh, cậu làm đúng theo những gì ông Alberto chỉ dặn.

Cậu va khuỷu tay vào mọi người đang đứng đầy quảng trường và lướt qua cơ man những chiếc mặt nạ sặc sỡ. Khi hàng mái vòm đã ở ngang tầm mắt, cậu dừng lại để nhìn về phía sau nhưng không còn nhận ra cả ông Alberto lẫn bà Rossella. Một chiếc mặt nạ tím đi sượt qua, một làn hương khiến cậu sững sờ.

“Rick? Cậu ổn chứ?” Julia đã đuổi kịp.

Cậu bé gật đầu. Trong một lát, mùi hương đó gợi cậu nhớ đến điều gì đó... nhưng rồi cậu lắc đầu và đi tiếp.

“Bá Tước Tro.” Oblivia Newton thì thầm với người đàn ông đeo mặt nạ xám trong khi đặt một tay lên vai ông ta.

Người canh gác đang đứng trước quán Cà phê Florian, bận rộn trò chuyện với hai người trẻ tuổi trung niên mang dáng vẻ đầy lo lắng. Quý ông bồn chồn đảo đôi mắt tròn, còn quý bà đi cùng má ửng đỏ và cầm trên tay một bức tranh nhỏ thô kệch có khung mạ vàng. Oblivia ném ánh nhìn khinh miệt sang người phụ nữ mang đường nét cơ thể quá mũm mĩm đối với gu của ả.

Bá Tước Tro bất ngờ quay lại.

“Ồ, là cô.” Ông ta nói. “Tôi đang tán gẫu với hai người bạn yêu quý của mình... Ông bà Caller, bà Rossella và ông Alberto. Đây là quý bà...”

“Newton, giống tên một nhà khoa học.” Oblivia tự giới thiệu.

“Ông Caller từng là một học giả xuất sắc,” Bá Tước Tro nói tiếp, nhấn mạnh động từ ở thời quá khứ. “Trước khi chuyển tới nơi ở mới của mình.”

“Bà là người Venice sao, bà Newton?” Người phụ nữ xen ngang, hồng đôi má.

“Không hẳn như vậy.” Oblivia lạnh lùng đáp lời. “Nhưng tôi tin rằng ông Bá Tước đây có những thông tin cho phép tôi hiểu nhiều hơn về thành phố xinh đẹp này.”

“Thế thì thật tuyệt...” Ông Alberto Caller mỉm cười. “Chúng tôi cũng đang tạm biệt nhau. Ông Bá Tước, xin gửi tới ông lòng kính trọng và những lời chúc tốt lành nhất.”

Bằng động tác cúi chào nhanh và hôn tay, hai người rút khỏi đó.

“Cứ tiếp tục trò gian trá của ông đi...” Bá Tước Tro lẩm bẫm sau lưng ông Alberto. “Đằng nào thì đó cũng là trò cuối cùng ông làm.”

“Dù có hay không có mặt nạ thì tất cả mọi người trong thành phố đều nhận ra ông.” Oblivia nhận định.

“Chỉ những người sợ Hội đồng Thập viên.” Người canh gác trả lời sắc lẹm.

“Tại sao, hai người đó thì có gì để phải sợ?”

“Họ là những người theo chủ nghĩa khai sáng truyền bá sách cấm. Và trước sau gì tôi cũng bắt tận tay bọn họ.”

“VẬY thì tốt cho ông. Nhưng tôi tưởng cuộc gặp ngày hôm nay của chúng ta có mục đích khác chứ.”

Không đáp lời, Bá Tước Tro tiến thẳng vào quảng trường đông đúc.

“Ông đã tìm thấy người đàn ông của tôi chưa?” Oblivia bước phía sau ông ta.

“Còn cô có phần thưởng của tôi ở đó chứ?”

Người phụ nữ lắc cho mấy đồng xu dưới váy kêu leng keng và vị Bá Tước gật đầu.

Ông ta hộ tống cô ả đi dưới tháp đồng hồ, cho tới một cánh cửa nhỏ phía sau tòa nhà nhìn ra con ngõ cụt tối tăm.

“Thế nào?”

“Cô vội vã thế, cô Newton. Đó là một cuộc kiếm tìm dài và khó khăn. Những thông tin tôi có được thực sự ít. Rất ít. Nhưng... vì vận may của chúng ta...”

Từ dưới bộ trang phục của người đàn ông lóe lên ánh sáng của một vật bằng kim loại mà trong thoáng chốc Oblivia đã tưởng là một con dao. Nhưng nó là một vòng kim loại lớn với rất nhiều chìa khóa móc trên đó. Bá Tước Tro chọn lấy một cặp và mở cánh cửa nhỏ. Ông ta bước vào và ra hiệu cho Oblivia đi theo mình.

Họ ở trong một căn phòng bằng đá, với chiếc cầu thang gỗ dẫn lên gác xép.

“Tôi không hiểu.” Oblivia nói.

Bá Tước Tro chìa bàn tay ra.

“Tiền, thưa cô.”

“Trước hết hãy nói cho tôi biết về Peter. Ông có tìm thấy ông ấy không?”

Bá Tước Tro chỉ ngón trỏ lên trần nhà.

“Tất nhiên rồi. Ngay cả khi ông ta không còn dùng cái tên này nữa. Bây giờ ông ấy để người ta gọi mình là... Pietro l’Inglese, thợ đồng hồ.”

“Là ông ấy rồi!”

“Tôi hài lòng là như vậy. Bây giờ ông ấy đang ở cách đây hai tầng nữa, để sửa đồng hồ của ngọn tháp. Cô chỉ cần leo lên cầu thang này để gặp ông ta.”

Oblivia mỉm cười. Người canh gác thành phố chộp lấy túi đựng xu và giấu nó thật lẹ dưới tấm áo choàng.

“Chúc may mắn, cô Newton. Và nếu cô lại cần đến tôi thì cô biết phải tìm tôi ở đâu rồi đấy.”

“Mình chỉ ngó qua thôi.” Rick nói.



“Đừng!” Julia trả lời trong khi vuốt ve Diogo. “Rick, bác Caller chẳng phải đã nói rằng cậu không thể làm vậy sao...”

“Làm sao họ biết được?” Cậu phản pháo. “Mình mới chỉ vén tấm vải và ngó vào xem nó là cái gì...”

“Đừng!”

Hai đứa đang ngồi bệt dưới đất, bên cạnh lối vào một nhà thờ.

“Lúc này, nom mặt bác ấy thật căng thẳng!” Rick nói tiếp.

“Bác Rossella cũng vậy. Có lẽ họ thực sự hoảng sợ...”

“Vì thứ này chứ đâu!” Rick khẳng định và chỉ vào cái gói mà ông Alberto Caller giao cho mình. “Mình nhắc cậu nhớ là chúng ta chẳng biết gì về họ, ngoài việc họ sống trong nhà bà Penelope.”

“Việc mà ông Nestor chưa từng kể gì với bọn mình...”

“Có thể mọi việc không giống như những gì chúng ta nghĩ.”

“Hoặc có thể ông ấy cũng không biết điều này.” Julia thăm thì.

“Có lẽ vậy, nếu không ông ấy đã nói cho bọn mình rồi.”

“Còn một điều khác nữa mà mình chưa hiểu...” Julia tiếp tục.

“May cho cậu là chỉ có một điều thôi đấy.”

“Nếu thực sự bà Penelope đã từng sống ở Kilmore Cove... thế thì hẳn ai đó phải ở đây thay cho bà ấy, phải không? Nó cũng giống như những gì xảy ra với bọn mình và hai người ăn xin kia ngày hôm nay. Họ ở đó và bọn mình... ở đây.”

“Hy vọng là chỉ một lúc thôi.”

Trước ý nghĩ bị giam cầm ở Venice, Julia cảm thấy rùng mình.

“Nhân tiện, mấy giờ rồi nhỉ?”

“Theo mình, nó là một quyển sách.” Rick nói, cậu vén tấm vải bọc rồi nhìn vào vật vẫn được bọc kín.

# Chương 17

## CÔNG VIÊN RÙA

---

**J**ason thấy một cái ghế nằm ở góc chuồng ngựa, cậu bèn chộp lấy và kéo nó tới chỗ móc treo yên ngựa. Đó là một chiếc yên ngựa kiểu Anh bằng da tối màu và nặng trĩch như thể thuộc từ một tấn da, phủ vải và bàn đạp khiến tay cậu run lẩy bẩy và suýt đánh rơi nó xuống đất. Cậu nghiêng răng bước xuống khỏi ghế, lại gần Ariadne.

Cô ngựa nhìn cậu nhóc tò mò.

Từ bên ngoài bỗng vang lên tiếng kêu leng keng, giống tiếng thùng kim loại lăn tròn, nhưng Jason chẳng quan tâm, cậu đặt chiếc yên xuống đất.

“Cháu hãy thẳg yên ngựa đi!” Jason lăm lăm bắt chước giọng điệu ông Leonard Minaxo. “Cứ như thể dễ lẳm ấy...”

Ariadne thở phì phò, Jason thận trọng lùi lại một bước bởi lẽ cô ngựa to gấp bốn lần cậu bé.

“Được rồi, Ariadne, giờ thì tao cần sự hợp tác của mày...” Cậu bé nhẹ nhàng nói.

Cô ngựa tiến lại gần cậu. Jason hít thở thật sâu và, với một cú liệng, cậu quẳng chiếc yên lên lưng Ariadne. Bàn đạp kêu leng keng.

“Mình làm được rồi!” Cậu bé reo lên và vuốt ve cổ Ariadne. “Giỏi lắm, cô bạn to lớn.”

Cậu cài khóa dưới bụng Ariadne, chỉnh lại bàn đạp và kéo tất cả các sợi dây nhỏ mà cậu thấy cần phải kéo.

Đến lúc ấy, ông Leonard Minaxo xuất hiện ở lối vào chuồng ngựa.

“Thế nào rồi?”

Jason ra khỏi chuồng với cô ngựa đã được thắng yên.

“Chúng ta có ít thời gian lắm, mau lên nào.” Người gác hải đăng nói.

Cậu dắt Ariadne ra khỏi chuồng, liếc mắt kiểm tra thật nhanh yên ngựa rồi nói lỏng đai yên.

“Cháu thắng tệ lắm phải không?” Jason hỏi.

“Không, chuẩn rồi.” Người đàn ông trả lời. “Nhưng giờ ta chưa cần đến nó đâu.”

“Nghĩa là sao ạ?”

“Ta sẽ buộc nó vào kia.” Ông Leonard giải thích.

Ở phía sau ngôi nhà có một chiếc xe đợc mã với hai thùng kim loại chấ ở trên.

Người gác hải đăng nhấc bống chiếc yên ngựa ra khỏi lưng Ariadne chỉ bằng một tay và thay nó bằng sợi dây mảnh đỡ thanh kéo của xe đợc mã.

“Ồ hay! Nếu không cần thì vì cớ gì ông lại bảo cháu thắng yên?” Jason vặc lại.

“Không cần cho Ariadne. Cần cho ta.”

Jason há hốc miệng nhìn ông trân trân mà chẳng hiểu gì cả.

“Ta phải xem liệu cháu có biết làm những thứ cháu không biết làm không.” Ông Leonard cười giải thích. “Và liệu cháu có thực sự giỏi như người ta đồn hay không.”

“Ai đồn ạ?”

“Lên đi.”

Ariadne phi nước đại và kéo cỗ xe lao như tên bắn trên con đường sỏi. Jason cuộn mình lại trên sàn gỗ bên cạnh ông Leonard Minaxo, hai thùng kim loại xóc nảy lên xuống ở phía sau.

“Chúng ta đang vận chuyển thứ gì đây ạ?” Cậu bé hỏi khi họ hướng về phía ngôi làng.

“Cháu vẫn giữ con dao mà ta đã đưa chứ?”

“Tất nhiên là cháu có, nhưng cháu vừa hỏi ông một câu khác mà.” Jason nhắc lại.

Ông Minaxo giơ bàn tay phải ra.

“Đợi chút, thuyền trưởng. Cháu cầm lấy dây cương đi.”

Theo bản năng Jason chộp lấy hai dải dây da mảnh.

“Cháu phải làm gì ạ?” Cậu bé lo sợ hỏi.

“Giữ lấy chúng, thế thôi.”

“Ôi quý thật! Quý thật!” Cậu nhóc rên rỉ khi đứng dậy từ trên sàn.

“Con dao ở đâu?”

“Ở thắt lưng ạ.” Jason phát âm rõ từng từ, đôi mắt cậu mở to nhìn đường.

Ông Leonard rút dao ra, xoay người về phía những cái thùng và cắt một đầu dây đang buộc chúng vào nhau. Sau đó ông lắc lắc hai thùng chứa kim loại và thắt lại dây, buộc chúng chặt hơn.

“Giờ ta thấy ổn hơn rồi.” Ông đút dao vào trong một cái cốc chèo tìm thấy dưới sàn. “Đi lại với con dao ở thắt lưng không phải là ý tưởng hay.” Ông nói thêm và ngồi lại vào chỗ của mình.

Ngay khi ông Minaxo cầm lại dây cương, Jason đổ cái rằm xuống cạnh ông.

“Ui da!” Cậu bé xuýt xoa. “Nó chạy nhanh thật...”

Họ phi nước kiệu dọc theo những khúc cua của con đường lớn, hai chiếc thùng phía sau không còn xóc lên nữa.

“Hắc ín.” Một lúc sau ông Leonard nói.

“Gì cơ ạ?”

“Ta nói là chúng ta đang chở hai thùng hắc ín.”

“Và chúng ta làm gì với hai thùng hắc ín ạ?”

“Mang chúng tới Công viên Rùa.”

“Công viên Rùa ở đâu ạ?” Jason hét lớn để át đi tiếng ồn từ bánh xe độc mã.

“Ở phía bên kia Kilmore Cove. Nhưng đừng lo...” Ông Leonard kéo dây cương bên trái, hướng cổ độc mã rẽ vào một con đường đất nhỏ mà cho đến trước lúc đó dường như nó hoàn toàn vô hình. “Ariadne và ta biết một con đường tắt.”

Bọn họ đi như bay phía sau ngôi làng, bám theo ngọn đồi bao quanh vịnh Kilmore Cove, chỗ nhà ga cũ. Họ băng qua những đường ray và khi tới gần trường học, họ hướng về phía ngọn đồi và bắt đầu leo lên con đường mòn. Cây cối càng lúc càng um tùm và chỉ trong chốc lát, họ đã phi giữa những hàng cây cao vút cành lá rậm rạp trên con đường mòn, cỏ cào loạt xoạt phía dưới cổ xe độc mã.

Họ chạy nước kiệu qua một cổng vòm bằng sắt phủ đầy những cành cây thân leo, tới một khu đất rộng được những thân bách cao vút và một khu rừng kín đặc các loại cây lạ lùng nhất canh chừng.

“Công viên Rùa.” Ông Minaxo giới thiệu trong lúc điều khiển ngựa đi chậm lại và nhìn quanh.

“Thứ gì đây ạ? Trông nó như bị bỏ hoang vậy.”

“Đúng là thế đấy. Khi được thiết kế gần hai thế kỷ trước, nó hẳn phải là một công viên bách thảo khổng lồ, có thể chứa cây cối của cả thế giới. Nhưng sau khi người tạo ra khu này qua đời, dần dà nó bị bỏ bê. Và giờ thì cây cối được trồng đã hòa cùng với cây cối mọc tự nhiên, có lẽ công viên này còn đẹp hơn rất nhiều so với chính nó một trăm năm trước. Hoặc, ít ra đây là ấn tượng của ta.”

“Ai đã thiết kế ra nó ạ?” Jason hỏi, cậu bé bị mê hoặc bởi sự hùng vĩ của những loài cây khổng lồ, những vạt dây leo và cả những bụi cây dại um tùm xâm chiếm con đường mòn.

“Nó là ý tưởng của một vị tổ tiên của ta... của dòng họ Moore, một người đam mê thực vật.”

“Của một vị tổ tiên của ông hay của dòng họ Moore?” Jason truy hỏi.

Ông Leonard quay ra cười nhếch mép với cậu bé.

“Cháu chẳng để lọt điều gì nhi? Ta nhầm, là của một vị tổ tiên dòng họ Moore. Ông ấy tên là Raymond Moore và là cụ cố của Ulysses Moore, hoặc đại loại thế.”

“Ý ông là tổ tiên của dòng họ Moore đã sống ở Kilmore Cove ạ?”

“Nếu không thì ở đâu chứ?”

“Cháu cứ nghĩ là ngôi nhà đã bị bỏ hoang và ngài Ulysses... à ngài Moore chỉ bắt đầu sống ở đó khi ông ấy chuyển tới đây.”

“Thật ra thì mọi chuyện đã diễn ra như vậy. Nhưng ngôi nhà luôn thuộc về dòng họ Moore. Nó bị ông nội của Ulysses bỏ hoang, rồi ông ấy đã quyết định chuyển về đây sống.”

Jason cố nhớ ra gương mặt ông nội của ngài Ulysses trong số những bức tranh xếp đầy cầu thang Biệt thự Argo. Hiện lên trong đầu cậu bé là bức chân dung một người đàn ông đạo mạo vận đồ kiêu thợt sẵn.

Trong khi đó, ông Leonard điều khiển cỗ độc mã dọc theo con đường mòn và băng qua một đồng cỏ, ở chính giữa có một công trình kỳ quái. Đó là ba con rùa đứng gần nhau.

“Quý tha ma bắt!” Jason thốt lên khi nhìn thấy chúng.

“Quý tha ma bắt cái gì?”

“Ba con rùa ạ!” Jason đáp.

Đó cũng chính là ba con rùa được khắc trên đá ở cửa hang của vách Salton Cliff.

Ông Leonard giật dây cương.

“Giống y những con rùa trên Cánh cửa Thời gian.” Ông nói.



“Làm sao ông biết về...” Jason trợn tròn mắt.

“Có lẽ ta mới phải đặt cho cháu câu hỏi đó.” Người gác ngọn hải đăng cắt ngang.

Người anh họ của Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ có một cửa hàng đóng giày ở mặt trước đường cái, còn mặt sau được sửa thành xưởng sửa chữa tàu và ô tô từ một nhà kho chứa cá. Trong không gian từng một thời bị choán bởi những khúc cá ngừ và cá voi, người anh họ đã xếp gọn ghẽ hàng tạ lốp xe, thân thuyền, bánh lái, bộ giảm thanh và cửa xe ô tô.

Ông ta có dáng người thấp béo, đầu hói và không bao giờ nói ra tên mình. Ông ta xem xét chiếc mô tô của Manfred trong khoảng mười phút mà không cần phải lại gần nó. Sau đó, ông ta luồn hai ngón tay cái qua dây đeo quần và kéo chúng thành hai hình vòng cung, chỉnh lại cái tằm nằm giữa hai môi như một cái đầu ngặm bần và nổ ra phán quyết cuối cùng của mình:

“Thực sự là tôi không có loại lốp này.”

Manfred nắm chặt năm đấm trong túi quần, cố gắng che giấu cơn giận.

Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ thấy mình có nghĩa vụ phải can thiệp vào việc này. Ông xắn cái quần lên lên và nói:

“Không là thế nào? Anh có cả nghìn cái lốp ở đây mà!”

Người anh họ không hề nao núng. Ông ta đưa một bàn tay bóng nhẫy xoa cái đầu hói và nói rành rọt:

“Hàng nghìn, nhưng không phải loại này. Đây là một chiếc mô tô xa xỉ, loại khủng. Anh chỉ có lốp cho xe bình thường. Tin tôi đi sếp, nếu muốn thay những cái lốp này anh phải đến tận Bristol. Hoặc London. Nói chung là một thành phố lớn.”

Manfred không nói gì.

“Nếu anh muốn, tôi có thể viết cho anh tên của kiểu lốp anh cần, nhưng sau đó anh phải tự đi kiểm chúng.”

“Anh không thể đặt mua à?” Fred xen vào.

“Vớ cả đồng việc đang phải làm ư? Khôngggg. Anh không làm được đâu. Nghe tôi đi, sếp. Đó là cách nhanh nhất. Nếu anh không biết phải để xe ở đâu thì tôi có thể giữ hộ đến khi anh tìm được lốp thì thôi. Nhưng cái vật ở kia...”

“Nó là một chiếc Bọ cát.” Manfred nói qua kẽ răng.

“Phải, phải rồi, chiếc Bọ cát thì anh mang đi cho.”

Anh họ của Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ đưa cho gã một mẫu giấy nhỏ có viết tên loại lốp mà gã phải tìm.

Manfred thống nhất sẽ gửi chiếc mô tô ở xưởng trong một tuần, sau đó gã lên chiếc Bọ cát với ý định rời đi càng sớm càng tốt. Gã phải tới Bristol và quay về Ngôi nhà Gương trước khi Oblivia bước ra từ cánh cửa đó.

“Mong anh thứ lỗi cho cách cư xử của anh họ tôi.” Fred lại gần chiếc Bọ cát của Manfred và bắt đầu nói. “Nhưng trong công việc, anh ấy rất giỏi.”

Manfred thấy không cần thiết phải nhấn mạnh rằng gã cũng rất giỏi khi còn làm việc trong thế giới ngầm London.

“Và rõ ràng là ở Kilmore Cove này có rất ít xe mô tô.” Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ nói thêm.

Manfred chẳng có tâm trạng nào để trò chuyện, hẩn loay hoay khởi động bộ điều khiển.

“Thậm chí là, nếu nói chính xác thì, chỉ có một chiếc.” Fred nói tiếp. “Nhưng nó không thực sự là mô tô... Nó có chỗ ngồi ở bên hông, anh biết không?”

“Không hẳn. Nhưng tôi không nghĩ là mình quan tâm đến nó lắm.”

“Mô tô thuyền, chính là nó! Người chủ cũ của Biệt thự Argo từng có một chiếc.”

Chỉ cần nghe thấy cái tên của ngôi nhà nằm trên đỉnh vách đá là tay của Manfred đã cứng đờ.

“Ông ấy quả là kiểu người cá biệt,” Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ nói tiếp. “Anh có hình dung được không, hôm nay một cậu nhóc đã tới hỏi tôi ông ấy mất khi nào. Và liệu ông ấy thực sự đã chết hay chưa.”

“Sao cơ?” Manfred nhướn mày.

“Cậu bé muốn xem giấy tờ,” Fred tiếp tục. “Nhưng bởi chết ở biển, nên ông ấy vẫn chưa chết một cách chính thức và...” Người đàn ông cười khúc khích. “Chúng ta vẫn nghĩ rằng ông ta đã chết khô rồi, nhưng có thể ngược lại, ông ta đang sống ở đây, trong làng này!”

Manfred tì hai tay lên vô-lăng.

“Phải rồi. Nhưng ở một ngôi làng nhỏ như thế này chắc mọi người sẽ nhận ra ông ta ngay thôi.”

“Xin lỗi, nhưng bằng cách nào mới được chứ? Chưa ai từng tận mắt nhìn thấy mặt ông ta! Có khi tôi lại chính là ông ta, người chủ cũ của Biệt thự Argo ấy chứ! Ha ha ha!”

“Phải rồi...” Manfred nhìn Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ đang đứng dưới chân chiếc Bọ cát của gã. “Thằng nhóc đó là ai? Thằng oắt con hỉ mũi chưa sạch

tóc đỏ à?”

“Phải, chính nó. Banner. Anh biết nó à?”

“Có... Nó đi một mình? Hay với một con bé?”

Fred nghĩ ngợi một lát. Ông đã đưa Rick ra tận cửa văn phòng và thấy cậu bé lên xe đạp mà chẳng có ai khác đi cùng.

“Không. Nó đi một mình, bằng xe đạp.”

Manfred nhớ rằng đã từng chạm trán thằng nhóc có mái tóc đỏ hai hôm trước, khi nó đang đạp xe lên Biệt thự Argo. Suýt thì gã đâm trúng thằng bé. Và gã cũng suýt đâm trúng thằng bé cả ngày hôm sau, khi đang đi mô tô trước khi chuyển hướng tới Ngôi nhà Gương. Lần ấy thì thằng nhóc không đi một mình. Chúng có hai đứa. Hoặc có thể là ba.

“Nếu người chủ cũ của ngôi nhà vẫn còn sống... thì rất nhiều điều sẽ được giải đáp.” Manfred lẩm bẫm.

Đó chắc chắn sẽ là một tin sốt dẻo cho cô chủ của gã. Một tin đáng đăng ở trang nhất. Đáng được viết bằng chữ to đậm nét, tầm cỡ như tin Maradona ghi bàn bằng tay ở cúp bóng đá thế giới!

Nói chung là một tin quan trọng.

Ý tưởng ấy ngay lập tức gợi cho gã một điều khác. Hôm nay chắc là ngày của những ý tưởng.

Gã lộ mặt khỏi vô-lăng và hỏi:

“Nghe này, nhân tiện nói về những kẻ lập dị... Liệu anh có tình cờ thấy một gã đi xe bán tải màu xám trong thành phố không?”

## Chương 18

# CÁI GIỀNG VÀ CHIM BỒ CÂU

---

**Ô**ng Leonard Minaxo và Jason đánh bạo lao vào công viên trên chiếc xe độc mã. Đại dương thấp thoáng những vệt màu xanh dương giữa các hàng cây và, nhìn từ trên đồi, Kilmore Cove chỉ còn là những mái nhà sẫm màu nhấp nhô.

“Ông từng quen ông Ulysses Moore ạ?” Jason hỏi.

“Ta không thích nói về chuyện đó.”

“Còn cháu thì lại thích.”

“Tại sao?”

“Để biết chuyện gì đã xảy ra với ông ấy.”

“Ông ấy đã mất tất cả và đã bỏ lại nhà của mình.”

“Ông ấy là kiểu người thế nào ạ?”

“Ông ấy yêu nơi này.”

“Còn tính cách?”

“Bất trị.”

“Tức là sao ạ?”

“Ông ấy chẳng thể ở yên lấy một phút và cháu không bao giờ có thể bắt ông ấy làm gì, hoặc thay đổi suy nghĩ của ông ấy.”

“Hai người từng cãi nhau ạ?”

“Ta không thích nói về chuyện đó, ta đã nói với cháu rồi còn gì.”

“Ông chẳng muốn giúp cháu gì cả.”

“Giúp gì cơ?”

“Tìm ông ấy ạ. Hoặc tìm bóng ma của ông ấy.”

“Cái này thì...” Ông Leonard thốt lên. “Bóng ma của ông ấy thì có liên quan gì?”

“Cháu tin là ông ấy ở Biệt thự Argo.”

“Đúng là lũ trẻ! Hóa ra đó là thứ chúng tin, những bóng ma.”

Lẽ ra Jason muốn phản bác lại, nhưng cậu quyết định không làm vậy. Cậu sợ mình sẽ trở nên nực cười. Ông Leonard quá tự tin trong nhận định của mình đến mức khiến cậu sợ.

“Ông này, cháu về phe ông. Cháu ở phe ông Nestor, y như ông. Và cháu chống lại Oblivia.” Cậu nói.

“Cháu chỉ cần nói với ta một điều thôi. Cháu đã du hành chưa?”

Jason im lặng một lúc. Câu hỏi của người gác ngọn hải đăng có thể chỉ mang một ý nghĩa duy nhất: cháu đã từng lên tàu Metis và băng qua đại dương thời gian chưa?

“Rồi ạ.” Cậu thừa nhận.

“Một mình à?”

“Với chị cháu và Rick ạ.”

“Cháu từng ở đâu rồi?”

“Ở Ai Cập và Venice ạ. Nhưng ở Venice mọi chuyện đã trở nên rất tệ. Còn ông?”

Ông Leonard không trả lời, nhưng Jason tin chắc rằng cả ông ấy cũng đã từng du hành.

“Tuyệt lắm ạ.” Jason nói thêm.

“Cháu thấy gì ở Ai Cập?”

“Cháu đã ở Xứ Punt, để tìm kiếm Căn phòng không tồn tại.”

“Và cháu không tìm được nó...”

“Có chứ ạ, cháu đã tìm thấy nó. Và cháu tìm thấy tám bản đồ... mà ông Ulysses Moore đã giấu ở đó cho bọn cháu. Nhưng sau đó mụ Oblivia tới và đánh cắp nó khỏi tay bọn cháu.”

“Còn ở Venice?”

“Bọn cháu đi tìm ông Peter Dedalus. Nhưng sau đó hai tên ăn xin kia xía vào và...”

“Hai thành công vang dội, có thể nói là vậy.”

Jason không trả lời và ông Leonard tự lẩm bẩm một mình.

“Nestor đã mắc vài lỗi.”

“Nếu ông ám chỉ bọn cháu, thì ông ấy chẳng mắc lỗi gì cả! Bọn cháu đã tự mình khám phá ra mọi thứ và...”

“Vậy sao? Thật đáng kinh ngạc.”

“Hơn nữa đó là ý định của ông chủ cũ...”

“Cháu thì biết gì về chuyện đó, nhóc?” Ông Leonard cắt ngang lời cậu bé một cách thô lỗ.

Sau một chỗ cua gấp, ông dừng cỗ độc mã lại.

“Chúng ta đến nơi rồi.”

Jason nhìn ngó xung quanh. Họ đã lên gần đến đỉnh đồi. Bên phải họ, thấp thoáng xa xa giữa những hàng cây là mái của Biệt thự Argo.

“Chúng ta phải làm gì ạ?”

Leonard xuống xe và bắt đầu tháo dây buộc những thùng hắc ín ra.

“Chúng ta sẽ mang chúng lên miệng giếng. Và chờ chim bồ câu tới.”

Họ lăn những thùng hắc ín dọc theo đoạn đường mòn tới một ngôi nhà nhỏ không có cửa, bị vùi trong thảm thực vật. Ông Leonard phải cúi xuống để đi qua dầm đỡ.

Bên trong có một lò sưởi đắp thô, lớp vữa trên tường đã bị muội than phủ đen kịt và những chữ viết bằng than.

“Đã lâu rồi ta không quay lại đây...” Người gác hải đăng lau bầu trong lúc nhìn quanh ngôi nhà.

“Chỗ này là chỗ nào ạ?” Jason hỏi.



“Khi còn ở tuổi của cháu, bọn ta thường tới đây chơi. Đây là nơi bí mật của bọn ta.”

Jason nhìn những vết đen in trên tường bởi rất nhiều bàn tay trẻ con và cố đọc một vài dòng ghi chép, phần lớn trong số đó giờ đã trở nên không thể hiểu được. Tim thắt lại, cậu bé nhận ra những ký tự trên Đĩa Festo, lẫn lộn trên tường với những ký tự bình thường của bảng chữ cái. Cậu bé kinh ngạc, đưa ngón tay khẽ chạm vào chúng.

“Ông... cũng từng biết những biểu tượng này ạ?”

“Như những cô cậu bé khác thôi,” ông Leonard trả lời bình thản. “Đó là bảng chữ cái bí mật của bọn ta. Ở chỗ này viết: Ta chỉ là thủy thủ trong mộng...”

“Tàu chiến, mỏ neo, chỉ huy, không!” Jason đọc nốt phần còn lại. “Vẫn là Shakespeare ạ?”

“Không.” Leonard cười, rất ấn tượng khi cậu bé mau chóng dịch được câu đó. Ông lắc đầu và đi ra khỏi ngôi nhà, trở lại chỗ hai thùng hắc ín. “Giờ thì giúp ta với mấy cái thùng này nào.”

“Cháu tới đây.” Jason trả lời, nhưng cậu vẫn nán lại nhìn những dòng chữ viết trên tường.

Cậu thấy cái tên Ulysses được viết nguệch ngoạc bằng tay, khác với nét chữ cậu có thể nhận ra trong những cuốn sổ tay. Không có tên của bà Penelope, nhưng phía trên một chút có dòng chữ Mùa hè tuyết vời. Và bên cạnh đó có ít nhất ba chữ ký còn có thể nhận ra được: Peter, Clio, Black, tiếp đó là chữ ký thứ tư, gần như đã bị xóa hoàn toàn.

Những cái tên đó đứng chung với nhau làm gì ở đây nhỉ? Nếu ông Peter là thợ đồng hồ và bà Clio là chị của bác Cleopatra Biggles... thế thì ai là Black? Rùng mình, Jason nhìn những dấu tay trên bức tường của ngôi nhà

bí mật. Đã bao nhiêu năm trôi qua kể từ khi họ để lại đây những dấu tay này? Hai mươi? Ba mươi? Hay nhiều hơn thế?

“Nhóc!” Ông Leonard gọi cậu bé từ bên ngoài. “Cháu có giúp hay là không đây?”

“Ông đã không ký tên.” Jason nói khi tiến lại gần chỗ mấy cái thùng.

“Có lẽ chữ ký của ta đã bị xóa rồi.” Ông Leonard lầm bầm nói.

“Mùa hè tuyệt vời là sao ạ?”

“À, đó thực sự là một mùa hè tuyệt vời...” Ông Leonard đáp. “Mùa hè đầu tiên mà Ulysses trải qua ở đây. Mùa hè mà nhóm chúng ta thành lập.”

“Sau đó thì sao ạ?”

“Sau đó thì có người đặt quá nhiều câu hỏi. Và nhóm đã tan rã.”

Ở phía sau ngôi nhà nhỏ có một hiên đá, chính giữa là tấm lưới hoen gỉ đặt trên một miệng giếng.

Ông Leonard và Jason lăn những thùng hắc ín đến tận miệng giếng, sau đó người gác hải đăng chộp lấy tấm lưới, gồng tay và nhắc bổng nó lên.

“Bây giờ đến hắc ín.” Ông nói.

Jason đi lấy con dao và giúp ông mở nắp thùng. Mùi khét của hắc ín lan tỏa trong không khí.

“Có gì ở trong giếng ạ?” Jason hỏi và cố nhìn xuống tận đáy giếng. “Nó có sâu không?”

“Bọn ta từng tin rằng nó có thể dẫn thẳng tới trung tâm Trái đất đấy,” ông Leonard đùa. “Thế là bọn ta quyết định thám hiểm nó, vì tin rằng mình có

thể thực hiện một chuyến phiêu lưu như của Verne... Cháu nhớ truyện đó chứ? Bên trong miệng núi lửa. Chính Black là người xuống đầu tiên. Không phải ngẫu nhiên mà kể từ đó bọn ta gọi cậu ấy là Black Vulcano - Núi lửa Đen. Ta và những người khác giữ dây ở trên.”

“Và chuyện gì đã xảy ra ạ?”

“Black dừng lại khi xuống dưới đó chừng sáu mét. Ban đầu bọn ta rất thất vọng, nhưng sau đó bọn ta bắt đầu thực hiện những cuộc thám hiểm còn thú vị hơn. Cái hang dẫn lối vào những đường hầm mà một thời được sử dụng làm nhà tù và sau đó làm kho chứa đạn dược, phòng khi quân Đức xâm chiếm trong suốt Thế chiến thứ hai.”

“Nhưng cháu vẫn không hiểu mình đang làm gì ở đây.” Jason nói.

Ông Leonard lại gần một cái cây to.

“Cháu có nhìn thấy lối mòn kia không? Nếu ông Nestor đã nói với cháu rằng ông ấy muốn thử kế hoạch chim bồ câu trong giếng, lát nữa ông ấy sẽ tới từ phía đó và vào trong hang nằm dưới chỗ này. Bây giờ ta đi lấy Ariadne đây.”

“Còn cháu thì sao ạ?”

“Cháu sẽ chỉ phải ngắm cho thật tốt thôi.”

Một lát sau, cách họ không quá xa, Dieguita đổ nhào xuống đất, ở đoạn giữa của con đường mòn.

“Làm ơn, đủ rồi! Em không thể đi tiếp được đâu!”

Don Diego, ở trước đó một chút, ném xuống đất bọc đồ buộc trong chân vốn đang vác trên vai rồi đứng thẳng lưng và ấn ấn ngón tay cái vào vùng thắt lưng.

“Dieguita có lý. Nghe này, ông già! Còn bao lâu nữa mới đến được chỗ con ngựa chết tiệt đó?”

Ông Nestor chỉ tay về phía khoảng trống ở đầu dốc, cao hơn chỗ đó một chút.

“Chỉ vài bước nữa thôi. Đã trông thấy cái hang rồi.”

Don Diego lại gần người làm vườn và nhìn theo hướng ông chỉ.

“Một cái chuồng ngựa và một cái hang, ông đang đùa tôi à?”

“Anh bảo tôi đưa anh tới chuồng ngựa gần nhất chứ không phải cái tốt nhất. Nếu anh muốn, chúng ta có thể xuống làng, nhưng tôi báo cho anh biết...” Ông chìa cổ tay bị trói ra. “Nếu người ta trông thấy tôi bị trói thế này và biết được hai người đang vận chuyển cái gì, thì các người sẽ không thể bỏ đi dễ dàng đâu.”

“Đi nào, đi nào! Đồ đạc sẽ ở cùng chúng tôi. Còn ông nữa, đừng có láu cá.”

“Em mệt lử rồi! Mệt muốn chết!” Dieguita than thở.

Đúng lúc ấy có nghe tiếng ngựa hí.

“Đấy!” Ông Nestor reo lên hài lòng. “Tôi đã nói với các người rồi, con ngựa chỉ cách đây vài bước chân thôi.”

Tiếng ngựa hí dường như tiếp thêm sinh lực cho hai kẻ ăn xin. Don Diego túm lấy cái túi-chăn của mình và quảy nó lên lưng, sau đó động viên cô bạn đồng hành. “Cố lên, tình yêu của anh! Chúng ta gần tới nơi rồi. Chỉ cần chịu khó chút xíu nữa thôi là bọn mình sẽ giàu to!”

Họ tới một cửa hang có vô số chim bay ra, bên trong thoảng mùi lưu huỳnh.

Cái hang thực ra là một tổ chim mòng biển, chim ó và vô số loài chim khác, chúng ủa ra cả lượt vì bị sự ghé thăm của những vị khách mới làm phiền.

Diego và Dieguita nhận ra mình đang đi trên một tấm thảm lông vũ và phân chim khô.

“Eo ơi!” Cô nàng đi sau ông Nestor thốt lên. “Làm thế nào có một cái chuồng ngựa ở đây cơ chứ?”

“Xin chào!” Đúng lúc ấy, một giọng nói vang lên ở cuối đường hầm.

Ngay khi mắt của họ quen với bóng tối, cả ba người thấy một người đàn ông lực lưỡng đứng bên chú ngựa bờm trắng.

“Tôi phải hiểu chuyến viếng thăm này là vì điều gì đây?”

Ông Nestor vừa dậm lên tiếng, thì Don Diego đã cướp lời.

“Ngựa. Chúng tôi đang đi tìm ngựa. Con nào đẹp và nhanh, nếu được.”

“Ngựa, tất nhiên rồi!” Ông Leonard thủng thẳng đáp và tiến lại gần. Tia sáng từ khe hở ở phía trên trần hang chiếu sáng dải băng trên mắt ông. “Các vị sẽ trả tiền thế nào?”

“Bằng một chiếc đĩa bạc.” Dieguita đáp gọn.

“Ồn đấy. Các người tới đây lựa đi!” Leonard nói và lùi một bước về phía sau.

“Ồ, cuối cùng cũng có người nói lý lẽ!” Don Diego reo lên, hài lòng về cách cư xử của người đàn ông không lồ chột mắt kia. “Dieguita, để cái túi ở đó và đi cùng anh nào!”

Tuy nhiên, Dieguita lại tỏ ra đa nghi hơn anh bạn mình, cô ta đi qua ông Nestor mà không chịu buông chiến lợi phẩm.

Hai tên ăn xin tiến về phía mà ông Leonard biến mất. Họ đi qua nơi sáng sủa duy nhất của lòng hang, dừng lại nhìn lên cao rồi nhìn ra xung quanh.

“Ky sĩ ơi? Anh ở đâu rồi?”

“ĐẾN LÚC RỒI!” Ông Leonard hét to.

Ghé mặt vào tấm lưới, Jason nghe thấy tiếng hét của người gác hải đăng, cậu huých vai vào chiếc thùng đầu tiên khiến một dòng chất lỏng sền sệt chảy vào trong giếng. Không chờ tiếng hét thứ hai, cậu bé trút cả chiếc thùng còn lại xuống.

Khi nghe thấy những tiếng la hét đầu tiên, cậu bé lao xuống khỏi con đường mòn và tới cửa hang, nơi một đám chim điên cuồng đang bay ùa ra ngoài.

“Leonard, chim bồ câu thế nào?” Ông Nestor hét lên.

Jason chạy vào bên trong và bị trượt trên sàn hang trơn tuột.

“Ông Nestor!” Cậu reo lên khi nhìn thấy người làm vườn già vẫn bình an vô sự. Cậu rút con dao của ông Leonard Minaxo ra và, với chỉ một động tác, cậu đã giải thoát ông khỏi mảnh vải buộc cổ tay.

“Này, từ từ! Cháu muốn cắt bỏ một bàn tay ta sao?” Ông Nestor đùa và ôm lấy cậu bé.

Một âm thanh nặng trĩch vang lên, rồi cái bóng đen đúa của Don Diego đổ rầm trên đất, trong một vũng hắc ín và lông vũ của các loài chim. Dieguita thì đã sổng soài trên mặt đất bất tỉnh. Ông Leonard Minaxo đang cúi xuống chỗ họ đầy vẻ hăm dọa, hắc ín đầy đầy quần, áo sơ mi và giày của ông.

“Nào, cậu bé!” Ông gọi với ra. “Để ông già ấy lại và giúp ta một tay trói chúng nào. Ta không muốn là người duy nhất bị bắn tay đâu...”

Mười phút sau, Jason cũng bị dính đầy hắc ín và lông vũ của chim mòng biển từ đầu đến chân. Cậu bé đã giúp ông Leonard trói và bịt miệng hai tên ăn xin vẫn còn chờ ra vì cơn mưa đen ụp xuống đầu mình và vì viên thuốc ngủ mà ông Leonard đã dùng ngay sau đó để khiến chúng bất tỉnh hoàn toàn. Sau đó hai người đặt chúng ở phía sau cổ độc mã cùng những đồ vật chúng cố lấy cắp.

Trong lúc ấy, ông Nestor chỉ đứng một bên và để cho Leonard quyết định phải làm gì và làm như thế nào. Hai người chỉ trao đổi với nhau vài câu trong lúc ngắm nghía đồng hắc ín và lông vũ trải dài ở phía sau cổ độc mã.

“Ông lên đó đi,” rốt cuộc ông Leonard cũng khuyên ông Nestor và cầm lấy dây cương Ariadne. “Tôi và thằng bé sẽ đi bộ.”

“Bây giờ kế hoạch là gì ạ?” Jason hỏi.

“Chúng ta sẽ quay về Biệt thự Argo và...” ông Nestor tránh ánh mắt của Leonard, “mang chúng trở lại nơi xuất phát rồi đưa Julia và Rick về. Cháu có những chiếc chìa khóa bên mình phải không?”

“Tất nhiên rồi ạ.” Jason móc trong túi ra bốn chiếc chìa khóa bị dính đầy hắc ín.

“Tốt.” Ông Nestor lẩm bẩm.

“Thế nếu cháu không mang chúng theo mình thì sao? Rick và chị Julia sẽ mắc kẹt ở Venice ạ?”

“Ta tin là vậy.” Người làm vườn trả lời.

“Còn Cánh cửa Thời gian sẽ đóng lại mãi mãi sao ạ?” Cậu bé vẫn tiếp tục hỏi.

“Ồ, không đơn giản mà giữ cho nó đóng đâu!” Ông Leonard chen ngang không hề do dự.

“Nếu là vì thế thì cũng chẳng dễ để mở được nó.” Ông Nestor trả lời vẻ hơi mỉa mai, như để gợi cho ông Leonard nhớ về một việc xưa cũ có liên quan đến họ.

“Cháu không hiểu...” Jason lẩm bẩm.

“Bốn chiếc chìa khóa luôn luôn quay trở lại. Vì thế chúng sẽ không ở lâu cùng Rick và Julia. Bọn trẻ sẽ đánh mất chúng, hoặc ai đó sẽ đánh cắp chúng.”

“Còn sau đó ạ?”

“Rồi ai đó ở Kilmore Cove sẽ nhận được một gói bưu phẩm với bốn chiếc chìa khóa. Và tất cả sẽ lại bắt đầu lại từ đầu.” Người gác ngọn hải đăng kết luận ngắn gọn.

“Đó đúng là những gì xảy ra với bọn cháu hai ngày trước!”

“Ta tin là thế!” Ông Leonard nói tiếp không hề nao núng. “Mọi chuyện bắt đầu theo cách này đây. Tình cờ.”

“Đừng để tâm tới những gì Leonard nói với cháu.” Ông Nestor chen ngang và lên cỗ xe độc mã, muốn chấm dứt cuộc tranh luận. “Ông ấy chỉ thích nói kiểu thơ ca và câu đố.”

“Còn cháu đừng để tâm tới những gì ông Nestor nói. Đã một thời gian rồi, ông ấy chẳng thích nói về cái gì cả. Cháu có biết Ulysses nói gì về ông ấy không?”

“Leonard, đủ rồi!”



Jason nhìn người gác ngọn hải đăng với ánh mắt khẩn khoản, ông già liền nói tiếp:

“Sáng ra không thấy vườn xinh,

Chắc quên ông ấy người mình đã thuê.”

“Rất thú vị!” Ông Nestor lẩm bẫm và cho Ariadne cất bước. “Thực sự rất thú vị.”

“Cả ông Ulysses Moore cũng thích nói kiểu thơ ca và câu đố.” Jason nhận xét.

“Có lẽ ông ấy học từ ta.” Ông Leonard cười.

Jason và ông Leonard lặng thinh lắng nghe tiếng bánh xe của cỗ độc mã và tiếng vó của Ariadne nện trên con đường mòn dẫn xuống Biệt thự Argo.

Sau vài phút, Jason hỏi người gác hải đăng:

“Ông đã bao giờ nhận được chìa khóa qua đường bưu điện chưa ạ?”

“Có lẽ...” Ông trả lời, khuôn mặt đanh lại.

# Chương 19

## CUỐN SÁCH CẤM

---

**R**ick khám phá ra rằng dưới tấm vải của bác Caller có giấu một cuốn sách. Cậu chỉ kịp liếc mắt vào bìa cuốn sách có dòng chữ:

**BÁCH KHOA TOÀN THƯ**

**HAY TỪ ĐIỂN LUẬN GIẢI**

**VỀ KHOA HỌC, NGHỆ THUẬT**

**VÀ NGHỀ NGHIỆP**

“Rick!” Julia quả trách. “Bọc lại tấm vải ngay!”

Rick chẳng nói lời nào. Đồ vật bí mật mà bác Caller thận trọng giấu giếm hóa ra chỉ là một cuốn bách khoa toàn thư hết sức tầm thường, từ cái tiêu đề cực kỳ phổ biến. Nhưng điều khiến Rick im bật không phải việc khám phá ra tiêu đề cuốn sách, mà bởi những chữ cái được in trên đó. Đặc biệt là chữ “đ”.

Chính là chữ “đ” được in trên những giấy tờ cậu mang trong túi, do cỗ máy Bà Cú Già của làng Kilmore Cove, một phát minh của ông Peter Dedalus, nhả ra.

“Chúa ơi, Julia!” Cậu thốt lên, phủ lại tấm vải lên cuốn bách khoa toàn thư.  
“Mọi thứ ở đây phức tạp quá.”

Julia không chú ý lắm tới cậu khi nhận ra giữa đám đông là gương mặt rạng rỡ, nhưng hết sức căng thẳng của ông bà Caller.

Ngay khi ông Alberto tới chỗ chúng, cuốn sách nhanh chóng trở lại tay ông.

“Cảm ơn cháu.” Ông nói.

“Xin lỗi các cháu vì điều này. Một điều phiền toái không mấy dễ chịu.” Bà Rossella chêm vào như để giải thích.

“Người mặc đồ màu xám là ai thế ạ?”

“Đó là Bá Tước Tro,” ông Alberto trả lời. “Một thành viên của hội bảo vệ bí mật Venice.”

“Dường như hội đó cũng không bí mật lắm, nếu các bác nhận ngay ra ông ta...”

“Chúng ta chỉ nhận ra chiếc mặt nạ, còn không biết ai ẩn sau đó.”

“Thế ông ta muốn gì ở hai bác?”

“Ông ta tìm mọi cách để chõ mũi vào nhà chúng ta.” Ông Alberto trả lời.

Thấy chồng mình đang nổi giận phùng phùng, bà Rossella quàng lấy tay ông và hỏi:

“Bây giờ mình đi đâu hả anh?”

Ông Alberto đưa mắt liếc nhìn bức tranh dưới cánh tay vợ.

“Anh nghĩ mình sẽ tiếp tục tìm hiểu thêm về cái khung tranh.” Sau đó ông chỉ vào cuốn sách giấu dưới tấm vải. “Anh muốn mang thứ này tới chỗ một

người bạn, nhưng giờ có thể sẽ nguy hiểm. Làm sao biết được có bao nhiêu người bảo vệ bí mật đang bám theo...”

“Tốt. Vậy thì, các cháu, chúng ta tiếp tục tìm kiếm ông bạn Peter của các cháu nào.”

“Cháu nghĩ là đã tìm thấy một manh mối khác.” Lúc ấy Rick bỗng lên tiếng.

“Manh mối nào?”

“Cuốn sách mà các bác đang giấu ấy ạ.” Cậu bé trả lời. “Chính ông ấy đã in nó.”

“Rick!” Julia lớn tiếng.

Ông Alberto khựng lại, như thể hóa thành một bức tượng. Chú chó Diogo dụi dụi vào mắt cá chân của ông. Bà Rossella hết nhìn chòng lại nhìn Rick, vẻ không biết phải nói gì.

“Cháu chỉ liếc qua thôi.” Rick thanh minh. “Cháu không quan tâm cái gì viết trong đó và cháu cũng không đọc, cháu thề. Nhưng...”

“Nhưng gì cơ...?” Ông Alberto hỏi.

“Chữ ‘đ’ trên bìa sách ạ!” Rick thốt lên. Cậu rút từ túi quần ra những giấy tờ mà cậu hỏi xin ở chỗ chú Fred Nửa Tỉnh Nửa Mơ, đưa cho ông Alberto. “Chúng giống nhau ạ. Cùng một ký hiệu in. Là chữ ký của ông Dedalus.”

“Những tờ giấy này cháu có được từ đâu?”

“Từ Kilmore Cove, ở nước Anh ạ. Như cháu đã nói với các bác, chúng được in từ một cái máy in do ông Peter Dedalus thiết kế.”

“Trời ơi, anh Alberto!” Bà Rossella xen ngang khi nhìn những tờ giấy.  
“Thằng bé có lý anh ạ.”

“Vấn đề ở đây là ai cho phép nó nhìn trộm.”

“Bác thứ lỗi cho bọn cháu, bác Caller.” Julia xen vào. “Rick cũng không muốn...”

“Nếu bác nói cho cháu biết cuốn sách đó được in ở đâu, có thể chúng ta sẽ phát hiện thêm được điều gì đó mới.” Cậu bé tóc đỏ vẫn khẳng khái.

Ông Alberto nhắc tấm vải lên và vuốt ve bức tranh ở trang bìa cuốn bách khoa toàn thư. Sau đó ông mở nó ra, lướt qua những trang sách thơm mùi giấy và mực.

“Bác không nghĩ là lại đơn giản như vậy. Cuốn sách này... chính bác đã in nó.”

Họ vội rảo bước quay về Santa Marina, nhưng thay vì đi vào trang viên của gia đình ông bà Caller, họ lại rẽ vào một con đường nhỏ bên hông, con đường trong tình trạng hoàn toàn bị bỏ hoang.

“Các cháu cẩn thận kẻo bị trượt.” Ông Alberto dặn dò và dẫn đường tới một con kênh có dòng nước sẫm màu.

Họ phải cúi thấp người xuống để chui vào trong một kho chứa thuyền và đi trên sàn nhà nhấp nháp rong rêu ngập đến vài xen-ti-mét nước. Tiếng bầy chuột xa xa càng khiến bầu không khí thêm tồi tệ.

“Kể từ khi hội bảo vệ bí mật bắt đầu tuần tra thành phố...” ông Caller lầm rầm giải thích về việc đang dẫn bọn trẻ đi đâu, “những người in sách như bọn bác phải xoay xở hàng nghìn cách để ẩn náu. Chúng ta tới nơi rồi.”

Sàn nhà kho dần dốc lên và khô hơn, có một hành lang dẫn tới căn phòng phủ đầy mùn cưa.

Bà Rossella ra hiệu cho bọn trẻ im lặng và ông Alberto dừng lại để chắc chắn rằng từ ngoài không vọng vào một âm thanh nào khác ngoài tiếng nước chậm chậm vỗ bờ. Sau đó ông tra một chiếc chìa vào ổ khóa ẩn trong gỗ rồi mời các vị khách vào căn phòng sau ngưỡng cửa.

“Chào mừng các cháu đến xưởng in trái phép của ta.”

“Chao ôi!” Julia thốt lên ngay khi ông Alberto thả những bóng đèn dầu treo trên tường.

Bên trong kê đầy những máy móc màu đen, cái nào cái nấy to như một con trâu trằm mình trong đám giấy tờ, tờ thì trắng, tờ thì vấy mực hoặc đã được in một phần. Những tờ khác đang được phơi cho khô ở khắp phòng, trên những dây phơi quần áo. Trên sàn la liệt những quả bóng bằng giấy nghiền, những chậu mực và gỗ bào. Trên mặt bàn nào thước kẻ, ê ke, máy cắt và khuôn hình chữ nhật để sắp trang sách. Trong không khí còn có cả mùi hồ.

“Chỗ này cách nhà bác không xa...” Bà Rossella nói và dắt bọn trẻ lách qua những trang sách được phơi như những chiếc vỏ gỏi.

“Và cái máy in này đã được bán cho bác cùng với ngôi nhà của bà Penelope.” Ông Alberto bổ sung.

Ông cho bọn trẻ thấy chiếc tủ ngăn kéo chứa các ký tự riêng lẻ: những chữ cái được khắc trên những miếng kim loại hình chữ nhật, rồi chúng được sắp bằng tay lần lượt từng chữ thành vần, rất kiên nhẫn, cho đến khi tạo thành trang sách muốn in.

Ông Caller tìm ngăn kéo chứa chữ cái “d” và lấy ra hai chữ.

“Những chữ cái đó trông thế này.”

Ông nhẹ nhàng đặt ký tự đó lên một miếng bông thấm mực, rồi ấn lên một mẫu giấy trắng. Một chữ “d” hoàn hảo hiện lên mà chẳng có dấu hiệu đặc biệt nào cả.

“Không phải là chữ ‘d’ mà chúng ta đang tìm kiếm!” Julia phàn nàn.

“Chính xác.” Ông Caller cười. “Đó là lỗi của máy in. Các cháu thấy cái máy kia không? Sau khi xếp xong một trang sách bằng những ký tự này, bác đưa vào trong đó và kéo thanh đòn kia. Máy in nhúng trang ký tự ấy vào mực, cho một tờ giấy chạy qua và in những từ ngữ lên giấy bằng một lực ép mạnh từ trên cao. Khi trang sách chạy ra, nó sẽ xén và đóng lại, lúc ấy... tất cả những chữ ‘d’ đều biến thành kiểu chữ mà các cháu thấy trên cuốn bách khoa toàn thư.”

“Chữ ký của ông Dedalus.” Rick cười.

“Điều này thì một vài nhà sưu tầm người Anversa đã nhận ra.” Ông Alberto nói tiếp. “Những bản in của bác rất ấn khách. Nhưng không dễ gì để tiếp tục việc in ấn trong nhà kho tồi tàn này và còn cả việc phải tránh những người bảo vệ bí mật phát hiện ra...”

“Tại sao các bác lại phải ẩn náu ạ?”

“Đó là một câu chuyện dài...” Ông Alberto thở dài.

“Cách đây không lâu, ở Venice vẫn còn những nhà in tốt nhất thế giới và tất cả mọi người đều đến đây để in sách của họ...” Bà Rossella giải thích. “Nhưng một vài cuốn viết về phép thuật, và bị coi là những cuốn sách cấm. Do đó, Hội đồng Thập viên quyết định quản lý hoạt động của nhiều nhà in để kiểm soát nội dung in ấn.”

“Cuốn bách khoa toàn thư kia là một cuốn sách cấm ạ?”

“Với những kẻ ngu dốt như Bá Tước Tro thì đúng.” Ông Alberto thốt lên.  
“Trên thực tế, nó là một ý tưởng tuyệt vời đến từ nước Pháp.”

Rick nhìn ông lưỡng lự.

“Ở chỗ chúng cháu người ta mua theo từng tập nhỏ.”

“Nó cũng đã đến nước Anh rồi ư?” Bác Alberto thốt lên đầy kinh ngạc.

“Đương nhiên ạ. Họ còn mang thẳng tới nhà cho bác, và sau đó bác sẽ trả dần mỗi lần một chút.”

“Em thấy chứ, Rossella?” Ông Alberto vỗ tay và nói. “Người Anh lúc nào cũng đi trước chúng ta một bước!”

Rick lại gần chiếc máy in, cậu vuốt ve lớp vỏ kim loại bên ngoài. Cậu bé nhận ra bàn tay của ông Peter ở một vài chi tiết: những chiếc bánh răng đủ mọi kích thước, việc sử dụng những thiết bị truyền động và những món phụ trợ bằng gỗ... Cái máy là của ông ấy, không còn nghi ngờ gì nữa. Ông Peter đã từng ở Venice khi bà Penelope vẫn còn sống ở đó... khi ông ấy vẫn là bạn của ông Ulysses Moore.

“Rick? Cậu có ý tưởng gì không?” Julia gọi cậu từ phía bên kia căn phòng.

“Không. Thực ra là không. Còn cậu?”

Julia đang đọc lại tờ giấy in bởi Bà Cú Già.

“Như vậy... để liên lạc với ông Peter chúng ta phải sử dụng chiếc chìa khóa đúng và viết: DEDA.”

“Mình đã thử viết DEDA, ở Kilmore Cove...” Rick nói và tiếp tục đi vòng quanh chiếc máy in. “Nhưng chẳng cái gì chạy ra cả.”

“Có thể cậu không có chiếc chìa khóa đúng.”



“Mình tin rằng Oblivia Newton có nó.” Rick trả lời và nghĩ tới chiếc chìa khóa mở được Cánh cửa Thời gian ở Ngôi Nhà Gương.

“Nếu các cháu muốn, chúng ta sẽ thử viết DEDA trên cái máy này.” Ông Alberto đề xuất. “Có thể nhà phát minh thiên tài của các cháu đã để lại một manh mối để tìm ra ông ấy cho dù ở đâu.”

Ông Caller quàng chiếc tạp dề hần đã có thời mang màu trắng, lấy một chiếc khuôn rỗng và sắp thẳng hàng bốn chữ cái tạo nên từ DEDA. Sau đó ông đưa khuôn vào máy in, quay nút nạp lò xo để khởi động máy và kéo cần gạt. Chiếc máy nhả khói, sau đó đột nhiên nó giật cái khuôn vào, nhúng mực và nhả ra ở đầu còn lại một tờ giấy trắng có viết: DEDA.

Ông Alberto cầm tờ giấy vẫn còn ướt mực và cho những người khác xem.

“Ta nghĩ chẳng có gì xảy ra cả. Ý tưởng này sai rồi, ta rất tiếc.”

Rick nhìn tờ giấy đó cũng với sự thất vọng mà cậu từng có khi thấy tờ giấy nhả ra từ cỗ máy ở Kilmore Cove.

“Có lẽ cần Jason ở đây.” Cậu nói và nghĩ về những linh cảm thiên tài của cậu bạn mình. Sau đó, cậu thì thào vẻ chán nản. “Có lẽ ông Peter thực sự muốn để lại một dấu vết...”

“Có thể ông ấy muốn được bạn bè tìm thấy trong trường hợp họ tha thứ cho ông ấy. Cậu có nhớ ông ấy đã nói gì trong cái đĩa không?” Julia nói thêm. “Ông ấy bỏ trốn vì ông ấy hổ thẹn. Bởi ông ấy không có can đảm để thừa nhận trước mặt họ điều ông ấy đã hé lộ cho Oblivia.”

“Đúng thế.” Rick nói.

“Nhưng cả ông Ulysses, bà Penelope lẫn Oblivia đều không tìm được cái đĩa đó. Mà chính là chúng ta. Chẳng ai biết điều gì đã xảy ra với ông ấy, kể cả việc ông ấy đã bỏ đi bằng cánh cửa ở nhà mình và bị giam cầm ở Venice.

Cậu nhớ chứ? Sau khi mở cánh cửa, ông ấy đã gửi chiếc chìa khóa sư tử lại cho ông Ulysses.”

“Đúng là một câu chuyện lạ lùng.” Bà Rossella thì thầm.

“Nhưng trên thực tế ông ấy muốn được tìm thấy, Rick ạ!” Julia tiếp lời, không để ý tới ông bà Caller. “Nếu không thì tại sao ông ấy lại giấu cái đĩa trong bàn cờ mà ông ấy đang chơi một ván dài trong suốt hai năm trời với ông Ulysses? Ông ấy đã cố tình đi nước cờ sai để buộc ông Ulysses phải đi nước cờ quyết định, để chiếc ngăn kéo bí mật được mở ra. Và nếu đã gửi chiếc chìa khóa cho ông Ulysses, hẳn ông ấy muốn ông Ulysses đi theo mình. Và có lẽ... có lẽ... ông ấy để lại những gợi ý ở nơi mà cánh cửa của ông ấy mở ra, ở Venice này.”

“Đúng vậy!” Rick lặp lại trước khi hỏi ông bà Caller. “Các bác có biết phố Tình Bạn ở đâu không ạ?”

Hai ông bà nhìn nhau bối rối.

“Bọn ta chưa từng nghe thấy bao giờ.”

“Các cháu chắc là có một con phố mang cái tên đó chứ?”

“Cậu thấy chứ? Chúng ta vẫn ở điểm ban đầu.” Rick thở dài.

“Lẽ nào cuốn sổ tay của ông Ulysses không thể giúp gì cho chúng ta sao?” Julia thốt lên. “Ông ấy biết những cánh cửa dẫn tới đâu mà!”

Cô bé mở cuốn sổ và bắt đầu lật giở với vẻ bồn chồn.

“Các cháu đừng quên cái máy hát và khung tranh nhé!” Bà Rossella lên tiếng nhắc sau khi lắng nghe cuộc trò chuyện của bọn trẻ và chẳng hiểu được bao nhiêu. “Chúng ta vẫn phải tới nói chuyện với người đã làm ra nó.” Bà quả quyết nói và nhắc bức tranh đã mang theo mình cả nửa ngày.

Rick không nghe thấy bà nói vì cậu còn mãi nghiên cứu tờ giấy vừa in ra.

“Sử dụng chiếc chìa khóa đúng và viết DEDA.” Cậu lẩm bẩm. “Chiếc chìa khóa đúng...”

Cậu hỏi ông Alberto để điều chỉnh chiếc máy in hoặc một vài máy móc khác liệu có phải sử dụng một loại chìa khóa nào đó không, nhưng người in sách trả lời rằng ông không cần chìa khóa gì cả.

“Chiếc chìa khóa đúng. Và viết DEDA.” Rick nghĩ.

Bà Rossella lên dây cót chiếc máy phát nhạc lần thứ hai để tìm kiếm nguồn cảm hứng.

“Bác nghĩ là cuộc tìm kiếm của chúng ta ngày hôm nay có thể tạm dừng ở đây...” Ông Alberto đề nghị. “Các cháu nghĩ sao nếu chúng ta về nhà và...”

“Nhưng chúng ta đã không viết DEDA!” Rick thốt lên, trong đầu cậu lóe lên một ý tưởng bất chợt. “Chúng ta đã viếtDEDA, với chữ ‘d’ kỳ lạ của ông Dedalus.” Rick phấn khích trải trên mặt máy in tờ giấy ở Kilmore Cove. “Ông Peter đã nhấn lại rất rõ ràng, trên tờ giấy in bởi cái máy của ông ấy có viết DEDA mà không có chữ ‘d’ kỳ lạ như ở những từ khác. Làm sao để viết được chữ DEDA mà không có ký hiệu này nhỉ?”

Ông Alberto lắc đầu quày quạ.

“Không thể đâu. Bác đã thử cả trăm cách nhưng lần nào chữ ‘d’ cũng bị thay đổi, như thể cái máy in nhận ra chúng và thay đổi hết chữ này đến chữ khác.”

“Nhưng phải có một cách chứ!” Rick bắt đầu bồn chồn đi quanh phòng, như cậu thấy Jason làm vậy mỗi khi cậu bạn muốn những ý tưởng thông minh nảy ra trong đầu. “Và nếu DEDA không phải là một từ thì sao? Liệu nó

không phải là phần đầu của tên ông Peter như chúng ta vẫn nghĩ thì sao? Nó có thể là gì nếu không phải là một từ nhỉ?”

“Số thì không phải rồi.” Bà Rossella nhận xét.

“Cái gì có thể liên quan đến chiếc chìa khóa đúng và chiếc chìa khóa sai nhỉ?”

Julia bắt đầu nhìn lên trần căn phòng.

“Bác Peter đã viết là chiếc chìa khóa đúng không nằm ở dưới, cho nên... nó phải ở trên cao.”

“Có thể nó ở phía trên những cái máy?” Ông Alberto đặt giả thiết.

“Chìa khóa ở trên cao... Chìa khóa ở trên cao...” Bà Rossella thì thào, cùng tham gia vào cuộc tìm kiếm lạ lùng.

“Không phải là một từ... không phải là một con số...” Rick nhắc đi nhắc lại, rồi bỗng khựng lại ở giữa căn phòng. Lời của ông Nestor lại hiện ra trong đầu cậu bé. “Âm nhạc... Nếu chúng là các nốt thì sao?”

“Cháu nói sao, cậu bé?”

“Nốt! Nốt nhạc ấy!”

“Bác thấy chúng không có vẻ là nốt nhạc...” Alberto Caller nhận định.

“Những cái đó thường được viết trên một khuông nhạc.”

“Với khóa Sol!” Bà Rossella reo lên. “Và không phải với khóa Fa.”

Rick nắm chặt nắm tay.

“Tất nhiên rồi! Chìa khóa chính là cái này!”

Ông Alberto nhìn tờ giấy, vẫn còn lưỡng lự.

“Nếu các cháu muốn, bác có tất cả các ký tự nốt nhạc, nhưng vấn đề là trên tờ giấy đó viết DEDA chứ không phải do re mi fa sol...”

“Bởi vì đây chính là cách viết nốt nhạc ở Anh ạ!” Rick giải thích. “Chúng cháu sử dụng những chữ cái: nốt do viết là C, nốt re viết là D, nốt mi là E... và A là nốt la.”

“Theo cháu thì trên tờ giấy này phải được viết re mi re la trong một khuông nhạc với khóa Sol sao?”

“Cháu không biết nữa, đó một giả thiết ạ.” Rick trả lời.

“Còn chờ gì nữa, anh Alberto, chúng ta thử thôi!” Bà Rossella Caller giục chồng.

“Đây không phải là việc dễ dàng. Cần ba bước để in ra một trang nhạc: bước đầu tiên là in khuông nhạc, bước thứ hai là nốt nhạc... và bước thứ ba thì có thể thêm lời.”

“Thế thì ta bắt tay vào làm thôi!” Bà Rossella quyết định.

Họ lấy mẫu khuôn để in sách nhạc và xếp những khối kim loại có hình khuông nhạc và khóa Sol. Sau khi in xong bước thứ nhất, họ xếp lên khuôn bốn nốt nhạc, mà theo Rick, tạo thành từ DEDA rồi đặt tờ giấy có khuông nhạc vừa ra khỏi máy in vào.

“Chúng ta chờ xem nào.” Ông Alberto thì thầm và hạ cần gạt xuống.

Trang giấy được hút vào, chiếc khuôn nhúng xuống mực rồi ép lên giấy, sau đó tờ giấy được đẩy ra ngoài với bốn nốt nhạc được in đúng chỗ trên khuông.

Mặt Rick lộ rõ vẻ tuyệt vọng. Chẳng có gì xảy ra cả.

Julia đặt một bàn tay lên vai cậu bé, nhưng thay vì cảm thấy được an ủi, cậu lại thấy tệ hơn. Với cậu, đó giống như một cách dễ thương để nói rằng cậu đã có một ý tưởng thật ngu ngốc.

Ông Alberto đang chuẩn bị lấy lại tờ giấy, thì ống cuộn bắt đầu xoay ngược lại, hút tờ giấy trở vào dưới máy ép.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Ông thốt lên. “Quý tha ma bắt! Cái máy in đang tự vận hành!”

Cỗ máy bắt đầu quay: những bánh răng hoen gỉ vì thời gian hoạt động mà không cần lên dây cót và phát ra âm thanh của một chiếc máy đánh chữ lớn.

Trang giấy được in thêm một lần nữa và bị đẩy ra ngoài. Alberto cầm nó lên để mọi người cùng xem, ông vuốt ria mép như thể muốn bứt chúng ra, và nói:

“Ta nghĩ là bài hát đã được in trọn vẹn...”

Sau bốn nốt nhạc đầu tiên, giờ đã có thêm rất nhiều những nốt nhạc khác.

“Còn có cả lời nữa!” Rick vừa nói vừa chậm rãi đọc những âm tiết kèm theo từng nốt nhạc.

Ta chỉ là thủy thủ trong mộng

Tàu chiến, mỏ neo, chỉ huy, không!

Lênh đênh bốn biển đâu nào biết

Nơi nao là bến cảng màu hồng.

Đảo Mặt Nạ

Người Chèo Thuyền Đen, nơi sư tử nghỉ ngơi

## Chương 20

# THỢ ĐỒNG HỒ BẠC THẦY

---

**B**ên trong tháp đồng hồ rất nóng, không khí dày đặc bụi và mùn cưa. Oblivia lên lầu hai, nằm phía sau bộ bánh răng của chiếc đồng hồ.

Ả hồi hộp quan sát xung quanh nhưng chẳng nhìn thấy ai.

Sau khi nghe thấy tiếng búa nện không ngừng nghỉ vọng xuống từ gác xép, ả bước lên đợt cầu thang thứ hai. Lũ bồ câu nấp trong những khe tường cất tiếng gù.

Lần này, ả thấy một người đàn ông đang ngồi quay lưng lại.

Oblivia nhận ra ông ngay lập tức: đôi vai nhỏ thó, những chòm tóc rối mọc trên cái đầu nhọn và cả cách đu đưa vai như thể ông ấy đang nhún nhảy theo một điệu nhạc tưởng tượng. Peter Dedalus.

Oblivia tiến lên một bước và nói:

“Chào anh, Peter.”

Ông không ngoảnh mặt lại, nhưng lập tức dừng nện búa và nín thở.

“Là em đây, Peter.” Oblivia nói tiếp.

Người đàn ông từ từ quay đầu lại. Oblivia hạ mặt nạ và cười với ông, ngọt ngào như mía lùi.

“Không thể nào...” Ông Peter thì thào.

“Giá mà anh biết em đã vất vả thế nào để tìm được anh.” Oblivia nói.

Ông Peter nhìn vào một điểm bất định trên sàn, giữa bộ bánh răng đồng hồ và bàn chân của người phụ nữ.

“Không thể. Cô đến tận đây bằng cách nào?”

“Từ nhà của chúng ta, anh Peter. Em tìm thấy chiếc chìa khóa. Và em đã mở cánh cửa.”

Oblivia mới dợm bước thêm một bước, ông Peter đã đứng bật dậy như thế lò xo.

“Cô đang nói dối! Không thể nào! Cánh cửa ấy đã đóng nhiều năm rồi!”

“Nhưng giờ nó đã lại mở ra rồi anh ạ.”

“Nhưng nó đã được đóng lại từ đầu này! Tôi đã kiểm tra, tôi đã quay lại đó... Nó đã bị đóng lại trước đó!”

“Cứng à, những cánh cửa ấy có nhiều bí mật đến mức khó mà hiểu hết được chúng hoạt động thế nào... Và có lẽ chúng ta nên nói về chuyện này.”

“Nó đã bị đóng...” ông Peter lầm bầm nhắc lại. Ông nhìn quanh như để tìm một lối thoát, sau đó bắt đầu tức giận chà xát đôi bàn tay vào nhau. “Cô đã làm gì họ?”

“Ai cơ cứng?”

“Tôi cứ nghĩ là Penelope và Ulysses sẽ tìm thấy nó...” Ông Peter lầm bầm.

“Tìm thấy? Tìm thấy gì cơ? Nếu anh ám chỉ tấm bản đồ với tất cả các cánh cửa ở Kilmore Cove,” cô ả nói và trải nó ra bằng một động tác dứt khoát ở



ngay giữa căn phòng, “thì rất tiếc phải làm anh thất vọng, chính em là người đang giữ nó.”

“Ôi, không... Không!” Ông Peter hét lên. “Cô đã làm gì Penelope và Ulysses?”

“Anh có nhiều nỗi lo thật đấy! Em hoàn toàn chẳng làm gì cả, Peter yêu dấu ạ. Họ đã tự sát bằng cách nhảy từ mỏm đá ở ngôi nhà yêu quý của họ. Ôi, tất nhiên là vậy rồi: đúng là một câu chuyện tình kỳ diệu! Em rất tiếc phải nói với anh điều đó, Peter, nhưng em e mình là người cuối cùng còn sống trong số bạn bè anh... Chính vì thế, cưng à, hãy lại đây nào... hãy để em âu yếm anh một chút!”

“Cô hãy đi đi!”

“Anh không nhớ em sao?”

“Không!”

Oblivia không để mình nhụt chí bởi thái độ của người thợ đồng hồ, như thể ả hiểu rõ con người ông và nhìn ra sự yếu đuối nơi ông.

“Peter à...” Ả thì thầm.

Và ả cứ gọi đi gọi lại như vậy cho đến khi tiến sát tới chỗ ông. Người đàn ông bé nhỏ kháng cự lại, nhưng Oblivia đã kịp chen chân vào giữa ông ấy và cầu thang, ngăn không để ông bỏ trốn.

“Dừng lại nào cưng...” Oblivia vẫn nói tiếp, cho đến khi người thợ đồng hồ bỗng trở nên yếu mềm.

“Thực ra là có. Anh nhớ em.” Ông thều thào.

“Ôi, Peter! Anh nói thật chứ?”

“Em... em vẫn rất đẹp.”

“Ôi, cưng... Sau cùng anh vẫn là người đàn ông biết trân trọng phụ nữ đẹp!” Oblivia thốt lên và quấn ông trong làn hương của mình.

Ông Peter không phản kháng, ông không thể chối bỏ ả ta nữa.

“Giá mà anh biết em đã vất vả thế nào để tìm được anh!” Oblivia tiếp tục dỗ ngon dỗ ngọt. “Peter... Sau chùng ấy thời gian, anh không có gì để nói với em ư? Không một điều bí mật nào để thổ lộ cho Oblivia yêu dấu của anh ư?”

Ông Peter nhắm nghiền mắt một lúc lâu và chiến đấu với những ý nghĩ đầy mâu thuẫn.

“Không!” Cuối cùng ông nói và đẩy người phụ nữ ra xa.

Bị xô bất ngờ, Oblivia loạng choạng trên đôi giày cao gót và trượt chân lao về phía những bánh răng đồng hồ, đúng chỗ đó ả bị mất thăng bằng, té nhào xuống đất và làm bộ đồ rách toạc đến mức không thể cứu chữa.

Ông Peter lao xuống cầu thang, bỏ chạy nhanh nhất có thể.

Oblivia giải thoát cho mình khỏi đôi giày và chạy theo sau ông, từng bậc từng bậc một.

“Đứng lại, đồ trời đánh, đứng lại!”

Nhưng ông Peter không dừng lại. Ông chạy càng lúc càng nhanh xuống cầu thang, sau đó lao ra ngoài tháp đồng hồ tới những con phố.

Oblivia vừa đuổi theo ông vừa gào thét đến khi không còn hơi sức và cuối cùng ả dừng lại ở chính giữa Quảng trường San Marco, nơi người thợ đồng hồ nhỏ bé đã hòa vào đám đông.

Ả điên tiết nhìn ra xung quanh. Một vài người đàn ông nhìn chăm chăm cô ả và cười, trong khi đó các quý bà ngoảnh mặt quay đi vì cảm thấy chướng mắt.

Cũng chính lúc ấy Oblivia nhận ra mình đã bỏ lại phần lớn trang phục đã bị rách toạc ở chỗ bánh răng của chiếc đồng hồ.

“Chẳng vui một chút nào!” Oblivia hét lên phía sau tấm rèm căng ra ở giữa một tiệm may.

Ba người trợ lý đang cố gắng lấy số đo và khâu một bộ trang phục mới trên người ả. Phía bên kia tấm rèm, Bá Tước Tro cho phép mình cười ha hả thêm vài lần trước khi cất tiếng:

“Người đàn ông của cô đã bỏ cô lại thật đàng cấp!”

“Đó không phải người đàn ông của tôi!” Oblivia hét lớn. “Và trong mọi trường hợp, ông phải tìm lại ông ta cho tôi!”

Bá Tước Tro chỉnh lại cái mặt nạ mỏ chim màu xám trên mũi.

“Đó có thể là một cuộc điều tra phức tạp hơn rất nhiều so với lần trước.”

“Phức tạp hơn bao nhiêu?”

“Ít nhất là gấp đôi.”

“Gấp đôi? Ông bị điên rồi!” Oblivia hét lên khi đột ngột quay phắt lại khiến một chiếc ghim chọc vào người.

Bá Tước Tro cúi chào.

“Trong trường hợp này, tôi đành phải tạm biệt cô.”

“Khoan đã!” Á giật giọng gọi ông ta lại. “Gấp đôi. Được rồi, tên trộm tham lam, tôi sẽ trả cho ông gấp đôi, nhưng tôi muốn có ông ấy vào tối nay.”

“Sao vội vậy, thưa cô... Cô cứ chờ may cho xong bộ trang phục này và sau đó chúng ta sẽ tìm ông ấy ở phá.”

“Ở phá sao?”

“Đúng vậy.” Bá Tước Tro lấy từ trong túi một chiếc mùi soa màu trắng, bên trong có một vài cọng tảo quăn queo và khô quắt lại. “Tình cờ là người đàn ông của cô, mà cũng có thể không phải người đàn ông của cô, đã để lại một vài cọng tảo xanh nhỏ xíu này.”

“Thế thì sao? Những con kênh của cái thành phố trời đánh này nhiều rong tảo đến mức bốc mùi như bãi rác.”

“Tôi không nghĩ ở Venice lại có loại tảo đặc biệt này.” Ngài Bá Tước lập luận. “Nó là loại tảo đặc trưng của một hòn đảo nhỏ ở phá... Điều này lý giải vì sao lại khó tìm người đàn ông này trong thành phố đến vậy.”

“Hòn đảo nào vậy?”

“À, cô đặt quá nhiều câu hỏi rồi, thưa cô. Ngay khi cô có trang phục mới, tôi sẽ đích thân đưa cô đi.”

“Nhanh lên nào, chúng ta không được mất thêm thời gian nữa!” Oblivia ra lệnh cho những cô thợ may, và đột ngột quay lại khiến một phần chiếc váy vừa khâu lại bị tuột chỉ.

“Mà này,” cô ả hét lên. “Các cô không có quần jeans sao?”

# Chương 21

## VỊ THUYỀN TRƯỞNG

---

**T**rong khu vườn của Biệt thự Argo, ông Nestor nhắc lại thêm lần nữa:

“Cháu không thể làm được đâu, Jason...”

Người dính đầy hắc ín và lông vũ, họ chùi chân trên cỏ để không làm bẩn sỏi lối đi. Ông Leonard, chẳng giầy dép gì, đã kéo hai tên ăn xin bất tỉnh xuống khỏi cỗ độc mã và đưa chúng vào trong nhà.

“Tại sao lại không ạ?” Jason vặn lại.

“Ngay cả khi chúng đã bị trói và bịt miệng, cháu cũng không thể xoay xở mang chúng xuống dưới một mình được. Và tình cờ là Leonard đã từng du hành trên tàu Metis khi vẫn còn... ông chủ cũ.”

Jason nhìn về phía ngôi nhà với cảm xúc ghen tỵ pha lẫn thất vọng. Ghen tỵ bởi cậu có một kho báu không muốn chia sẻ với những người khác. Và thất vọng vì đã ra sức bảo vệ một điều bí mật để rồi sau đó khám phá ra rằng chúng không phải những người duy nhất biết chuyện... Hóa ra cả người gác ngọn hải đăng cũng biết tất cả.

“Jason, làm ơn! Còn rất nhiều việc phải làm ở đây...” Ông Nestor năn nỉ khi đoán định được suy nghĩ của cậu. “Lát nữa cha mẹ cháu sẽ về. Và ta không nghĩ là chúng ta nên mất thời gian cho những cuộc tranh cãi vô ích.”

“Tại sao ông không nói với cháu từ trước rằng cả ông Leonard cũng biết về con tàu?”

“Vì ta đã thề với ông ấy sẽ không làm vậy.” Ông Nestor trả lời và nhìn người gác ngọn hải đăng đang sải bước đi ra từ phòng bếp.

Ông Leonard thở hốt hên và cười nửa miệng.

“Còn bao nhiêu người biết chuyện này nữa hả ông Nestor?” Jason rít lên với người làm vườn già. “Cháu muốn biết một lần luôn cho xong, có bao nhiêu người biết về cánh cửa ạ?”

“Chẳng ai khác cả, Jason. Thật đấy. Chỉ bốn chúng ta và Leonard. Nhưng ông ấy lại không muốn các cháu biết...”

“Tại sao ạ?”

“Bởi ông ấy nghĩ rằng các cháu sẽ không làm được.”

Jason cảm thấy ruột gan thắt lại khi nghĩ về những gì vừa mới xảy ra: phí hoài cả ngày trời vì hai tên ăn trộm, ông Nestor thì bị trói cứng, Biệt thự Argo bị lục lọi và...

“Không có gì mất mát cả, Jason. Chúng ta vẫn có thể... chiến thắng, ta nghĩ vậy.”

“Hai người vẫn còn những lời thú nhận khác phải thổ lộ à?” Leonard Minaxo xỏ xiên hai ông cháu từ ngưỡng cửa phòng bếp. “Hay chúng ta có thể đến đó và khép lại việc này cho xong nào?”

“Bọn tôi tới đây.” Ông Nestor trả lời.

Jason và ông Leonard tới chỗ Cánh cửa Thời gian bằng cách trượt trên patanh để không để lại vết hắc ín đen trên hành lang.

Jason lấy từ túi ra bốn chiếc chìa khóa.

Cạch. Cạch. Cạch. Cạch.

Người gác ngọn hải đăng vác trên vai hai tên ăn xin vẫn đang bất tỉnh và cẩn thận di chuyển chúng. Sau khi đi qua căn phòng hình tròn, họ lên cầu thang dốc đứng.

Jason đi mở đường và người gác hải đăng theo sau cậu mà không nói lời nào.

“Mọi thứ ở đây đã thay đổi...” Ông nói khi thấy hành lang bị chặn lại do đất lở.

“Có một lối đi giữa những tảng đá.”

Jason trượt vào trong trước. Sau đó ông Leonard đẩy Dieguita dưới những tảng đá rồi Jason đỡ lấy cô ta ở đầu kia. Sau khi làm xong việc tương tự với Don Diego, cả ông Leonard cũng chui qua.

Khi họ tới chỗ đường trượt, họ ném hai tên ăn xin xuống trước, rồi cũng quăng mình xuống ngay sau đó.

“Tàu Metis!” Ông Leonard thì thầm khi đã hạ cánh trên bãi biển dưới lòng đất. “Nó thì không hề thay đổi chút nào...”

Sau khi vác hai tên ăn xin lên tàu, ông Leonard đứng lại trên cầu tàu mê mẩn chiêm ngưỡng nó. Rồi ông lên boong và đi thẳng tới cabin của thuyền trưởng.

Jason nghe thấy tiếng ông giở cuốn nhật ký hành trình và mở chiếc rương quần áo. Một lát sau ông Leonard bước ra và nói:

“Không còn cái áo khoác, cả mũ cũng không...”

Cậu bé tin rằng mình hiểu ông ấy đang nói về cái gì.

“Chúng ở trên tầng áp mái, trong phòng làm việc của bà Penelope ạ.”

“Tất nhiên là vậy rồi, các cháu cũng đã lên tận trên đó...” Ông Leonard gật đầu về đây suy tư, sau đó đặt tay lên bánh lái và ra lệnh. “Hãy kéo mỏ neo lên. Chúng ta sẽ khép lại chuyện này thật nhanh.”

Jason thật khó chấp nhận ý nghĩ rằng mình không phải là người lái Metis, nhưng cậu quyết định nghe theo ông. Cậu kéo mỏ neo lên, rồi ngồi xuống cạnh hai tên ăn xin. Con tàu rời cầu tàu và ông Leonard nắm chặt bánh lái.

“Ông biết chắc chắn chúng ta phải đi đâu chứ?” Jason hét lên với ông ngay khi những con sóng bắt đầu gợn lăn tăn.

“Cháu đang chế giễu ta hả, nhóc?”

Gió bắt đầu cuồn cuộn và những tia bọt nước khiến Don Diego tỉnh giấc. Khi thấy mình đang ở trên boong một con tàu, gã trai trợn mắt vì kinh hãi và cổ gầy giụa thoát ra một cách vô ích.

Mũi tàu Metis chồm lên và gió bao quanh thân tàu bằng vòng tay ma thuật của mình.

Jason quan sát vị thuyền trưởng: ông đứng hiên ngang ở phía đuôi tàu, cao lớn và đầy quyền uy như thể một trong những lính gác bằng đá cai quản cửa ngõ Những Cây Cột của dũng sỹ Héc-quyn thời cổ đại.

“Ta đây! Các người nhớ ta không? Là ta đây!” Ông Leonard bắt đầu hét lớn, như thể phát điên không rõ vì sung sướng hay vì giận dữ.

Thế rồi khi cơn gió bắt đầu mạnh lên, như có một tiếng nổ rền vang.

Vậy là họ đã vượt qua hàng rào thời gian.



Manfred băng qua con đường ven biển, giấu hai nắm đấm trong túi quần bò yếm của gã. Khách sạn Quán Gió rất biết cách làm rạng danh cho cái tên của mình. Nó mọc lên ở ngay phía bên kia quảng trường của ngôi làng và được làn gió mặn mòi từ biển không ngừng thổi vào.

Manfred liếc qua bãi đỗ xe của khách sạn nhưng gã không thấy chiếc xe bán tải màu xám nào.

“Có lẽ gã nhân viên trời đánh của tòa thị chính đã nhầm...” Gã nghĩ.

Tuy nhiên ngay cả người chủ quán rượu cũng khẳng định từng nghe nói về một người lạ mặt vừa tới làng và đang trọ trong khách sạn duy nhất ở đây.

Gã tay sai của Oblivia nhìn chằm chằm tòa nhà cũ kỹ không cân xứng với vệt muối bám khắp nơi: cả hai tầng của tòa nhà và phòng áp mái đầy những kẽ hở và lúc nào cũng kêu cọt két.

Manfred nghĩ lại về người lạ mặt đội chiếc mũ Scotland mà gã gặp ở mỏm đá và thấy phải điều tra rõ ràng chuyện này. Còn cái lốp xe mô tô gã sẽ lo liệu sau.

Gã tới lối vào của quán trọ, cánh cửa kéo kéo mở ra và kẹt lại trên sàn. Khi vào đến bên trong, gã có cảm giác như đang bước đi trên cầu tàu. Cơ man những lỗ thủng, khe nứt và gió lùa từ mọi phía.

“Có ai không?” Gã hỏi và ngó quanh để tìm chỗ có thể là quày lễ tân.

“Ở phía này.” Một giọng nữ cất tiếng gọi gã. “Xin chào!”

Trong căn phòng bé xíu bụi bặm có một cô gái vô cùng dễ thương, với mái tóc cặp gọn bởi cả đội quân ghim kẹp tóc. Manfred không nhận ra cô gái và ậm ừ một câu chào.

“Agatha sẽ tới ngay đó.” Cô gái nói.

Cô thợ làm tóc! Lúc đó thì Manfred chợt nhớ ra. Gwendaline, cô thợ làm tóc thỉnh thoảng vẫn tới nhà uốn tóc cho Oblivia. Cô ấy có việc gì mà lại ngồi giờ tạp chí trong căn phòng xập xệ này?

Agatha không để mọi người phải chờ lâu.

Không cần chào hỏi Gwendaline, nghĩa là cô gái này đã ở đây được một lúc, cô hướng thẳng tới chỗ Manfred.

“Anh cần gì?”

“Ừmm...” Gã đàn ông đưa tay chỉ lối vào ở sau lưng mình và lấp bắp. “Hôm nay tôi có gặp một quý ông đi xe bán tải màu xám và...”

Cô thợ uốn tóc đang ngồi ở phía sau lưng gã đặt cuốn tạp chí xuống.

“Ông ta đã... ừm... cho tôi đi nhờ... và...” Manfred tựa người vào quầy và tháo cặp kính râm. “Và tôi đã để quên một thứ trên xe của ông ta.” Cuối cùng, gã cũng nói được một hơi.

“Ôi, tôi rất tiếc!” Cô Agatha, người chắc chắn có trực giác cực kỳ thiếu nhạy bén, tỏ vẻ cảm thông.

Manfred gật đầu.

“Ông ta bảo rằng tối nay sẽ trở lại chỗ bà...”

“Ồ, tất nhiên rồi!” Cô gái trả lời, kèm một nụ cười tươi rói nhưng trống rỗng.

“Tuyệt. Vậy tôi có thể... chờ ông ta chứ?”

“Tất nhiên là anh có thể. Nhưng tôi nghĩ ông ấy sẽ không trở lại cho tới tối nay đâu.”

“Ông ấy có nói rằng sẽ đi đâu không?”

“Ồ không.”

“Và...” Manfred khom người ở quầy lễ tân, “ông ấy có để lại tên không?”

“Anh biết đấy, tôi không để ý lắm.” Agatha nghĩ ngợi một lát rồi trả lời.

“Chắc hẳn ông ấy đã ký tên vào sổ nhật ký khách sạn chứ, phải không?”

“Thật ra... sáng nay ông ấy tới và đã đi ngay lập tức, tuy nhiên...” Agatha lấy cuốn sổ từ trong ngăn kéo quầy và kiểm tra. “À, đây rồi... Căn phòng được đặt dưới cái tên Ông chủ Biệt thự Argo.”

Manfred mặt mày rạng rỡ ngoảnh về phía cô thợ uốn tóc và thốt lên:

“Vậ là thằng nhóc có lý. Lão già chưa chết! Cảm ơn cô, Agatha!” Gã rú lên trước khi bước ra ngoài.

“Xin lỗi anh...” Gwendaline chạy theo sau gã.

“Gì vậy?” Manfred ngoảnh mặt lại hỏi.

“Tôi nghĩ chúng ta đang chờ cùng một người... Anh có nói là anh đã gặp ông ấy vào sáng nay sao?”

“Phải, ông ta cho tôi đi nhờ trên chiếc bán tải.”

Gwendaline cho gã xem một bức ảnh đen trắng.

“Ông ta có phải là người đàn ông này không? Người ở phía xa xa ấy?”

“Bức ảnh này là của ai vậy?” Manfred hỏi và hạ cặp kính râm trên mũi xuống.

“Của bà Biggles, một quý bà ở làng này.” Gwendaline giải thích. “Người đứng gần nhất là cha Phoenix. Còn người đứng xa nhất, quay lưng lại... Đó, đó là người mà tôi cần anh xác nhận. Đó chắc hẳn là Ulysses Moore, ông chủ cũ của Biệt thự Argo.”

“Tất nhiên rồi!” Manfred thốt lên khi nhận ra chiếc mũ của gã lái chiếc xe bán tải.

Gwendaline mỉm cười. Cô đang nắm trong tay một tin sốt dẻo cực kỳ hấp dẫn, và rất nóng lòng được báo cho tất cả những quý bà khác.

## Chương 22

# NGƯỜI CHÈO THUYỀN ĐEN

---

**J**ulia vừa hạnh phúc vừa bối rối khủng khiếp.

“Đây rồi... vậy là...,” cô bé mở lời. “Đây là em trai cháu, Jason. Jason, đây là vợ chồng bác Caller, bác Rossella và bác Alberto.”

“Hân hạnh được gặp hai bác.” Jason vừa nói vừa đưa tay ra. Sau đó, khi nhận ra tay mình dính bao nhiêu là hắc ín, cậu lại hạ xuống. “Xin lỗi các bác. Hôm nay quả là một ngày hơi... bận rộn ạ.”

“Bác thấy không khó để tin điều đó.” Bác Alberto vừa nói vừa nhìn cậu nhóc bần thủ, đen đúa phủ đầy lông chim vừa bước ra từ Nhà Caboto đã bị bỏ hoang nhiều năm với vẻ kinh hãi.

Julia và Rick bước vào như thể đó là nhà của chúng. Khi tới sân, chúng phải kiềm chế lắm mới không rú rít lên vì vui sướng khi thấy Jason đang chờ mình cùng hai tên ăn xin bị trói và bịt miệng dưới một lớp bùn dính dớp và... người gác ngọn hải đăng.

“Ông ấy là Leonard.” Jason giới thiệu.

“Cháu chào ông.” Julia hơi e ngại bởi sự có mặt đường đột này.

“Chúng ta đã biết nhau.” Rick nói.

“Banner.” Ông Leonard đáp lại. “Cháu có mái tóc giống hệt cha cháu.”

Sau đó, vì có rất ít thời gian trò chuyện, Jason chỉ kể vắn tắt việc ông Leonard là một người bạn của ông Nestor và ông ấy đã giúp mang những tên trộm trở lại Venice. Đến lượt mình, Julia và Rick giải thích rằng ở ngoài cổng có hai người bạn mới đang đợi. Vậy là họ quyết định chia nhau ra. Bọn trẻ sẽ đi cùng ông bà Caller. Ông Leonard sẽ ra sau và mang hai tên ăn xin tới Piombi, nhà tù của Venice.

“Chúng ta sẽ gặp nhau ở đây sau một giờ nữa nhé. Đủ cho các cháu chứ?”

Jason nhìn Julia và Rick, không biết phải trả lời sao.

“Cháu nghĩ sau hai giờ thì tốt hơn ạ,” cô bé trả lời. “Bọn cháu phải đi một chuyến bằng thuyền gondola...”

Cả nhóm rảo bước tới quảng trường San Marco.

“Vậy là các cháu ở Nhà Caboto à?” Ông Alberto Caller hỏi Jason.

“Vâng ạ, nhưng... bọn cháu chỉ ghé qua đó thôi.” Julia trả lời thay cho cậu.  
“Em cháu đã phải...”

“Làm vài việc ở tầng hầm ạ.”

“Các cháu có tầng hầm à? Chúng là của hiếm ở Venice đấy.”

“Cũng không hẳn là tầng hầm ạ...” Jason đáp. “Chúng là những căn phòng ẩm ướt và bẩn thỉu. Có những chỗ rò rỉ mà bọn cháu phải bịt lại bằng... hắc ín... Và rồi... cả bọn chim bồ câu đó nữa!”

“Chúng làm tổ khắp nơi!” Bà Rossella đồng tình với cậu bé, Diogo lon ton quanh chân bà.

Jason tránh nói về Kilmore Cove với Rick và Julia để tránh sự tò mò của ông bà Caller.

“Có lẽ chúng ta đã tìm ra nó.” Rick cập nhật cho cậu bạn biết về những tiến triển của cuộc điều tra.

“Hai bác Caller rất tuyệt, Jason ạ!” Chị cậu hòa theo.

“Ôi, đừng phóng đại,” ông Alberto tự giễu mình. “Rốt cuộc cũng chẳng khó khăn đến vậy để hiểu được phải tìm Người Chèo Thuyền Đen bằng cách nào.”

“Người Chèo Thuyền Đen ư?” Jason hỏi và gỡ những chiếc lông vũ khỏi tóc.

“Ông Peter không sống ở Venice. Mà trên một hòn đảo nhỏ gọi là Đảo Mặt Nạ.”

“Vào lúc hoàng hôn bọn mình sẽ gặp Người Chèo Thuyền Đen, người sẽ đưa chúng ta tới đó.”

“Bọn mình phải gặp người ấy ở đâu?”

“Đó là một câu đố khó,” Julia đáp, “và nếu thiếu bác Alberto có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ giải được nó! Trên tờ giấy có viết: ở nơi sư tử nghỉ ngơi.”

Jason nghĩ ngợi một lát.

“Humm... có gì đó giống trong truyện tranh. Chẳng phải có một bức tượng sư tử ở đâu đó sao? Chỗ sư tử nghỉ ngơi có thể là cái bóng của nó.”

Ông Alberto cắn môi, suy luận của cậu nhóc mới tới đó làm ông khó chịu.

“Đúng là vậy rồi!” Bà Rossella reo lên. “Chúng ta tin chắc rằng Người Chèo Thuyền Đen sẽ chờ ở điểm cuối cùng mà cái bóng sư tử của quảng trường San Marco đổ tới.”

Đã xế tà, mặt trời dần buông đang tô vàng những mái nhà Venice. Trong lúc qua cầu Paglia, ba đứa trẻ nghĩ về điều đang chờ đợi chúng.

Ông Peter Dedalus còn sống, giờ thì chúng đã chắc chắn điều này. Và chúng cũng chắc chắn rằng cái bóng Sư Tử của quảng trường San Marco sẽ dẫn chúng tới xưởng của ông ấy, chính xác như chiếc kim la bàn. Tuy nhiên, trước tiên chúng phải tìm được Người Chèo Thuyền Đen, người duy nhất có thể dẫn chúng đi ngược những con kênh trong thành phố và tới Đảo Mặt Nạ. Và chúng phải làm việc ấy thật nhanh, để khám phá ra nơi ông Peter ẩn náu, thực tình cả ba đứa đã khá trễ rồi.

“Vấn đề là Oblivia sẽ đến trước bọn mình...” Julia thầm thì đầy lo lắng.

“Đừng có nghĩ vậy, chị gái.” Jason nói nhỏ với chị. Cậu vẫn mặc bộ quần áo dính đầy hắc ín và lông chim. Cứ sau mỗi cử động, cậu lại khiến những nhúm lông vũ bay bay trong không khí.

“Mình có ý này...” Rick quan sát xung quanh và thầm thì. “Người Chèo Thuyền Đen có thể mặc cả cây đen...”

“Hoan hô.” Jason mở to mắt, chọc gheo cậu. “Đúng là ý tưởng của thế kỷ!”

Họ tới quảng trường San Marco và nhướng mắt về phía hai chiếc cột.

“Con sư tử...” bác Alberto Caller giải thích, “biểu tượng bí ẩn của thành phố chúng ta.”

“Tại sao nó lại bí ẩn ạ?”

“Bởi lẽ không người nào hay biết ai đã đưa nó về đây, hay được đưa về từ đâu. Có người nói thực ra nó là quái vật Chimera<sup>2</sup>, một bức tượng cổ Trung Hoa được gắn thêm đôi cánh và...”

<sup>2</sup>. Quái vật có đầu sư tử, mình dê, đuôi rắn trong thần thoại Hy Lạp.



Bà Rossella chỉ vào một sạp hàng nhỏ bằng gỗ ở chân cột.

“Mọi người uống trà thảo mộc nhé?” Bà đề nghị, cắt ngang lời giải thích của chồng.

Rick ngắm cái bóng đổ dài từ chiếc cột về phía con phá.

“Ở nơi sư tử nghỉ ngơi...” Cậu lẩm bẩm và hy vọng thực sự đã tìm ra lời giải cho câu đố, bởi chúng sẽ không có cơ hội thứ hai.

Mặt trời lặn dần sau những mái nhà và bóng sư tử kéo dài theo tầm mắt. Khi trên bầu trời chỉ còn một gợn màu vàng và mọi người đang bóng môi với tách trà thảo mộc thì rốt cuộc Rick đã tìm ra nơi sư tử nghỉ ngơi: đó là một cái cột mạ vàng trên đỉnh, nơi buộc một con thuyền gondola có mũi bọc kim loại.

Cầm mái chèo là một người đàn ông da màu đeo khuyên bên tai trái, đi giày mũi tròn và quấn một chiếc khăn tartan bằng lụa đỏ trên đầu.

Người Chèo Thuyền Đen.

Khi bọn trẻ hỏi ông ta để lên thuyền, người chèo thuyền nhìn Jason rồi lắc đầu đầy quyết đoán. Ông ta có gò má cao, đôi mắt nhỏ và sâu.

“Đừng hòng đặt chân lên thuyền của ta.” Ông ra lệnh cho cậu.

“Nhưng chúng chỉ là lông chim thôi ạ!”

“Làm ơn đi ạ!” Rick nói. “Chúng cháu rất cần chú!”

“Tôi luôn sẵn lòng phục vụ các vị. Tôi chỉ nói là cậu kia không thể lên thuyền thôi. Các vị là bố mẹ của những đứa trẻ này sao?” Ông ta hỏi khi thấy ông Alberto và bà Rossella Caller đi tới.

“Ồ không phải... Nhưng chúng tôi đi cùng chúng.”

“Các vị phải đi đâu?”

“Tới Đảo Mặt Nạ.”

“Chẳng có Đảo Mặt Nạ nào cả.”

“Bạn của chúng tôi nói rằng anh biết nó...”

“Bạn các vị là ai?”

“Ông ấy là Peter Dedalus.”

“Tôi không biết ông ta.” Người Chèo Thuyền Đen lắc đầu.

“Có thể ông ấy đã đổi tên,” ông Alberto vẫn cố thuyết phục. “Ông ấy đến từ Anh, chế tạo đồng hồ và những món đồ cơ học tuyệt vời khác.”

“Anh nghe cái này nhé!” Bà Rossella nói rồi quay cái tay quay của chiếc máy phát nhạc gắn vào khung tranh. Khi nghe thấy tiếng nhạc, Diogo đứng bật dậy trên hai chân sau và bắt đầu nhảy nhót.

Người chèo thuyền miễn cưỡng cười, sau đó lắc đầu:

“Bạn của các vị có thể nào là Pietro l’Inglese không?”

“Đúng rồi! Là ông ấy ạ!” Rick reo lên.

“Vậ thì có lẽ tôi biết tìm Đảo Mặt Nạ ở đâu...”

“Hoan hô! Vậ anh làm ơn chở chúng tôi tới đó ngay đi!”

“Tất cả mọi người ư?”

“Tôi sẽ trả tiền cho bất kỳ hư hại nào.” Ông Alberto nhanh miệng nói và ám chỉ về trường hợp của Jason.

“Thôi được.” Người đàn ông thở dài và giúp họ lên thuyền. Khi tới lượt Jason, ông ta bọc cậu trong một tấm vải và ra lệnh. “Cháu hãy ngồi im ở phía cuối. Nếu không ta sẽ ném cháu xuống phá đấy.”

(...)

“Của em đấy!” Bà Bowen reo lên và chạy tới chiếc điện thoại trên đôi dép bông lau nhà của mình. “A lô? Thế nào? Cô nói thật chứ? Tôi tới ngay đây!”

Bà gác máy và lao như chớp qua người ông chồng đang bận bịu giải ô chữ. Bác sĩ Bowen ngạc nhiên ngược mắt lên nhìn. Ông không nhớ đã từng thấy vợ mình thay đồ và ra ngoài nhanh đến vậy.

“Chào anh! Bữa tối ở trong lò nhé!” Bà nói với và kéo cánh cửa sau lưng mình lại.

Bà Edna đã phấn khích cả ngày trời. Tất nhiên rồi, điều này thường xảy ra khi bà đi làm đầu và cập nhật những tin mới trong làng... Nhưng thường thì ông không thấy bà phấn khích như vậy kể từ hồi Elton John tổ chức biểu diễn ở Torquay và một khách hàng đã tặng cho họ hai tấm vé để đi xem.

Bác sĩ Bowen tận hưởng sự yên tĩnh năm ngoài dự tính, sau đó ông quyết định ăn tối.

“Thật nhồi.” Ông Bowen đoán khi nhìn qua tấm kính của lò nướng.

Ông mở tủ lạnh để tìm bia, sau đó ông nhớ ra vẫn còn hai chai dưới hầm. Khi đi ngang qua chiếc điện thoại, ông thấy vợ mình đã để kênh máy. Định gác nó vào đúng chỗ, ông chợt nảy ra một ý tưởng. Số của Ursus là bao nhiêu nhỉ...?

Ông thử đôi ba lần trước khi nhớ ra số của ông hiệu trưởng.

“Này anh bạn già!” Ông cất tiếng chào. “Tôi đang ở nhà với một khúc thịt nhồi và hai chai bia. Sao anh không đến bầu bạn với tôi nhỉ?”

Ông hiệu trưởng ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

“Được, tôi sẽ đến chỗ anh.”

“Tuyệt. Tôi sẽ để bia vào ngăn mát.”

“Này, nói xem nào, anh biết về việc liên quan đến người đã chết chưa?”

“Gì cơ?” Bác sĩ Bowen lầm bầm.

“Cô Stella đã báo với tôi,” Ursus Marriet giải thích. “Họ có một buổi họp mặt tại nhà bà Biggles... Có cả vợ anh đấy... À, anh có nhớ người chủ cũ của Biệt thự Argo không?”

“Anh nói về ông Moore sao? Phải, ông ta đã mất năm ngoái rồi.”

“Chính là việc đó đấy. Dường như ông ta vẫn chưa chết. Hôm nay có người đã thấy ông ta trong làng, trên một chiếc Chevrolet màu xám hay gì đó đại loại thế...”

“Anh đang đùa sao?”

“Không hề. Lời mời của anh vẫn còn hiệu lực chứ?”

“Quý tha ma bắt, có chứ...” bác sĩ Bowen nói, “miễn là anh phải đến thật nhanh!”

## Chương 23

# ĐẢO MẶT NẠ

---

**C**on thuyền gondola lướt đi trên phá, dần bỏ lại Venice sau lưng. Dưới ánh hoàng hôn, mặt nước rực màu và bốc lên những luồng hơi nước.

Bây giờ tập trung ở những đụn cát nông, còn bọn lơ lửng trôi dưới mặt nước xám.

“Đèn dầu.” Người Chèo Thuyền Đen ra lệnh khi trời tối dần và nước trở nên sẫm màu hơn.

Không còn mặt trời sưởi ấm, một màn sương hơi nước mỏng manh bắt đầu dâng lên trên con phá. Người Chèo Thuyền Đen đầy tự tin đưa con thuyền lướt đi.

Làn sương nhanh chóng bốc lên quanh họ như một bức tường mỏng. Bị vây quanh bởi một màu xám, họ tiếp tục di chuyển trên dòng nước và đặt trọn niềm tin vào khả năng định hướng của người chèo thuyền.

Cuối cùng, sau một khoảng thời gian tưởng như vô tận với bọn trẻ, mũi thuyền cũng chạm vào bờ cát và dừng lại.

“San Giorgio dell’Alga.” Lúc ấy Người Chèo Thuyền Đen nói, chiếc khuyên tai vàng của ông ta lóe lên dưới ánh đèn dầu. “Đảo Mặt Nạ.”

Bọn trẻ bước xuống trước rồi giúp kéo con thuyền lên cạn. Họ đang ở trên một bãi biển phủ đầy tảo rồi dần nhường chỗ cho một cánh rừng. Cách đó không xa có một con đường mòn nhỏ ngoằn ngoèo dẫn vào sâu trong lòng hòn đảo.

“Hòn đảo chỉ có lác đác vài ngôi nhà và nằm cả ở bờ đông...” Người Chèo Thuyền Đen giải thích. “Ở phía ngược lại có một tu viện, Pietro l’Inglese sống cùng các vị linh mục trong ngôi nhà gỗ ngay sát tường bao. Các vị sẽ không mất quá mười phút để tới đó.”

Rick gật đầu.

“Chúng ta đi chứ?”

Ông Alberto và bà Rossella nhìn nhau.

“Nếu các cháu không phiền, chúng ta sẽ ở đây để chờ các cháu.” Bà Caller khẽ nói và nhìn quanh quất đầy ngờ vực.

“Không sao ạ.” Rick nói, thực ra cậu bé cũng hơi sợ vẻ mù mịt của hòn đảo. “Bọn cháu chỉ làm một loáng là xong.”

Bà Rossella nắm chặt tay Julia như để dặn cô bé hãy cẩn thận. Cô bé bế Diogo theo mình và mất hút vào con đường mòn cùng hai cậu bạn.

Một lúc sau có tiếng cành cây gãy.

“Anh Alberto? Cái gì vậy?” Bà Rossella hỏi và đưa ánh nhìn dò xét vào màn sương xung quanh.

Khu rừng đầy vẻ ma quái quanh con đường mòn. Thân cây và cành cây màu đen đan vào nhau thành những hình thù méo mó trên nền sương xám. Lũ chim vỗ cánh bay đi, gửi vào màn đêm những tiếng kêu nghèn nghẹt. Khi tới chỗ con đường chia nhánh, bọn trẻ rẽ sang hướng tới tu viện.

“Chỗ này khiếp thật...” Rick nói.

Một con cú rúc lên từ một cành cây ngay gần Julia khiến cô bé nhảy dựng lên vì sợ. Julia hoảng hốt nắm lấy tay Rick. Chẳng nói lời nào, hai đứa nắm tay cho tới khi chúng tới bức tường bao.

Phía bên kia bức tường, ba đứa trẻ thấy tòa nhà thấp và vuông vức của tu viện. Chúng men theo mạn trái tu viện, nơi bức tường dốc dần lên phía trên.

Từ trên cao chúng có thể quan sát rõ hơn toàn bộ tu viện, đó là một công trình lớn nổi lên trong sương mờ như thể chiếc mai của một chú rùa khổng lồ. Theo hướng chúng đang đi có một nhà thờ nhỏ với tháp chuông thấp lè tè. Từ những ô cửa sổ nhà ăn hắt ra ánh nến và văng vẳng một khúc ca du dương từ dàn đồng ca những giọng trầm đang hát tiếng La-tinh.

Chăm chú quan sát qua màn sương, Jason, Julia và Rick đã trông thấy nơi ắt hẳn là chỗ ở của ông Peter. Đó là một ngôi nhà gỗ được dựng giữa tường bao và mặt sau của nhà thờ. Những ô cửa sổ đang sáng đèn, nghĩa là bên trong nhà có người.

Tiến lại gần hơn nữa, bọn trẻ chẳng khó khăn gì để nhận ra giọng nói the thé của Obliva Newton.

“Mình nói rồi mà...” Julia khẽ nói. “Cô ta đã đến trước.”

“Hãy leo qua chỗ này và cố nghe xem họ nói gì nào.” Jason đề nghị.

Được màn sương che chắn, Bá Tước Tro quan sát xung quanh một cách thận trọng. Rồi rốt cuộc ông ta cũng tháo chiếc mặt nạ ra. Ông ta hít thở thật sâu bầu không khí trong lành, đặt đèn dầu xuống đất và vươn vai. Sau đó ông ta bắt đầu huýt sáo và tự hỏi mình còn phải chờ bao lâu nữa.

Dẫu vậy điều ấy không làm ông ta lo lắng: trong hai ngày mà ông ta đã kiếm được nhiều tiền hơn cả một năm. Và chỉ phải tìm một người thợ đồng

hồ. Khi họ tới chỗ những ngôi nhà trên đảo San Giorgio, ông ta chẳng mất nhiều thời gian để tìm đường đến tu viện.

Bá Tước Tro đã cân nhắc rất nghiêm túc ý định để người phụ nữ dễ kích động kia lại trên đảo và một mình trở về Venice, bởi một cuộc nhiệm vụ của ông ta là tìm ra Pietro l'Inglese chứ không phải làm hướng dẫn viên du lịch cho cô ta.

Tuy nhiên, vì hy vọng có thể dễ dàng kiếm thêm một vài đồng nữa nên ông ta đã quyết định ở lại chờ.

Để giết thời gian, ông ta dạo một vòng quanh đảo bằng cách đi bộ thư thả dọc theo con đường mòn duy nhất chia hòn đảo thành hai phần tách biệt. Tuy nhiên, trong lúc đi dạo, Bá Tước Tro nghe thấy những giọng nói đang tiến lại gần. Rất nhanh, ông ta đeo lại mặt nạ và lẩn vào trong rừng.

Một lát sau, ông ta thấy ba đứa trẻ đi ngang qua, một trong số chúng mặc bộ đồ màu đen lạ lùng phủ đầy lông chim.

Tò mò, ông ta xuống xem bọn trẻ đi ra từ đâu. Trên bãi, ông ta thấy ánh sáng từ một chiếc đèn dầu trên thuyền gondola và tiến lại gần để xem liệu có ai ở đó không.

Qua làn sương, ông ta nhận ra bóng ba người. Trong lúc tiến lại gần hơn nữa, ông ta đã giẫm phải một cành cây mà không để ý.

“Anh Alberto? Cái gì thế?” Khi bà Caller cất tiếng hỏi, Bá Tước Tro nhận ra ngay lập tức.

“Không có gì đâu, em yêu. Chỉ là con vật nào đó thôi...”

Bá Tước Tro dỏng tai lắng nghe.

“Hy vọng bọn trẻ đi nhanh rồi về.” Một lát sau bà Rossella nói.



“Ngôi nhà của người thợ đồng hồ không xa lắm.” Người chèo thuyền đưa họ tới đó lên tiếng trấn an.

Người thợ đồng hồ ư? Cả họ cũng tìm ông ta sao? Người thợ thủ công kỳ quái đó có gì mà quan trọng đến thế nhỉ?

Bá Tước Tro cười khẩy: có lẽ đã tới lúc để mắt tới ông Pietro l’Inglese bí ẩn kia. Và có khi đến cuối ngày ông ta sẽ tìm được lý do hoàn hảo để tống cặp vợ chồng Caller vào tù.

(...)

Khi điện thoại ở Biệt thự Argo đổ chuông, ông Nestor đang tìm cách sắp xếp lại những món đồ mà Don Diego và Dieguita đã cố lấy cắp. Ông phát hiện ra hai chiếc đèn đã vỡ tan tành và một bức tượng nhỏ bị mất đầu.

“Có lẽ cần chút keo...” Ông nghĩ.

Điện thoại tiếp tục đổ chuông.

“Vâng?” Người làm vườn thở hển hển bước qua những miếng giẻ lau và chộp lấy ống nghe. Ông mất vài giây để hiểu ra mình đang nói chuyện với ai.

“Bà Biggles, làm ơn, hãy hít thở đi đã! Tôi chẳng hiểu gì cả!”

Ông đặt những thứ cầm trên tay còn lại xuống đất và ngồi xuống.

“Vâng, tôi đây. Tôi là Nestor. Quán Gió thì có liên quan gì...? Dĩ nhiên tôi biết nó là khách sạn! Sao? Ông chủ cũ đang ở Quán Gió ư? Ông Ulysses Moore ư? Nhưng... nhưng... không thể nào. Ai đã trông thấy ông ấy? Một bức ảnh sao? Là cha Phoenix đã thấy ông ấy sao? Bà chắc chứ?”

Bà Biggles cao giọng và cuối cùng ông Nestor đầu hàng:

“Được rồi, tôi sẽ tới xem sao. Chắc chắn. Tôi tới ngay đây. Được, cứ làm như các vị muốn... Hẹn gặp mọi người ở Quán Gió... Được, tất nhiên. Hẹn sớm gặp lại, bà Cleopatra.”

Khi gác máy, đầu ông quay cuồng hàng nghìn suy nghĩ và ý nghĩ sắp xếp lại Biệt thự Argo đột nhiên trở nên kém quan trọng nhất trong tất cả. Ông Ulysses Moore đang ở trong thành phố ư? Nhưng... sao có thể như vậy?

Ông đặt bữa những món đồ xuống và lượm những miếng giẻ ở sàn lên. Sau đó ông đi một vòng thật nhanh quanh ngôi nhà để đóng cửa ra vào và cửa sổ rồi ra ngoài.

Phương án xuống làng bằng xe đạp bị loại, trời đã tối, hơn nữa hôm nay ông đã làm quá nhiều việc vất vả rồi.

“Cố lên, người đẹp! Chúng ta đi xem chuyện gì đang xảy ra nào.” Ông bắt gặp ánh mắt chăm chú của cô ngựa Ariadne.

## Chương 24

# CUỘC GẶP

---

**L**eo lên bức tường bao của tu viện, Rick và Jason đã vào được tầng hai ngôi nhà gỗ của ông Peter, nơi có một cánh cửa sổ không được đóng. Trước khi tới chỗ hai cậu bé, Julia ra lệnh cho Diogo hãy giữ yên lặng và ngoan ngoãn chờ chúng ở đó. Sau đó cô bé cũng leo lên, trèo qua cửa sổ và vào một cái xưởng đầy những món đồ cơ học lạ lùng: nào búa nhỏ, lò xo, nào khung và các khớp nối bằng kim loại. Có một cánh cửa đang đóng thông với nhà thờ. Phía bên kia căn phòng là cầu thang gỗ dẫn xuống dưới. Qua những thanh gỗ của sàn nhà, ánh sáng của rất nhiều ngọn nến cùng lời qua tiếng lại của một cuộc tranh luận nảy lửa từ tầng dưới lọt lên.

Bọn trẻ nhón chân tới phía chiếu nghỉ cầu thang, lom khom ở bậc thang trên cùng, lần đầu tiên chúng nhìn thấy ông Peter Dedalus: một người đàn ông nhỏ bé, đeo kính và có cái mũi dài, trông vô cùng khổ sở bởi sự có mặt đầy kích động của Oblivia Newton.

“Lúc nào cũng ngáng đường!” Jason bức xúc nói. “Giờ mình sẽ đi và...”

“Suyt! Trước hết hãy nghe xem họ nói gì đã!” Rick giữ cậu lại.

“Tại sao cô cứ làm khổ tôi thế?” Ông Peter lắc đầu kêu than. “Sao cô cứ dai dẳng như vậy?”

“Peter, cưng à...”

“Và đừng có gọi tôi là CƯNG!” Ông rên rĩ. “Tôi biết rõ là cô chẳng quan tâm gì đến tôi! Tôi biết rõ là cô đã luôn lừa dối tôi và cô vẫn đang tiếp tục làm vậy! Cô... cô chỉ muốn biết về những cánh cửa... và về những chiếc chìa khóa... Cô muốn biết chúng tôi đã làm gì, và vì sao lại làm vậy.”

“Ôi, không đâu. Anh nhầm rồi, Peter. Em đâu có quan tâm. Em biết rõ bọn anh đã làm gì rồi: bọn anh đã cố giấu tất cả những cánh cửa. Và thu hồi tất cả những chiếc chìa khóa. Tất cả, ngoại trừ hai chiếc.”

Chiếc chìa khóa có tay cầm hình mèo và sư tử thấp thoáng trong cổ áo Oblivia.

“Chiếc chìa khóa sư tử!” Người đàn ông bé nhỏ thốt lên. “Nhưng... cô không thể nào có nó, Oblivia!”

“Nó là chìa khóa của chúng ta mà anh Peter. Chiếc chìa khóa mở cánh cửa mà anh đã tạo nên để...”

“Không!” Ông cắt ngang lời cô ta. “Tôi không tạo nên cánh cửa nào cả! Cánh cửa đã có sẵn ở đó rồi... Tất cả những cánh cửa đều có sẵn.”

“Ra vậy. Thông tin đầu tiên. Bọn anh không phải những người tạo nên những cánh cửa. Thế thì là ai?”

“Không ai biết cả! Tôi không biết, không ai biết, kể cả Ulysses, Penelope hay bất kỳ ai. Đó là một trong những quy tắc của chúng tôi.”

“Quy tắc ư Peter?”

Ông ấy trượt vào một góc của căn phòng, đưa tay ôm đầu.

“Phải, những quy tắc... Những quy tắc mà tôi đã phản bội.”

Oblivia lấy một chiếc ghế và ngồi lên đó.

“Nói em nghe về những quy tắc đi anh Peter.”

“Không... Tôi không thể...”

“Tại sao lại không? Bạn bè cũ của anh mất hết rồi. Chỉ còn lại mình em thôi.”

“Nhưng cô... làm thế nào cô có được chiếc chìa khóa đó?” Ông Peter khẽ hỏi. “Tôi đã mở cánh cửa ở Ngôi nhà Gương, tôi đã tháo chiếc chìa khóa và gửi nó cho Ulysses. Ông ấy lẽ ra phải cất nó ở nơi an toàn, cùng những chiếc chìa khóa khác...”

“Nhưng lại không phải vậy, cục cưng bé nhỏ ạ. Ulysses đã ở thế giới bên kia rồi và người làm vườn đã cầm nó.”

“Người làm vườn ư?” Ông Peter kinh ngạc hỏi.

“Đúng, người làm vườn.” Oblivia khẳng định kèm một nụ cười chiến thắng.

“Ông già điên khùng đó...”

“Chính là ông ta,” người phụ nữ nói. “Có lẽ ông ta đã tìm ra nơi cất giấu những chiếc chìa khóa khác và bắt đầu lấy chúng ra.”

Ông Peter nhìn cô ta chăm chú.

“Vậy thì có lẽ chính ông ta là người đã mở lại những cánh cửa. Bằng... bằng...”

“Bằng gì, anh Peter?”

“Bằng Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên.” Ông thì thầm trong một tiếng thở dài.

“Tốt lắm, anh Peter. Thông tin thứ hai. Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên là gì?”

“Không, tôi không thể nói điều này với cô. Nó đi ngược lại tất cả các quy tắc.”

“Những quy tắc thiêng liêng này là gì nhỉ, anh Peter?”

Người đàn ông bé nhỏ diễn thuyết, chỉ trong một hơi:

“Quy tắc thứ nhất: bảo vệ Kilmore Cove. Quy tắc thứ hai: không nói với ai về những cánh cửa. Quy tắc thứ ba: không cố tìm ra ai đã tạo nên chúng.”

Khi ông kết thúc, Oblivia chờ một giây rồi phá lên cười.

“Đây là những quy tắc kinh khủng của các bạn anh à? Ôi, trời ơi, xúc động quá... tôi cứ tưởng mình đã quay lại thời của các hướng đạo sinh: không đốt rừng và không giết hại động vật! Và giúp em thỏa mãn tính hiếu kỳ của mình đi, ai là người đặt ra chúng?”

“Là Moore.”

“Vậy chính Ulysses Moore huyền thoại là vị quan tòa vô hình của toàn bộ chuyện này ư? Vậy anh nói xem... chuyện gì sẽ xảy ra nếu các anh khám phá ra ai là người đã tạo nên những cánh cửa?”

“Quy tắc ấy được lập ra sau khi bọn tôi đã thử tìm ra điều đó bằng mọi cách. Và sau mỗi lần chúng tôi phải đầu hàng trước một điều bí ẩn hay phải liều mạng mình.”

“Còn Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên, anh Peter?”

Đúng lúc ấy có tiếng chó sủa phía ngoài tường bao.

“Để mình đi...” Julia nói khi nghe thấy Diogo sủa.

Jason đặt một tay lên vai cô bé.

“Không. Em đi cho.”

Cậu băng qua căn phòng và cẩn thận không gây ra tiếng động, sau đó từ ô cửa sổ cậu lại nhảy lên bức tường bao. Khi cậu kịp chạm đất ở phía bên kia thì chú chó cũng đã ngừng sủa.

“Diogo!” Jason thì thào tìm chú chó ở quanh đó. Rồi cậu đi về hướng khu rừng. “Diogo, mày biến đi đâu rồi?”

Bỗng cậu thấy như chú chó đang nằm sõng soài bất động ở giữa con đường mòn.

“Diogo?”

Cậu bé chằm chằm lại gần, tin rằng mình đã nhầm.

Một bàn tay đeo găng chộp lấy vai cậu từ phía sau và một chiếc mặt nạ hình chim mỏ khoằm hiện ra.

“Cấm cử động, nhóc con, hoặc không ta sẽ kết liễu con chó của mày...” Bá Tước Tro rít lên.

Oblivia nhìn ra ngoài cửa sổ, rồi khi chó đã ngừng sủa, ả quay lại cuộc hỏi cung.

“Nào, nói xem, anh Peter... Tại sao lại có những điều bí mật này?”

“Kilmore Cove có nguy cơ trở thành một ngôi làng của những kỳ quan, nơi người ta mua vé để thăm quan.” Ông khẽ nói.

“Cái đó gọi là kinh doanh, cưng ạ, và nó chẳng có gì là xấu cả.”

“Bọn tôi lại nghĩ khác.”

“Chà nghe kìa, họ mới lãng mạn làm sao! Thay vì cho cả thế giới biết về sự tồn tại của một nơi đáng kinh ngạc như Kilmore Cove, các anh lại chọn... chọn cách giấu nó đi! Làm cho nó biến mất. Giấu một ngôi làng ở giữa thế kỷ 21! Các anh có hiểu không? Có Internet, có vệ tinh, cả điện thoại di động nữa chứ... chúng ta đang ở kỷ nguyên của truyền thông và các anh... các anh lại làm gì vậy?”

“Bọn tôi không tạo ra các trang mạng và cũng không xây dựng những khách sạn sang trọng. Đó là quy tắc đầu tiên của chúng tôi: bảo vệ Kilmore Cove. Có lẽ để bảo vệ ngôi làng, chúng tôi cũng sẽ từ bỏ cả việc du hành xuyên thời gian.”

“Nhưng sau đó... thật không may là em lại tới. Và em tình cờ gặp được mắt xích yếu nhất trong nhóm.” Oblivia lại gần ông Peter và quấn ông trong một làn hương. “Và mắt xích yếu bắt đầu hát líu lo.”

“Tôi đâu có hát! Tôi... tôi cứ nghĩ rằng cô giống tôi. Tôi đã yêu cô!”

“Cứng à, cả em cũng đã yêu anh. Nhưng anh, thay vì nói cho em mọi chuyện... anh lại đi vào một ngày đẹp trời và bỏ lại em một mình.”

“Cô không yêu tôi, Oblivia...” Ông Peter nức nở. “Cô chỉ muốn biết cách kiểm soát những cánh cửa.”

“Nếu là vì điều này thì giờ em vẫn muốn biết. Có thể nói đó là món quà cuối cùng anh tặng em, Peter... để khiến em biến mất mãi mãi. Nói tiếp đi cưng, đừng khiến em phải cầu xin anh chứ...” Oblivia thềm thì và đan những ngón tay sơn màu tím vào những sợi tóc của người thợ đồng hồ.

Ông Peter yên lặng một hồi lâu, ngây ngất bởi mùi hương vô cùng ngọt ngào của Oblivia. Sau đó ông tiến đến một chiếc tủ ngăn kéo, lấy ra từ đó một cuốn album cũ và một chiếc máy ảnh kỳ quặc. Ông đặt cả hai lên bàn và nói:



“Thực ra tôi rất nhớ Kilmore Cove... và những người quen biết. Trong những năm này tôi chẳng làm gì khác ngoài việc nghĩ về họ. Về mọi người. Tôi đã ngắm họ trong những bức ảnh cũ kỹ này gần như hàng ngày.”

Oblivia lơ đãng mở cuốn album.

“Sau khi tới Venice được vài tháng, tôi đã thử quay trở lại.” Ông Peter nói tiếp. “Tôi đã trở lại phố Tình Bạn để xem liệu cánh cửa còn mở không. Nhưng nó đã bị đóng. Tôi nghĩ ai đó đã vào đó thay vào chỗ của tôi và tới Kilmore Cove... Ngay cả khi, cô biết đấy, cánh cửa được giấu rất kỹ.”

“Hiển nhiên là vậy rồi. Người trong ảnh này là ai thế?”

“Cha Phoenix.” Ông Peter nói và nhìn cuốn album.

Oblivia giở sang trang.

“Còn người đứng với anh ở gần ngọn hải đăng?”

“Đó là Ulysses.”

“Đây là Ulysses Moore sao?” Oblivia thốt lên và nhìn bức ảnh chăm chú hơn. “Quý tha ma bắt. Bức ảnh này được bao lâu rồi?”

“Ít nhất là hai mươi năm.” Ông Peter trả lời.

Oblivia ngó lơ cuốn album và quay lại câu chuyện lúc nãy.

“Nào cưng, anh đã làm gì khi phát hiện cánh cửa đã bị đóng?”

“Tôi tin chắc rằng những người khác đã tìm thấy nó... và đóng cánh cửa lại.”

“Xin lỗi, tìm thấy gì cơ?”

“Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên. Chiếc chìa khóa kiểm soát được tất cả những cánh cửa.” Ông Peter chỉnh lại cặp kính trên mũi rồi đi quanh chiếc bàn. “Ban đầu bọn tôi tin rằng đó chỉ là truyền thuyết. Sau đó tôi đã phân tích tất cả ổ khóa, từng cái từng cái một. Và tôi chắc chắn rằng có thể tồn tại một chiếc chìa khóa có khả năng đóng và mở tất cả chúng, giống một chiếc chìa khóa vạn năng. Ulysses đã tìm thấy ẩn ý về Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên trong một cuốn sách cũ trong thư viện của ông ấy: Sổ tay của Những người trốn chạy. Chìa khóa, ổ khóa, lối đi bí mật và cơ chế tẩu thoát. Trong số nhiều bài báo, có một bài do cụ Raymond của ông ấy viết về những cánh cửa của Kilmore Cove với nhiều hình vẽ về Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên. Chiếc chìa khóa vạn năng.”

“Tuyệt, nó chính xác là những gì em cần, một chiếc chìa khóa có thể mở tất cả những cánh cửa của Kilmore Cove!” Oblivia rú lên.

“Không chỉ của Kilmore Cove,” ông Peter thở dài giải thích, “mà của tất cả những Cánh cửa Thời gian khác. Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên là chìa khóa vạn năng của những người tạo nên các cánh cửa, chiếc chìa khóa mà chính họ đã sử dụng để di chuyển trong thời gian, tới tương lai và quay lại quá khứ.”

“Lại là những người tạo nên các cánh cửa... Nhưng họ là ai mới được cơ chứ?”

“Chúng tôi không biết.” Ông Peter nhắc lại. “Chúng tôi cũng chưa từng khám phá ra điều đó. Nhưng... khi chúng tôi quyết định giấu những cánh cửa và nghiên cứu kế hoạch để làm Kilmore Cove biến mất khỏi bề mặt Trái đất thì chúng tôi thấy cần phải tìm được Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên. Bởi nếu nó thực sự tồn tại, nó không chỉ cho phép chúng tôi mở tất cả các cánh cửa mà cả đóng chúng lại nữa.”

“Đóng chúng lại nghĩa là sao?”

“Khi cô bước qua một cánh cửa từ Kilmore Cove, nó sẽ mở cho đến khi ai đó bước qua nó theo chiều ngược lại. Ở chiều này thì không thể đóng nó lại. Đó là một cuộc du hành mở tới chỉ một hướng duy nhất: Kilmore Cove.”

“Anh hãy giải thích rõ hơn đi...”

“Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên có thể mở và đóng những cánh cửa từ cả hai đầu. Ai sở hữu nó có thể mở và đóng vĩnh viễn kết nối giữa những bến cảng trong mơ. Nó có thể khiến một nơi không bao giờ có thể tiếp cận được nữa, đồng thời gìn giữ và bảo vệ nó khỏi mọi nguy hiểm. Đó là chiếc chìa khóa duy nhất có thể làm được điều đó.”

Oblivia Newton tưởng tượng có hàng nghìn cánh cửa bị đóng nằm rải rác khắp nơi trên thế giới mà cô ả có thể mở lại từng cánh một, lần nào cũng được vùi mình vào sự giàu có không thể đo đếm.

“Em muốn có nó.” Ả nói.

Ông Peter mỉm cười.

“Tất cả chúng ta ai cũng muốn có nó. Lúc đó chúng tôi chỉ cách nó một bước. Nó đã ở gần. Rất gần. Tuy nhiên sau đó tôi đã bỏ trốn... Tôi đã canh chừng. Và bởi trong một thời gian dài không thấy ai tới Venice, nên tôi tin rằng Ulysses và Penelope cuối cùng đã tìm thấy nó và họ đã sử dụng nó để đóng tất cả những cánh cửa của Kilmore Cove và...”

“Và gạt em ra.” Oblivia nói nốt. “Anh không dối em, phải không? Anh không có Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên bên mình chứ?”

“Tiếc là không! Nếu có Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên, ít nhất tôi đã trở về để thăm Kilmore Cove một lần rồi.”

Người phụ nữ bắt đầu bực bội đi lại trong phòng, sau đó cô ta dừng lại gần giá để nển đang thấp sáng.

“Vậy thì nó đang ở đâu?”

“Nếu họ chưa tìm thấy nó thì tôi không biết. Nhưng vì những cánh cửa đã đóng trong một thời gian dài... tôi tin rằng họ đã tìm thấy nó. Và nếu như vậy thì nó đã an toàn cùng những chiếc chìa khóa khác.”

“Ở đâu?”

“Cô hãy hỏi Ulysses Moore ấy.”

“Moore chết rồi, Peter ạ! Em đang hỏi anh bởi anh là người duy nhất còn sống!”

“Black cũng mất rồi sao?”

“Black ư?” Oblivia Newton hỏi. “Black là ai?”

“Núi Lửa Đen. Người lái tàu. Khi tôi bỏ đi, vẫn còn ba người họ: Ulysses, Penelope và anh ta.”

“Chẳng có Núi Lửa Đen nào ở Kilmore Cove hết.”

Ông Peter cho cô ta xem một bức ảnh trong cuốn album của mình.

“Ông ấy đây, với bộ râu ấn tượng. Trong số bọn tôi, ông ấy là người có niềm tin sắt đá về sự tồn tại của Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên.”

“Núi Lửa Đen...” Oblivia lẩm bẩm. “Vậy là vẫn còn một người.” Cô ta trải tấm bản đồ chỉ dẫn những cánh cửa của Kilmore Cove lên trên bàn và hỏi. “Ông ấy từng sống ở đâu?”

“Chỗ này, ở ga tàu.”

Oblivia rú lên và chỉ vào một điểm trên tấm bản đồ bằng móng tay sơn tím.

“Có một cánh cửa ở nhà ga. Em cá là anh cũng biết làm thế nào để mở nó.”

“Bằng chiếc chìa khóa hình ngựa, nếu tôi nhớ không nhầm...”

Oblivia túm lấy gáy ông Peter và in lên giữa trán ông một nụ hôn.

“Giỏi lắm, cưng à. Anh thực sự rất giỏi. Còn bây giờ, nếu anh không phiền... hãy nói cho em chiếc chìa khóa hình ngựa đang ở đâu.”

“Ngược lại, bây giờ nếu không phiền thì...” một giọng nói xen ngang, “các vị sẽ nói cho tôi biết chính xác các vị đang nói về cái gì, bởi tôi e rằng mình đang bị rối một chút. Nhưng trước hết, tôi xin được thể hiện phép lịch sự. Rất hân hạnh, ông Pietro l’Inglese... Cô Newton, chúng ta lại gặp nhau.” Với chiếc đèn dầu trong tay, Bá Tước Tro bước vào, ông ta cúi chào hài hước rồi quăng Jason ra giữa phòng.

(...)

Manfred xoay sở với con dốc Salton Cliff bằng thái độ cáu bẳn, sự thâm trầm của động cơ chiếc Bọ Cát ì ì ạch đương nhiên không làm cho tâm trạng gã khá hơn. Gã không muốn nghĩ tới cái xe cà tàng đó nữa. Gã muốn quay lại Biệt thự Argo và lấy lại chiếc ô tô thể thao của Oblivia mà gã đậu trong sân.

Manfred nhớ như in rằng mình đã để chùm chìa khóa trên bảng đồng hồ. Gã hoàn toàn dừng dừng về chuyện đã xảy ra với chiếc xe thể thao màu đen sau khi gã ngã xuống từ mỏm đá. Dù vậy gã vẫn định tìm hiểu xem sao.

Rồi trong khi uể oải nghiêng người theo những khúc cua, gã lại nghĩ tới những khám phá mới của mình: trước hết là sự trở về của Ulysses Moore. Tại sao ông ta lại rời xa ngôi làng bằng cách giả chết? Và nhất là vì sao ông ta lại quay về? Ông ta giờ đang ở đâu? Manfred đã từng cho rằng ông ta ở ngay tại Biệt thự Argo. Cũng vì thế mà gã đã quyết định lên trên đó lần thứ hai dù Oblivia đã cấm tiệt gã làm điều đó.

Gã đã hộ tống cô thợ làm tóc về cửa hàng và xin cô một tấm danh thiếp với ý định sẽ gọi cho cô ngay khi vụ mấy cánh cửa được giải quyết xong. Rồi

gã quay lại Ngôi Nhà Gương để kiểm tra xem Oblivia đã ra khỏi đó chưa, và vì không thấy ai nên gã đã quyết định đi ngay tới Biệt thự Argo.

Trong lúc đương đầu với những khúc cua tay áo, Manfred phát hiện ra gã đang lái xe ra giữa đường: độ cao của vách đá ấy khiến gã khó chịu. Nó quá cao. Và còn dốc thẳng đứng nữa.

Khi đang leo chậm như rùa bò, chiếc Bọ Cát chồm lên vì bị một cơn gió mạnh bất chợt dội tới từ bên hông. Manfred phải bẻ lái trên không mất vài mét trước khi có thể đưa mũi xe trở lại mặt đất và tiếp tục cày đường nhựa.

Ở khúc cua tay áo kế tiếp, con đường men theo bờ vách đá, gã tài xế của Oblivia Newton chêm chệ ở giữa con đường và nhìn chăm chăm vào biển đầy cảm hờn.

Có tiếng ngựa hí.

Manfred nghe thấy một tiếng ngựa hí và quay lại nhìn đường. Bất chợt, từ khúc cua cuối đường xuất hiện một cỗ xe độc mã được một con ngựa đang phi nước kiệu kéo đi.

“Ôi, quỷ tha ma bắt!” Manfred thốt lên và chộp lấy vô-lăng.

Để né cỗ xe độc mã, gã nhấn ga và quẹo về phía rìa ngoài của con đường. Đúng lúc đó, cơn gió thứ hai nhắc bổng mũi chiếc Bọ Cát khiến nó chồm lên.

“Ôi, không! KHÔNGGG!” Gã hét lên khi thấy đã hết đường.

Gã bỏ vô-lăng để lao ra khỏi chiếc xe, nhưng bị mắc lại trong dây an toàn. Gã tháo được nó vào chính khoảnh khắc bánh chiếc Bọ Cát đang cào xé không khí và mũi xe bắt đầu chúi xuống dưới.

Vào không trung.

Manfred thoát khỏi dây an toàn và lao xuống. Và, lần thứ hai trong vòng ba ngày, gã ngã khỏi vách Salton Cliff.

## Chương 25

# LỬA PHÙNG PHÙNG

---

**T**rong ngôi nhà gỗ của ông Peter Dedalus, mọi việc xảy ra chớp nhoáng. Cả Rick lẫn Julia đang đứng trên bậc cao nhất của cầu thang dẫn lên tầng trên, đều không thể hiểu được diễn tiến của sự việc.

“GIỜ CÁC NGƯỜI HÃY GIẢI THÍCH RÕ VỚI TA MỌI VIỆC ĐI!” Bá Tước Tro hét lên, bước đi đầy hăm dọa tới chính giữa căn phòng. “Phố Tình Bạn là gì và những cánh cửa là thế nào?”

Khi ông ta tới gần chỗ Jason, cậu bé mau lẹ nhắc chân và thọc mạnh vào giữa hai mắt cá chân của tên bảo vệ bí mật.

Bá Tước Tro bổ nhào về phía trước, bị tấm áo choàng cản trở, ông ta ngã nhoài và đánh vỡ chiếc đèn dầu.

“Biến thôi!” Oblivia gào lên với ông Peter đang thu mình trong góc phòng. “Chúng ta đi thôi!”

Oblivia chuẩn bị bước qua người tên bảo vệ bí mật. Tuy nhiên, Bá Tước Tro đột ngột xoay người lại và tóm lấy chân ả.

“Julia, Rick! Mau đi đi!” Jason hét lên với hai người bạn đang nấp ở tầng trên.



“Buông ra! Buông ta ra!” Oblivia ré lên và tung những cú đá điên cuồng cho đến khi đập phăng chiếc mặt nạ của Bá Tước Tro.

Chính vào lúc ấy, vì ở quá gần những cây nến, bộ đồ của Oblivia đã bắt lửa.

Cô ta bắt đầu gào lên the thé, giật tấm áo choàng đã bị lửa quấn quanh và quăng nó lên người Bá Tước Tro. Trong tích tắc, cả tấm áo choàng của ông ta cũng bắt lửa rồi ngọn lửa lan ra cả sàn nhà loang dầu đèn.

Ngay khi Julia thấy ngọn lửa bùng lên và nghe tiếng hét của Oblivia cùng Bá Tước Tro, cô bé liền gào toáng:

“JAAASON! Người em dính đầy hắc ín đấy! Chạy mau đi!”

Julia lao xuống các bậc cầu thang nhưng mới được nửa chừng đã phải dừng lại. Trước lưỡi lửa và đám khói xám mù mịt, cô lùi lại và bắt đầu ho.

“JAAAASON!” Một lát sau Julia tiếp tục hét lên. Cô bé giơ khuỷu tay lên che mặt và bước thêm hai bậc thang nữa, lao vào đám lửa.

Thình lình, chiếc cầu thang gỗ gãy rời, một tiếng rắc khô khốc vang lên và Julia ngã vào khoảng không.

Ngay khi đám cháy bùng lên, Jason lăn trên sàn nhà như một cái thùng phuy tới góc phòng nơi ông Peter Dedalus thu mình. Trong tiếng gào thét của Oblivia và Bá Tước Tro, cậu cảm thấy một lớp nhiệt âm ỉm bao quanh lưng mình.

Ấy thế mà thay vì bắt lửa, hắc ín dường như lại giúp cậu cách ly khỏi nó.

“Ông Peter, hãy đi thôi!” Cậu hét lên với người thợ đồng hồ. “Nhanh lên ông! Chúng ta phải đi khỏi đây!”

Tuy nhiên, người đàn ông bé nhỏ cứ đứng bất động nhìn chăm chăm ngọn lửa hung dữ đang ngấu nghiến ngôi nhà của mình.

“Oblivia...” Ông Peter thầm thì như bị thôi miên. “Ta phải cứu Oblivia...”

“Đừng, ông Peter!” Jason hét lên. “Chúng ta phải ra bằng cửa sổ! Ở phía sau ông, cố lên nào!”

Jason nắm lấy cổ tay của người thợ đồng hồ, còn ông nhìn cậu bé bằng một ánh mắt vô hồn.

“Cháu là ai?”

“Cháu tới từ Biệt thự Argo.” Jason trả lời không do dự.

Ông Peter đặt cả hai tay lên vai cậu bé và nói:

“Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên ở đó, cậu bé ạ. Nó đã luôn ở đó!”

“Ở đâu cơ ạ?”

“Ở Biệt thự Argo...” Người đàn ông nhỏ bé thì thầm trước khi vùng thoát ra. “OBLIVIA!” Ông Peter hét lên và tiến về phía ngọn lửa.

“Không, ông Peter! Ông hãy quay lại đi!”

Nhưng người thợ đồng hồ chẳng nghe cậu. Ông lao vào đám cháy và biến mất trong ngọn lửa. Jason vô cùng kinh hãi khi thấy bóng ông mất hút giữa làn khói.

Sau đó cậu bé sụp mắt xuống và bật khóc: vài chiếc lông vũ trên người cậu đã bắt lửa. Ngọn lửa đã lan tới cái bàn và cuốn album, làm quăn queo từng bức ảnh một. Khi Jason tóm được cuốn album, nó đã tã ra thành hàng ngàn con điều nóng rực và chỉ còn lại một vài bức ảnh cháy sém trong tay cậu.

Tiếng la hét đã ngừng. Chỉ còn âm thanh lách tách của lửa.

Jason lùi lại tới chỗ ô cửa sổ, cậu cố gắng mở ra nhưng nó đã bị khoá chặt.

“Mở ra nào, đồ quý tha ma bắt! Mở ra!”

Cậu nghe thấy tiếng Rick gào thét tên mình từ đâu đó, nghe thấy cả tiếng con gái hét, theo sau là một tiếng động lớn. Cậu cảm thấy khói đang len lỏi mũi mình khiến đầu óc mê muội và cậu thấy ngọn lửa liếm nhẹ vào ống quần.

Nhưng cửa sổ vẫn không mở.

Cậu ngoảnh lại phía căn phòng, chớp lấy chiếc máy ảnh vẫn nằm trên bàn và liệng nó vào ô cửa. Kính vỡ vụn. Khí lạnh của màn đêm ùa vào phòng trong phút chốc, thổi bùng ngọn lửa và khiến tâm trí cậu tỉnh táo.

Jason lấy lại chiếc máy ảnh và quay nó vòng vòng.

Sau đó cậu lao ra ngoài, vào màn đêm.

Rick tới chỗ Julia, ôm lấy cô bé và với một cú nhảy cậu đã trở lại cầu thang.

“Mình sẽ đưa cậu ra ngoài, Julia. Mình sẽ đưa cậu ra ngoài.”

Cậu bé nhanh chóng băng qua phòng thí nghiệm hoàn toàn bị khói bủa vây của ông Peter, và hướng thẳng tới ô cửa sổ mà chúng trèo vào lúc này. Những lưỡi lửa đầu tiên bắt đầu xuất hiện sau lưng Rick. Cậu nghe thấy tiếng la hét ở tầng dưới nhưng đành lòng bỏ ngoài tai.

Cậu dồn hết sức gọi Jason, sau đó mở toang cửa sổ và bước ra ngoài qua khung cửa hẹp.

“Mình sẽ đưa cậu ra ngoài, Julia, hãy yên tâm nhé.”

Nhưng ra ngoài khi dìu theo cả Julia không hề dễ như lúc đi vào.

“Đừng lo,” cậu nhắc đi nhắc lại. “Mình sẽ đưa cậu ra ngoài.”

Ôm chặt Julia bằng một cánh tay, cậu nghiêng răng nhảy về phía bức tường.

Vì tính toán nhầm nên hông Rick va vào tường, nhưng cậu vẫn không buông Julia. Giờ cậu đang vất vả với bàn tay còn lại, giống như Jason khi đu mình trên vách đá ở Kilmore Cove.

Buổi đêm lạnh như băng, màn sương là là như làn khói lỏng. Đu trên bức tường giống một chú dơi, Rick dùng chân dò dẫm tìm một điểm tựa, rồi một điểm tựa khác. Cho đến khi cậu có thể xuống được bãi cỏ.

Ngôi nhà lúc này như một ngọn đuốc không lồ sáng rực.

Rick đứng dậy, những chiếc xương sườn bên phải đang phản kháng vì cơn đau, cậu rời khỏi đó, vẫn ôm chặt Julia trong tay. Cậu nhẹ nhàng đặt cô bé trên cỏ, sau đó nghe thấy tiếng kính vỡ loảng xoảng sau lưng.

Có người đã phá cửa sổ ở tầng trệt và phi thân ra ngoài. Là Jason!

Thấy bạn mình lồm cồm đứng dậy, Rick giơ tay lên và gọi lớn:

“Bọn mình ở đây, Jason!” Sau đó cậu quay lại nhìn Julia. Dưới ánh sáng bàng bạc của màn đêm, gương mặt cô bé thật xinh đẹp. Và bất động. Rick áp tai lên tim cô bạn. Nó có đang đập không nhỉ? Hay chính trái tim của cậu đang đập cho cả hai người? Cậu áp mặt mình gần môi cô để kiểm tra xem liệu cô bé có còn thở.

“Julia... cậu còn sống phải không?”

Cô ấy đang thở. Đúng, cô ấy đang thở. Và Rick chạm môi mình vào môi cô.

Jason đứng cách đó không xa, đôi mắt đỏ ngầu vì khói, cậu thấy Rick đang cúi xuống chị mình.

Cậu chạy lại chỗ họ, nắm chặt trong tay chiếc máy ảnh của ông Peter Dedalus và một vài trang trong cuốn album.

“Rick! Chị Julia...”

Cậu bé tóc đỏ đứng bật dậy như thể lò xo.

“Cậu ấy đây! Bọn mình ổn! Mình đã đưa cậu ấy ra ngoài...”

Đúng lúc ấy có tiếng đổ lớn. Sau lưng Jason, toàn bộ cấu trúc ngôi nhà nghiêng sang một bên, ngọn lửa thoát ra từ những ô cửa sổ mở như thể bốc lên từ rất nhiều cái chụp lò sưởi. Sau đó, với tiếng rền rĩ cuối cùng, căn nhà đổ sập xuống đất.

Ông Leonard Minaxo thừa biết rằng hai tên ăn xin sẽ được ra tù trong vòng ít ngày, nhưng ông tin chúng choáng váng tới mức sẽ phải tránh xa Nhà Caboto trong một thời gian dài.

Dù sao thì, cũng chỉ cần chúng tránh xa chỗ đó thêm vài giờ nữa, đủ thời gian để họ quay về Kilmore Cove.

Ông Leonard cảm thấy hân hoan một cách lạ thường. Lại được ở Venice sau ngần ấy năm... Ông tận hưởng từng góc của khung cảnh có một không hai, khu rừng nghệ thuật lớn lên trên nước và cát ấy. Ông ngắm các thương nhân đang chỉ huy những con tàu dài có mái chèo trên kênh Lớn, rồi đi vào những con ngõ đan chéo nhau phía sau Cung Điện Công Tước với mong muốn được nhìn lại một lần nữa Xưởng Tàu Venice và công trường đóng tàu đồ sộ của nó.

Dạo bước giữa những con phố, những nơi chốn và câu chuyện trong quá khứ ủa về tâm trí ông. Leonard tìm tới một con ngõ hẹp và ẩm ướt, ở giữa ngõ có cửa hiệu nhỏ bán hàng hóa và đồ lặt vặt từ phương Đông mang tên Đồ bán lại của Zafon. Ông đẩy cửa bước vào.

“Vẫn mùi hương này!” Ông thốt lên. “Đã lâu lắm rồi mình không được ngửi!”

Một người đàn ông nhỏ bé như trái bồ kết quắt queo xuất hiện phía sau hàng hóa chất đống lộn xộn với vẻ mặt sừng sốt.

“Đôi mắt già nua của tôi nhìn nhầm, hay... đây chính là vị khách quen nhiều năm rồi tôi không được gặp?”

“Mắt ông không nhầm đâu.” Leonard nói rồi chạy tới ôm ông chủ. “Zafon! Thật may là ông vẫn còn sống, bạn của tôi ơi!”

“Từ từ! Từ từ nào! Nếu anh siết chặt thế này thì tôi sẽ chẳng sống được bao lâu nữa mất!” Ông già nhỏ bé thốt lên. “Chuyện gì đã xảy ra với anh vậy? Anh đã khám phá được những đại dương mới nào? Và cái băng trên mắt kia là gì vậy?”

“Do một con cá mập.”

“Một con cá mập... Ôi trời... chẳng còn gì để nói nữa, nó cũng là một nhà du hành biển khơi đấy!”

Hai người bạn bắt đầu rì rầm trò chuyện không dứt, thỉnh thoảng lại phá lên những tràng cười sảng khoái.

Sau đó, khi ông Leonard chào từ biệt và hứa sẽ quay lại sớm, người bạn già biến mất sau quầy rồi trở lại với hai cuốn sổ tay màu đen.

“Chắc anh không muốn bỏ lỡ thứ này! Những cuốn sổ tay tốt nhất của xưởng sản xuất giấy Venice!”

“Tôi không thể trả tiền cho chúng, Zafon...”

Ông lão vẫn đưa chúng cho ông và nói:

“Anh đã trả bằng cuộc tán gẫu này rồi, bạn của tôi ạ. Anh sẽ trả tiền cho tôi khi trở lại vào lần tới.”

“Vây chỉ vài ngày nữa thôi.” Ông Leonard nắm chặt những cuốn sổ trong tay.

Ông lão nở nụ cười móm mém và tiễn ông tới cửa.

“Trơ trẽn quá đấy! Anh cũng nói y như vậy khi tới đây lần cuối!”

Khi ngọn lửa rốt cuộc đã bị chế ngự, cư dân trên đảo giờ đã chạy tới vây kín. Nhà của ông Pietro l’Inglese chỉ còn là một đống tro đen ngòm và bốc khói. Ngồi ở đằng xa, run rẩy vì sợ hãi, Julia, Rick và Jason thấy người ta đưa một người đàn ông bất tỉnh ra khỏi đống gỗ đã cháy thành than ấy.

“Ôi trời...” Julia khẽ nói khi thấy người ấy ngang qua mình.

Đó là Bá Tước Tro, thân thể phủ kín những vết bỏng khủng khiếp. Bà Rossella ôm cô bé vào lòng, nhưng Julia lại tìm kiếm nguồn an ủi trong đôi mắt Rick. Điều đó chỉ xảy ra trong tích tắc, nhưng cậu vẫn nhận ra và cụp mắt vì bối rối.

“Cậu ta phải tạ ơn Chúa vì vẫn còn sống sót, cho dù đã bị thương nặng.” Ông Alberto Caller nói với Jason đang ngồi cạnh ông.

“Bác nghĩ mà xem, cả cháu cũng đã ở trong đó...”

Ông Alberto bỗng đứng bật dậy và lắc đầu kinh ngạc một lúc lâu.

“Còn cháu hãy nghĩ mà xem, ta đã từng quen biết cậu ta đấy...”

Bá Tước Tro hóa ra chính là người hầu nam cuối cùng của nhà Caller, người mà ông Alberto đã đuổi đi khi quyết định không muốn có kẻ trà trộn ở trong nhà.

Trong khi hai vị linh mục đưa anh ta đi chữa trị, những người khác bắt đầu tìm kiếm ông Peter và Oblivia. Người ta chỉ tìm thấy mỗi cặp kính của

người thợ đồng hồ. Trong khi đó, những gì còn sót lại của Oblivia là một mảnh áo choàng.

“Có lẽ Oblivia đã kịp thoát thân trước khi ngôi nhà đổ sập xuống.” Jason lý giải. “Nhưng ông Peter...”

Ông ấy chậm chạp và rối trí đến mức cậu bé nghĩ có lẽ ông ấy vẫn còn nằm dưới đồng đồ nát, cùng những phát minh của mình.

Diogo bước đi loạng choạng và lông lá bồm xồm hơn thường lệ, thu mình trong vòng tay của Julia. Ngay khi tỉnh lại sau cú đánh của Bá Tước Tro, nó đã chạy tới nhà ông Peter và ở đó chờ bọn trẻ.

Người Chèo Thuyền Đen đưa bọn trẻ và ông bà Caller trở lại Venice. Đó là chuyến đi vô cùng âm đạm và im lìm. Những lời cuối cùng của ông Peter cứ vang lên không dứt trong đầu Jason: “Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên ở đó, cậu bé ạ. Nó đã luôn ở đó!”

Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên ở Biệt thự Argo, vậy thì...

Cậu bé đứng ngắm Đảo Mặt Nạ đang dần biến mất vào màn đêm và làn khói từ tu viện đang bốc lên bầu trời tối thẫm. Con thuyền gondola lao đi trên mặt nước phẳng lặng chỉ gợn sóng theo từng nhịp chèo của Người Chèo Thuyền Đen.

“Các cháu chắc chắn không muốn ở lại nhà chúng ta sao?” Bà Rossella Caller hỏi ba đứa trẻ, khi họ tới Nhà Caboto. “Chỉ đêm nay thôi...”

“Không ạ, bác Rossella, cháu thực sự cảm ơn hai bác. Bọn cháu... tốt nhất bọn cháu nên trở về nhà.” Julia đáp, cô bé nhìn Diogo đang ve vẩy đuôi dưới chân mình. Cô bế nó lên và nhẹ nhàng đưa cho bà Rossella. “Cháu không nghĩ bọn cháu có thể mang nó... về nhà với bọn cháu.”



“Cháu nói thật chứ? Anh Alberto, chúng ta...” Đôi mắt của người phụ nữ ngân ngấn nước.

Ông Caller gật đầu đầy quyết đoán và vuốt ve bộ lông lờm chờm của Diogo.

“Không vấn đề gì hết, hai bác sẽ giữ nó chừng nào các cháu quay lại đón nó mới thôi...” Sau đó, ông đột nhiên quay sang nói với vợ. “Rossella, đoán quá đi mất! Bức tranh!”

“À phải rồi!” Bà nói. “Với tất cả những chuyện đã xảy ra, suýt thì bác quên mất...”

Bà đưa cho bọn trẻ bức tranh có gắn chiếc máy nghe nhạc, nhưng Julia và Rick kiên quyết từ chối.

Thế nhưng ông bà Caller vẫn cương quyết:

“Hai bác đã mang theo nó cả ngày trời, hiển nhiên không phải để mang nó trở về nhà.” Và họ giao bức tranh cho Julia.

“Cháu cảm ơn bác Alberto. Cháu cảm ơn bác Rossella!” Cô bé nói. “Thiếu các bác chúng cháu sẽ không bao giờ tìm được ông Peter. Ngay cả khi...”

“Có lẽ mọi chuyện phải diễn ra như vậy.” Jason kết luận.

Ông Alberto ôm chặt cả ba đứa cho dù chúng đều vô cùng nhem nhuốc.

“Hôm nay là một ngày lạ thường. Ngày lạ thường nhất trong đời ta. Ta chỉ hy vọng rằng một ngày nào đó các cháu sẽ kể cho ta nghe chuyện gì đã thực sự xảy ra.”

“Cháu hứa ạ.” Jason nói. “Ngay khi bọn cháu hiểu được mọi chuyện.”

“Có thể ngay ngày mai thôi nhỉ?” Bà Rossella hy vọng hỏi, bà ôm chặt Diogo trong tay đầy tình cảm.

“Có thể là ngày mai đấy ạ.” Rick nói dối.

“Vào đúng giờ ăn kem.” Bà Rossella nói. “Tại quán Venice Chiến Thắng...”

“Chắc ý bác muốn nói tới quán Cà phê Florian!” Julia chỉnh lại.

## Chương 26

# TRỞ VỀ NHÀ

---

**K**hi rớt cuộc đã thấy Kilmore Cove hiện ra sau khúc cua cuối cùng, bà Covenant thở phào nhẹ nhõm.

“Em thấy thật không thể tin nổi! Thật không thể tin nổi! Mình đã đến nơi rồi! Em muốn bước ra để hôn lên đất!”

“Mời em.” Chồng bà cười lớn, ông bật xi-nhan rồi tấp xe vào lề đường.

Ông bà Covenant bước ra trong làn gió mát lành buổi tối. Bên phải họ, ngọn hải đăng như một ngọn tháp bạc soi bóng dưới biển. Đèn của nó đang tắt.

“Chắc phải có tiệc tùng gì đó ở dưới kia.” Ông Covenant nói và chỉ về phía quảng trường ngôi làng. Dưới đó không xa, mọi người đang tụ họp đông nghịt trước nhà trọ duy nhất của Kilmore Cove.

“Nó kia rồi, ngôi nhà thân yêu của chúng ta...” Vợ ông vừa nói và vừa chỉ tay vào ngọn tháp sáng đèn của Biệt thự Argo sừng sững trên đỉnh vách đá.

Họ ôm nhau.

“Có lẽ là sau hai ngày nhâm lẫn rớt cuộc chúng ta cũng có thể bắt đầu cuộc sống mới của mình.” Bà Covenant nói.

“Ừmm...” Chồng bà âm ừ và tận hưởng sự tĩnh lặng của khung cảnh chỉ bị làm phiền bởi những tiếng nói vọng tới từ phía nhà trọ.

“Chúng ta đi chứ?” Một lát sau bà Covenant đề nghị. “Jason và Julia có lẽ đang chờ chúng ta.”

Ông Covenant mỉm cười, biết rằng bắt vợ ông xa lũ trẻ thật khó biết chừng nào.

“Chúng ta đi thôi.”

Họ lên xe và xuống làng Kilmore Cove bằng con đường dọc theo bờ biển. Khi tới trước Quán Gió, họ giảm dần tốc độ. Dường như cả làng đang tập trung ở đó.

Ông Covenant hạ cửa kính và hỏi người qua đường đầu tiên mà ông gặp:

“Có chuyện gì vậy?”

“Ông chủ cũ của Biệt thự Argo đã quay về rồi!” Người đó giải thích với ông và chỉ về phía nhà nghỉ.

“Xin lỗi, sao cơ?”

“Ông Ulysses Moore, ông chủ cũ ấy! Ông ấy không chết mà đã trở lại làng và đang khóa trái mình trong phòng nhà nghỉ.”

Một người phụ nữ với những vệt tóc vàng rực nói thêm:

“Chúng tôi đang chờ tới lúc ông ấy quyết định ra ngoài! Chuyện này không thú vị sao?”

Nhưng ông Covenant lại chẳng thấy nó thú vị chút nào. Ngược lại... Chuyện mấy tuần nay trôi qua trước mắt ông: nào liên hệ với người làm vườn của

ngôi biệt thự, nào tới thăm ngôi nhà, rồi mua nó với một mức giá thấp đến nực cười...

“Em có muốn xem liệu vợ chồng mình có bị lừa không nhỉ?” Đột nhiên ông tức giận nói và bước xuống xe.

“Ôi trời ơi, không.” Bà Covenant rên rỉ, đổ sụp trên băng điều khiển xe. “Em biết mà. Em đã cảm thấy điều này. Ngôi nhà quá đẹp... Còn chúng ta thì vừa bán căn hộ ở London!” Sau đó bà hét lên rồi đi theo chồng vào giữa đám đông.

Trước cửa quán trọ, một cô gái đang cố gắng trong vô vọng giữ đám đông đang la hét ở bên ngoài.

“Hãy bảo ông ta ra đây! Hãy bảo chúng tôi muốn nói chuyện với ông ta!”

“Đúng vậy! Chúng tôi muốn nói chuyện với Ulysses Moore!”

Ông bà Covenant cố gắng đẩy khó nhọc để thu hút sự chú ý của cô gái.

“Cô ơi... xin lỗi? Cô ơi?”

“Chúng tôi muốn gặp người chủ của Biệt thự Argo!” Bà Bowen hét lớn sau lưng họ.

“Chúng tôi muốn gặp người lái chiếc ô tô kia!” Bà Stella la lối.

Bà Covenant thấy một chiếc xe bán tải màu xám đỗ trước quán trọ. Một chiếc xe không hoàn toàn lạ lẫm... bà đã từng thấy nó ở đâu nhỉ?

“Này anh ơi...” Bà gọi chồng và kéo áo ông. “Anh nhìn đằng kia kia...”

“Chuyện về ông chủ cũ của Biệt thự Argo là sao vậy?” Chồng bà hét lên với cô lễ tân.

“Thực sự tôi cũng không biết, thưa ông...” Cô gái bối rối thanh minh. “Mọi người đến đây yêu cầu được gặp quý ông ở tầng trên, người chủ cũ của Biệt thự Argo. Ông ấy đang ở trong phòng để gọi điện và...”

“Cái xe kia chẳng phải là của Homer sao anh?” Bà Covenant thốt lên.

Giữa đám đông có tiếng rì rầm ngạc nhiên.

“Ông ấy đang mở cửa sổ!”

“Nhìn kia!”

“Ông ấy đây rồi! Là Ulysses Moore đấy!”

Một người đàn ông xuất hiện ở cửa sổ.

“Ông bà Covenant! Cuối cùng hai người đã tới!” Ông hét lớn.

Ông bà chủ của Biệt thự Argo nhìn nhau sửng sốt. Người đàn ông kia nói tiếp:

“Tôi đã thử gọi vào di động của các vị cả tiếng đồng hồ! Tôi rất sợ phải đi ra khỏi phòng, với tất cả những người này và...”

Đám đông đột nhiên im bật và tập trung lắng nghe. Ông Covenant nhận ra người đàn ông bên cửa sổ.

“Homer?” Ông ngạc nhiên hỏi.

“Ai là Homer?” Vài người cất tiếng hỏi.

“Là người chuyển nhà của chúng tôi!” Bà Covenant đáp.

“Homer, anh làm gì ở đó vậy?” Ông Covenant hỏi người đàn ông kia.

”Tôi làm gì ở đây sao? Tôi tới ở trong phòng ông đã đặt cho tôi trước và... Khi ngó ra ngoài, tôi thấy tất cả những con người tức giận này!”

Đám đông len lỏi những tiếng rầm rì thất vọng.

“VẬY là không phải Ulysses Moore...”

“Ông ấy là người chuyển nhà của những người chủ mới...”

“Ông ấy chỉ đến đây để nghỉ.”

Và chỉ trong chốc lát, mọi người tản về.

Trên đường về Biệt thự Argo, ông bà Covenant và Homer dừng lại những gì đã xảy ra: trong làng lan truyền tin đồn rằng một người lạ đang trọ tại Quán Gió và đặt phòng dưới cái tên “ông chủ của Biệt thự Argo”, bởi chính ông Covenant là người đã đặt phòng, và Agatha, cô gái làm việc ở quán trọ, do chưa biết tên ông nên đã ghi vào sổ như vậy. Ông Homer đã đi qua đi lại nhiều lần từ làng tới chỗ xe tải chuyển nhà và đội chiếc mũ thợ săn rất giống với chiếc mũ mà người chủ cũ của Biệt thự Argo từng diện.

“Thế mà họ bảo rằng không phải như những gì người ta thường nói, và rằng ở làng ai cũng chỉ biết lo việc người nấy thôi!” Bà Covenant lẩm bẩm. “Thành phố là tuyệt nhất, nếu các anh cho phép...”

Ông Covenant chỉ khúc khích cười.

Sau khi sự hiểu lầm được làm rõ, cả làng đã tới chào hỏi và nhất quyết đòi mời ông uống một cốc ở quán Salt Walker. Ông đã nhận được hàng chục cái vỗ vai chào mừng tới làng và mọi chuyện khép lại bằng một tràng cười sáng khoái.

“Vấn đề là...” ông nói và ngoảnh mặt về phía người đàn ông của công ty Homer & Homer, “thực sự chưa có ai từng gặp người chủ cũ, ông ấy vốn

sống thu mình ở Biệt thự Argo. Có rất nhiều... sự hiếu kỳ, anh hiểu chứ?”

Homer hiểu. Và ông hiểu cả việc tất cả mọi người ở ngôi làng này chắc hẳn đều hơi điên khùng.

“Ôi trời ơi!” Đúng lúc ấy bà Covenant ré lên.

Ở giữa đường là một cỗ xe độc mã do một chú ngựa kéo.

Ông Covenant giảm tốc độ và dừng xe bên rìa vách đá, ông thấy người làm vườn của Biệt thự Argo lấp ló trên con đường mòn.

“Ông Nestor?” Bà Covenant kinh ngạc hỏi. “Ông làm gì ở đây vậy? Còn con ngựa này là của ai?”

Ông bà Covenant phải xuống xe lần thứ ba.

“Ông bà Covenant!” Người làm vườn mỉm cười lúng túng. “Chết thật, ông bà thứ lỗi vì con ngựa... Bây giờ tôi phải mang trả nó về chuồng đây.”

“Chuyện gì xảy ra ở đây vậy?” Bà Covenant thốt lên. “Tất cả mọi người đều không bình thường sao?”

Ông Nestor xua tay trấn an họ.

“Không, không. Xin bà bình tĩnh. Tôi đang xuống dưới làng với...” ông khó nhọc kìm nén và chỉ vào chú ngựa, “... Ariadne, khi mà... chẳng có gì... chẳng có gì xảy ra cả.”

Ngoại trừ việc có lẽ một người đã bay khỏi vách đá cùng chiếc Bọ Cát của anh ta.

“Bọn trẻ nhà tôi thế nào?” Bà Covenant nhìn về hướng Biệt thự Argo và hỏi, lúc này bà vô cùng lo lắng.



“Chúng khỏe, rất khỏe... tôi nghĩ vậy.” Ông Nestor khẽ nói. “Đã có vài... trở ngại bất ngờ, nhưng...”

“Ông nghĩ... nghĩa là thế nào?”

“Và những trở ngại bất ngờ là gì?”

Trong khu vườn của Biệt thự Argo, lúc này đã hoàn toàn tối om, người ta chẳng nghe thấy gì, dù là tiếng một con ruồi vo ve.

Jason, Julia và Rick đứng bất động trước ông bà Covenant và người chuyển nhà đang rất lúng túng của họ.

“Dù cháu có là ai thì hãy về nhà ngay lập tức.” Bà Covenant ra lệnh cho Rick, khi đã phân biệt được cậu bé với những đứa con của mình dưới lớp bụi than phủ đầy trên người.

“Jason, Julia, hẹn gặp lại...” Cậu bé lí nhí nói và cúi đầu bỏ đi.

“Đừng chắc chắn về điều đó như vậy.” Bà nói với Rick trong khi cậu tìm kiếm chiếc xe đạp của mình.

“Nó ở chỗ ông Leonard rồi!” Jason chột nhớ ra. “Cậu lấy cái xe đạp hồng của nhà Bowen đi!”

“Leonard? Nhà Bowen? Tất cả những người này là ai vậy?”

Rick lóc cóc đạp xe ra xa, vẫn cố chào lần cuối.

“Mẹ...”

“Im ngay, Julia. Con khiến mẹ thất vọng khủng khiếp.”

“Nhưng lỗi là của con mà mẹ!” Jason kêu lên.

“Bà Covenant, tôi...”

“Tốt hơn hết là ông hãy giữ yên lặng, ông Nestor. Ông thấy mấy đứa con tôi thảm hại thế nào chưa? Cái này là gì?”

“Hắc ín mẹ ạ. Và cái này là bồ hóng. Còn những cái này... con nghĩ chúng là táo.”

“Làm thế quái nào mà người con đầy hắc ín, bồ hóng và táo hả?” Bà Covenant lớn tiếng.

Jason lại cụp mắt xuống, nhưng nó không tài nào nhịn được cười.

“Có khi là...” Ông Covenant đánh bạo nói.

“MẸ YÊU CẦU BỌN CON GIẢI THÍCH! NGAY BÂY GIỜ!” Vợ ông cắt ngang.

“Ông Bowen phải dọn hết đồ khỏi tầng hầm.” Julia nói liền một hơi.

Jason mắt tròn mắt dẹt nhìn cô. Đó là lần đầu tiên cậu thấy chị mình bịa ra một lời thanh minh.

“Và ông ấy đã tới nhờ ông Nestor giúp một tay.” Chị cậu nói tiếp. “Hai bạn con, cùng với Rick... đã đề nghị được giúp. Ông Bowen đã già rồi. Và... trong tầng hầm của ông ấy...”

“... đầy hắc ín ạ.” Jason tiếp lời.

“... và bồ hóng.” Julia thêm thắt. “Bồ hóng và hắc ín ở khắp nơi. Và cả táo nữa ạ. Nhưng mà thật tuyệt. Bọn con làm việc ở đó trong hai ngày. Cuối cùng, để cảm ơn, ông Bowen đã tặng bọn con chiếc xe đạp màu hồng của con gái ông, và... một vật nhỏ mà Jason và con muốn tặng cho mẹ.”

Môi bà Covenant bắt đầu run run thấy rõ.

“Là c-c-cái gì?”

“Một bức tranh về Biệt thự Argo ạ.” Julia mỉm cười.

“Có cả một cái máy phát nhạc gắn vào khung tranh nữa ạ.”

Khi trông thấy nó, ông Nestor trợn tròn mắt. Giai điệu ngọt ngào của Peter Dedalus lan khắp khu vườn, khiến cơn giận của bà Covenant tan thành mây khói.

“Chao ôi,” bà khẽ nói và tha thứ cho chúng trong phút chốc, “các con tôi!”

Ông Homer, ông Nestor và ông Covenant nhìn nhau đầy hài lòng.

Nấp trong căn phòng trên ngọn tháp, cả ông Leonard Minaxo cũng mỉm cười. Ông chờ tất cả mọi người vào nhà rồi mới mở cửa sổ và trèo lên mái.

Với hai bước nhảy ông đã tới chỗ những cành cây ngô đồng và trèo xuống dưới.

(...)

Oblivia Newton ho sặc sụa và lê lết khắp các con ngõ của khu ổ chuột cũ kỹ, cố gắng tới phố Tình Bạn nhanh nhất có thể. Cô ả ngoái lại quan sát phía sau nhiều lần, hoảng sợ trước ý nghĩ Bá Tước Tro hay một người bảo vệ bí mật nào đó xuất hiện.

Oblivia rất mệt, nhưng ả quyết tâm theo đuổi cuộc tìm kiếm của mình, bởi lúc này ả đã biết mình phải tìm thứ gì: Chiếc Chìa Khóa Đầu Tiên.

Sau khi rời Đảo Mặt Nạ, Oblivia trở về quán trọ với trang phục rách tả tơi, cả người phủ đầy bụi than. Không hề bận tâm tới ánh mắt của ông chủ quán, Oblivia đi lên phòng, chọn mặc bộ đồ da màu đen của tay đua mô-tô, lấy ba lô và trả tiền phòng bằng những đồng xu còn sót lại.

Sau đó ả bỏ ra ngoài, khi đi qua một rạp hát nơi có buổi công diễn vở hài kịch của Goldoni, ả dừng lại để định hướng.

Cuối cùng Oblivia rẽ vào một ngõ tối và thấy một cầu thang nhỏ như thể được vẽ ở bên hông của ngôi nhà. Ắ bước xuống cầu thang, đi dưới một hàng cổng vòm và tới con ngõ chật hẹp cuối cùng nằm giữa hai tòa nhà trung cổ đồ sộ.

Oblivia cảm thấy thật bồn chồn, ả mơ ước được tắm nước nóng trong bể nước xoáy, cả đầu gội hương chanh leo nữa.

Ắ đi vào phố Tình Bạn, tới mở một cánh cổng nhỏ, bước vào bên trong một căn phòng tối om và thấy Cánh Cửa Thời Gian đã được ai đó giải phóng khỏi con thuyền gondola mà ả đã khéo che đậy.

“Tôi cứ nghĩ là cô sẽ không quay lại...” Ông Peter Dedalus thì thầm. “Tôi sẽ đánh cược là...”

“Đừng bao giờ đánh cược với tôi.” Oblivia cắt ngang. “Tôi đã lấy mọi thứ. Chúng ta sẵn sàng rồi chứ?”

“Rồi.” Người thợ đồng hồ cũ của Kilmore Cove trả lời và nhìn ngắm cánh cửa dẫn tới Ngôi Nhà Gương.

## Chương 27

# NHỮNG NGƯỜI MẤT NGỦ

---

**Ở** Biệt thự Argo, mọi ngọn đèn đã tắt. Sau khi tắm rửa sạch sẽ, Jason nằm dài trên giường và giữ hy vọng ngọn hải đăng sẽ được thắp sáng. Đêm nay thật sáng và lũ cú đã bắt đầu cất những tiếng rúc trầm mặc. Có tiếng cọt két và kẻo kẹt trong bóng tối, và giờ khi tất cả những chiếc bẫy đã bị phá hủy, Jason tin rằng bóng ma đó đang lướt qua lướt lại khắp các hành lang.

Cậu bé ngấm chiếc máy ảnh của ông Peter đang đặt gần cửa sổ rồi nhắm mắt, nhưng lập tức, cơn hỏa hoạn và những tiếng la hét lại hiện lên rõ rệt trong đầu cậu.

Trong một khoảnh khắc dường như Jason thấy ngọn hải đăng bật sáng. Trong một khoảnh khắc khác dường như cậu nghe thấy tiếng ngựa hí. Cậu ngẫm lại về cuộc chạy đua trên những ngọn đồi, về Công viên Rùa, về người gác ngọn hải đăng đã điều khiển tàu Metis, về những bức ảnh của ông Peter.

“Còn người đứng cùng anh ở gần ngọn hải đăng?”

“Đó là Ulysses.”

“Có lẽ nào lại như vậy?” Jason tự hỏi.

Cậu bé trườn khỏi chăn, đi chân trần trên sàn nhà lạnh cóng tới chỗ cửa sổ và ngắm nhìn đại dương.

Ngọn hải đăng đã tắt, nó đang chìm vào giấc ngủ.

Gần chiếc máy ảnh có vài trang trong cuốn album ít ỏi của ông Peter còn sót lại qua vụ hỏa hoạn. Một bức ảnh chụp chân dung người thợ đồng hồ cùng một người đàn ông thấp và đậm, có bộ râu rậm rạp tía nhọn. Người đó chắc hẳn là Núi Lửa Đen.

Còn bức ảnh thứ hai, đã bị khói và sức nóng phá hủy, được chụp ở gần ngọn hải đăng.

“Còn người đứng cùng anh ở gần ngọn hải đăng?”

“Đó là Ulysses.”

Jason nghe thấy tiếng động ngoài cửa. Tiếng bước chân. Bước chân khẽ khàng. Ai đó đang đi ngoài hành lang. Bước chân dừng lại trước cửa phòng cậu.

Xa xa, biển dội vào những mỏm đá của vách Salton Cliff.

Cánh cửa phòng cậu bé hé mở. Một bàn tay thò vào trước, sau đó là một bàn chân trần.

“Chị Julia!”

“Jason, em còn thức sao?”

“Vâng.” Cậu bé thờ bình thường trở lại.

“Chị không tài nào ngủ được.” Cô bé nói và ngồi xuống giường cậu em trai.

“Em cũng vậy.”

“Em đang làm gì thế?”

“Em ngắm cảnh bên ngoài thôi.” Jason ngồi thu mình bên cạnh chị gái. Cả hai luồn chân vào trong chăn rồi chúng nằm xuống cạnh nhau.

Jason nắm chặt bức ảnh trong tay.

“Em biết điều này không?” Rồi Julia nói. “Rick đã hôn chị.”

“Cậu ấy hôn chị ư?”

“Một nụ hôn thật sự. Trên môi chị.”

Jason há hốc miệng nhìn chị mình.

“Còn chị?”

“Chị giả vờ bị ngất.”

“Khỉ thật! Mai em sẽ nói với cậu ấy.” Jason khúc khích cười.

“Đừng có làm thế đấy, biết không?”

“Nụ hôn đó thế nào?”

Julia đặt hai tay ra sau gáy, mắt nhìn chăm chăm lên trần phòng ngủ.

“Tuyệt!” Và, một lát sau cô bé nói. “Em có nghĩ là ông Peter đã từng hôn Oblivia không?”

“Em không biết, nhưng em nghĩ là có.”

“Vậy là ông ấy yêu cô ta thật ư?”

“Ông ấy đã lao vào lửa để cứu cô ta.”

Jason nắm chặt bức ảnh trong tay.

“Em có cái gì đấy?”

“Một bức ảnh của ông Peter.”

“Cho chị xem.”

Đó là một bức hình đen trắng chụp ông Peter đứng cùng một người đàn ông khác trước ngọn hải đăng của Kilmore Cove.

Jason cảm thấy họng mình khô khốc lạ thường.

“Julia, chị có nhớ ông Peter đã nói gì không? Rằng người trong bức ảnh là ông Ulysses Moore...”

Julia trợn tròn mắt.

“Đúng rồi, ông ấy đã nói vậy.” Cô bé thì thầm và nhìn cậu em trai chăm chăm. “Chị cũng nghe thấy. Nhưng, Jason này... có thể nào lại như vậy?”

“Em không biết. Em cũng đang tự hỏi mình điều đó. Có lẽ... ông ấy đã đổi tên.”

Người đàn ông đang mỉm cười đứng cùng ông Peter trong bức ảnh chính là Leonard Minaxo.

- Còn tiếp -

---

Đây là email mới nhất chúng tôi nhận được từ Pierdomenico Baccalario, trước khi anh ấy lên đường tìm kiếm Kilmore Cove.

## **Cuốn nhật ký thứ năm**

Từ: Pierdomenico Baccalario



Tiêu đề: Cuốn nhật ký thứ năm

Ngày: 4 tháng 2 năm 2006 10:24:01

Tới: Ban Biên tập

*Chào các bạn, vẫn là tôi đây!*

Hy vọng bức thư này tới được chỗ các bạn mà không gặp phải vấn đề gì, bởi tôi sẽ không thể gửi lại nó cho các bạn. Tôi sẽ lại lên đường đến Kilmore Cove. Chuyến này tôi đi bộ...

Trước hết, tôi muốn các bạn đọc đoạn sau nằm trong cuốn nhật ký thứ năm của ông Ulysses Moore mà tôi vừa dịch được:

Đường ray biến mất trong bóng tối và bị lỗ đen của đường hầm nuốt chửng. Jason, Julia và Rick dừng lại bên ngoài, chúng lưỡng lự không biết có nên đi tiếp hay không. Chúng có cảm giác như đang đứng trước một cái miệng há to đầy cỏ dại và những cột dây leo đu đưa trong gió.

“Vậy là các cậu nghĩ, nó đang ở trong đó...” Jason thì thầm.

“Nó không thể ở chỗ nào khác được.” Rick phụ họa.

“Đấy là nếu nó tồn tại.” Julia đính chính, cô bé đang thấy khó chịu với đám cỏ chọc vào khuỷu tay.

Jason cúi xuống đường ray để thắp chiếc đèn dầu mà cậu vừa tìm thấy trong ga-ra của Biệt thự Argo, dùng bật lửa để nhen bấc cho đến khi nó phả ra một đám khói đen có mùi kinh khủng.

“Em không thể lấy một cái đèn pin sao?” Chị gái cậu quở trách.

Jason thở dài ngao ngán nhưng vẫn tiếp tục. Rồi cậu cũng xoay sở để biến đám khói bốc mùi thành một nguồn sáng dịu nhẹ màu đỏ.

“Được rồi đây!” Cậu bé hân hoan reo lên.

Cậu bước qua đường ray và là người đầu tiên đi vào bóng tối. Julia và Rick theo sau, cố gắng nhận diện thứ gì đó.

“Em có thấy gì không, Jason?” Được vài bước chân thì Julia hỏi.

“Mỗi đá và đường ray thôi.”

“Nó dài bao nhiêu nhỉ?” Cô bé vẫn dai dẳng.

“Bọn mình không biết.” Rick trả lời. “Bọn mình chỉ biết là đường ray không xuyên qua phía bên kia ngọn núi. Vậy nên...” Cậu bé bỏ lửng câu nói...

Jason nâng chiếc đèn lên.

“Khỉ thật...” Cậu thầm thì. “Các cậu cũng thấy nó chứ?”

Julia quay phắt về phía Rick.

“Nó có thật! Cậu đã có lý!”

Rick mỉm cười, cậu đặt tay mình lên tay Julia và giữ mắt nhìn chăm chú về phía trước, trên đường ray, nơi đầu tàu bị mất tích của Núi Lửa Đen đang lấp lánh ánh kim loại, ẩn hiện sau đám bụi.

Thật không thể tin nổi, phải không? Bây giờ tôi phải đi rồi, nhưng tôi sẽ sớm báo để các bạn hay tin.

*Pierd omenico*

*Tái bút: Tôi gửi kèm một bức ảnh mà tôi tìm thấy trong cuốn nhật ký thứ năm.*

